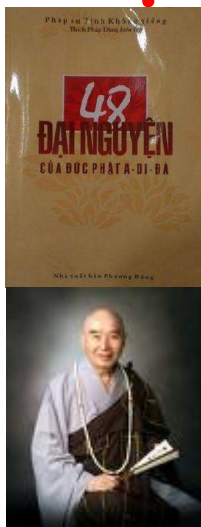


48 Đại Nguyện Của Đức Phật A Di Đà



Pháp sư Tịnh Không giảng
Thích Pháp Đăng biên tập

---o0o---

Nguồn:

<http://www.chuahoangphap.com.vn/>

Chuyển sang ebook: 04-08-2015

Người thực hiện:

Quý Trọng - quytrong131@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

---o0o---

Mục Lục

LỜI NÓI ĐẦU

48 LỜI ĐẠI NGUYỆN

PHẦN PHỤ: LÁ THƯ GỬI KHẮP CỦA ĐẠI SƯ ÁN QUANG

KHUYÊN KHẮP MỌI NGƯỜI TRÁNH VIỆC ĂN THỊT CỨNG SINH

---o0o---

Lời nói đầu

Bài thơ Khuyên Tu của HT. Vạn Đức viết:

Tuổi ngoài bảy chục gấm nhân sinh
Nhân sinh vô nghĩa mãi trôi quanh
Ăn uống, uống ăn, lo đại tiểu.

Việc làm, làm việc, nhọc bại thành.

Sống đeo danh lợi phiền đắc thát

Chết để thịt xương ngán hôi tanh

Ăn cần nhẩn gỏi chur thân hữu!

Đạp phá cửa trần gấp chuyển nhanh.

Chúng sinh luân hồi trong sáu nẻo, chìm đắm nơi ba đường, nổi khổ không nói hết được! May mắn được làm thân người, thế nhưng suy xét kỹ, lúc sinh tiền chỉ mê lầm, rộng tạo nghiệp ác, ham danh ham lợi, vì mình hại người, rốt cuộc thân này cũng tan hoại. Muôn thứ đem chẳng được, chỉ có nghiệp theo mình.

Vì vậy, đức Phật từ bi thương xót chúng sinh, mở bày pháp môn Tịnh độ, chỉ rõ hai cõi khổ vui, để thức tỉnh muôn loài đang chìm đắm. Ví như ao sen bấu trước mặt, non đao sau lưng, khi ấy tự nhiên sinh khởi nguyện thù thắng, nhằm chán Ta-bà, cầu sinh Cực Lạc; đã sinh lòng tín - nguyện, ắt chuyên nhất trì danh, liền được độ thoát. Sinh về cõi kia, gặp Phật nghe pháp, được đạo giác ngộ tốt cùng. Dùng hữu niệm vào vô niệm, do vắng sinh khế hợp vô sinh. Đôn ngộ tâm này vốn sẵn bình đẳng.

Đại sư Nguyên Hiểu, đời Đường nói: “Bốn mươi tám nguyện trước vì phàm phu, sau kiêm vì Thánh nhân thuộc Tam thừa”. Như thế, đủ thấy sự màu nhiệm của Tông Tịnh độ, trước tiên nhằm làm cho hàng phàm phu được độ thoát.

Đại sư Ấn Quang từng nhận định: “Phàm phu được về Cực Lạc, đều do lòng tín - nguyện cảm Phật, nên nương nhờ từ lực, mang nghiệp vãng sinh, vượt ngang sáu nẻo, chóng thành Phật quả”.

Cao cả thay! Pháp môn niệm Phật, độ khắp ba căn, gồm thân lợi độn. Nếu chẳng có pháp môn vi diệu như thế, hàng phàm phu khó thể thoát khỏi biển nghiệp sinh tử, vượt lên bến bờ giác ngộ.

Bốn mươi tám nguyện là duyên khởi của Tịnh tông, là tinh hoa của toàn bộ giáo lý Tịnh độ, là chiếc thuyền từ bi rộng lớn cứu vớt chúng sinh. Thật chẳng thể nghĩ bàn!

Vì nhận thấy lợi ích rộng lớn trên, nên chúng tôi biên soạn bài giảng 48 Đại Nguyên Của Đức Phật A-di-đà do Pháp sư Tịnh Không giảng giải làm thành sách.

Lại nữa, chúng tôi khảo cứu thêm bản Chú Giải Kinh Vô Lượng Thọ của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, nhận thấy đoạn nào thiết yếu dẫn thêm vào, khiến quyển sách này thêm phong phú.

Chúng tôi chỉ mong những ai hữu duyên thấy nghe, xem qua sách này, đều phát lòng tin - nguyện sâu chắc, chuyên nhất trì danh, cùng làm bạn sen, đồng hạnh đồng nguyện, cùng về Tịnh độ.

Chúng tôi thành kính tri ân Thượng toạ Thích Hoằng Tri (trụ trì chùa Vạn Đức), Thượng toạ Thích Chân Tính (trụ trì chùa Hoằng Pháp), Thượng toạ Thích Thiện An (trụ trì chùa Thiên Hưng) cùng các Phật tử Tâm Hoa, Tâm Hạnh, Diệu Lý, Diệu Thuận... đã nhiệt tâm giúp đỡ để sách này sớm được hoàn thành.

Trong lúc biên soạn ắt không sao tránh khỏi những sơ sót, kính mong chư Tôn đức cùng chư mười phương niệm tình chỉ dạy thêm cho. Thành kính tri ân vô lượng!

Chúng tôi xin nguyện đem việc lành hồi hướng Tam Bảo luôn trường tồn ở thế gian, bốn ân, ba cõi, pháp giới chúng sinh, cùng tu niệm Phật cùng sinh Cực Lạc, cùng thành Phật đạo.

Chùa Huệ Viễn 02-04-2010.

Kính ghi!

Thích Pháp Đăng

(Pháp sư Tịnh Không giảng tháng 10-1994)

---o0o---

48 Lời Đại Nguyên

(Pháp sư Tịnh Không giảng tháng 10-1994)

Trong kinh *Vô Lượng Thọ*, phẩm thứ sáu *Phát Đại Thệ Nguyện*, chính là 48 lời nguyện nổi tiếng của Phật A-di-đà. Lời nguyện trong năm bộ kinh dài ngắn không giống nhau: có hai bản dịch đời Ngô, Hán là 24 lời nguyện; có hai bản dịch đời Đường, Ngụy là 48 lời nguyện, còn có một bản dịch đời Tống là 36 lời nguyện. Các điều mục này nhiều ít không đồng, nhưng nội dung bên trong phần lớn là như nhau. Có lúc nguyện thứ hai, nguyện thứ ba hợp lại thành một; có lúc một nguyện lại phân thành hai, ba nguyện. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập phẩm kinh này có thể nói rất khổ nhọc. Đoạn kinh văn

này do ông cùng cư sĩ Mai Quang Huy và thầy của họ, tổng cộng có ba người, phải trải qua ba tháng mới hoàn tất xong.

Từ đó có thể thấy, các ngài đặc biệt chú trọng đoạn kinh văn này, bởi vì đây là chỗ nương tựa có thể nói rất quan trọng của Tịnh tông, là trung tâm, tinh hoa của toàn kinh, nhất định không thể xem nhẹ được. Hội tập, phần lớn phân làm 24 đoạn, lấy 24 đoạn làm thư và lấy 48 làm mục, lời chú phía trước mỗi một nguyện chính là 48 nguyện. Đây chính là 24 cùng với 48 nguyện thầy đều gìn giữ, khiến cho mặt thật xưa nay của năm loại bản dịch, ngay đây tất cả có thể hiển bày, công việc hội tập rất giỏi, đích thật rất có dụng tâm.

Nguyện 1: Trong nước không có ác đạo.

Nguyện 2: Không đọa ba đường ác.

Âm: Pháp Tạng Bạch ngôn: “Duy nguyện Thế Tôn, đại từ thính sát. Ngã nhược chứng đắc Vô Thượng Bồ-đề, thành Chánh Giác dĩ. Sở cư Phật sát, cụ túc vô lượng, bất khả tư nghì, công đức trang nghiêm. Vô hữu địa ngục, ngạ quỷ, cầm thú, quyền phi, nhuyển động chi loại. Sở hữu nhất thiết chúng sinh, dĩ cập Diêm-ma-la giới tam ác đạo trung, lai sinh ngã sát, thọ ngã pháp hoá, tất thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ-đề. Bất phục cánh đọa ác thú, đắc thị nguyện, nãi tác Phật. Bất đắc thị nguyện, bất thủ Vô Thượng Chánh Giác.”

Nghĩa: Pháp Tạng bạch rằng: Bạch đức Thế Tôn, cúi xin đức Thế Tôn thương xót nghe cho: “Nếu tôi chứng được Vô Thượng Bồ-đề, thành Đẳng Chánh Giác rồi, cõi nước Phật ở có đầy đủ vô lượng công đức trang nghiêm không thể nghĩ bàn, không có địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh các loại. Nếu có chúng sinh trong ba đường ác cho đến địa ngục sinh về cõi tôi, thọ giáo pháp của tôi, đều thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ-đề, không đọa lại ba đường ác nữa. Được như vậy tôi mới làm Phật. Nếu không được như nguyện, thì không thành Vô Thượng Chánh Giác”.

Giảng:

Trên thực tế, lúc này Tỳ-kheo Pháp Tạng đã thành Phật rồi, chính là Phật A-di-đà. Ngài ở trước thầy của mình bạch rằng: “Cúi xin đức Thế Tôn thương xót nghe cho”. Đây là lời kính xin thầy thương xót quán sát, nghe Ngài phát nguyện, nếu như thấy có chỗ nào không đúng thì xin chỉ dạy. Đây chính là ý này.

“Tôi nếu chứng được Vô Thượng Bồ-đề, thành Đẳng Chánh Giác rồi, cõi nước Phật ở có đầy đủ vô lượng công đức trang nghiêm không thể nghĩ bàn”. Đoạn này là tổng thuyết, nội dung của 48 lời nguyện bao quát hết ở trong đây. Vô Thượng Bồ-đề chính là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Thành Chánh Giác là viên mãn thành Phật. “*Cõi nước của Phật ở*” chính là thế giới Cực Lạc. Ở thế giới Cực Lạc, nguyện vọng nhất định được đầy đủ, vô lượng công đức trang nghiêm không thể nghĩ bàn, đây chính là nguyện vọng của Phật A-di-đà. Cõi nước của Ngài nhất định vượt hơn cõi nước chư Phật, bởi vì tất cả cõi nước chư Phật đều có khiếm khuyết, nhưng cõi nước của Phật A-di-đà thì không có. Công đức trang nghiêm ở đây nhiều vô số kể, loại công đức trang nghiêm bậc nhất chính là mười niệm được sinh về Cực Lạc, không còn thoái chuyển thành Phật. Việc này đích thực là công đức trang nghiêm bậc nhất, bởi vì trong tất cả cõi nước chư Phật đều không được như vậy, nên công đức trang nghiêm này không thể nghĩ bàn, vô cùng đặc biệt, đó cũng chính là nguyện thứ 18 trong 48 lời nguyện của Phật A-di-đà.

Nguyện thứ nhất: cõi nước không có đường ác. Tất cả cõi nước chư Phật đều có đường ác, riêng thế giới Tây Phương Cực Lạc không có ba đường ác, “*không có địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh các loại*”. Thông thường, nghiệp ác chưa hết, nghiệp thiện đã chín muồi thì được sinh vào ba đường thiện, như chúng ta hiện tại đang ở cõi lành, nhưng phước hưởng hết vẫn phải đọa lạc. Cho nên nói ba đường thiện này không phải rất ráo, viên mãn. Có một điều cần phải cảnh giác, đó là có nhiều người trong khi hưởng phúc lạc lại tạo nghiệp ác, lúc đó sự đọa lạc càng nhanh, càng thâm. Đây đều là sự thật không thể không đề cao tỉnh giác.

Những người ở thế gian đang hưởng phước báo, nào biết được trong phước đang ẩn chứa tai họa khôn lường. Người không có phước báo, nghèo khổ, muôn tạo nghiệp ác cũng không tạo được. Nói một cách khác, đời này mình đang chịu quả báo, ắt không dễ gì tạo nghiệp cực nặng được; nói một cách khác nữa là đời sau sẽ không bị đọa lạc. Người hưởng phước không như vậy, vì ngày nay mức sống đã được nâng cao. Như tôi, khi còn nhỏ ở thôn quê, đa phần ăn rau cải đơn sơ, rất ít ăn thịt. Chỉ có ngày mừng một, mười lăm mới có thể mua được thịt ăn; ngày lễ ngày Tết mới có được một bữa ăn ngon, ngày thường ăn rất đơn giản. Nói cách khác, ít có cơ hội để sát sinh, tạo nghiệp. Còn những người giàu có, mỗi ngày ăn thịt cá, gà vịt..., vậy thì oan trái này sao có thể tính đếm! Những người này, chúng ta nhìn thấy rất ngưỡng mộ, thế nhưng về sau khi quả báo hiện tiền mới biết được, vậy thì họ thật không bằng, kém xa với chúng ta rồi. Nên biết, nhân quả thông ba đời, chân tướng của những sự việc này chúng ta không thể không biết.

Quả báo địa ngục do tạo thượng phẩm thập ác chiêu cảm nên. Ngạ quỷ là trung phẩm ác, súc sinh là hạ phẩm thập ác. Trong một số kinh, Phật nói do tham, sân, si mà chiêu cảm ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh; sân hận đọa địa ngục, tham lam đọa ngạ quỷ, ngu si đọa súc sinh. Tham, sân, si là ba thứ độc phiền não, tạo thành ba đường khổ này.

Thế giới Tây Phương không có ba đường ác, hay nói cách khác chính là không có người tạo nghiệp ác, không có phiền não tham, sân, si. Vì không tạo nhân xấu nên không chịu quả xấu. Người vãng sinh về thế giới đó, công phu niệm Phật thuần thực rồi sẽ khắc phục được tham sân si, tuy chưa đoạn hẳn nhưng có thể chế phục được. Chính chúng ta có năng lực này. Khi đến thế giới Tây Phương, nhờ sức Phật giúp đỡ, nó liền mất hết, do đó được nhất tâm. Lợi ích này quá rộng lớn. Khi học các pháp môn khác, muốn đoạn diệt phiền não này phải nhờ hoàn toàn vào chính mình. Đối với pháp môn Tịnh độ, chúng ta chỉ cần hàng phục, khắc chế một nửa, còn một nửa thì Phật giúp là được rồi. Cho nên, pháp môn này gọi là pháp môn tha lực, lợi ích này chúng ta có được rất lớn.

“Nếu có chúng sinh trong ba đường ác, cho đến từ địa ngục sinh về cõi tôi, thọ giáo pháp của tôi, đều thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ-đề, không đọa lại ba đường ác nữa”. Đây là nguyện thứ 2 trong 48 lời nguyện, lời nguyện không đọa vào đường ác. Tất cả chúng sinh, chỉ cho chúng sinh trong sáu đường. Dĩ cập Diêm-ma-la giới (Diêm-ma-la chính là vua Diêm-la, chúng ta gọi là điện thứ năm trong thập điện Diêm Vương. Vua Diêm-la điện thứ năm cũng gọi là Bình Đẳng Vương. Trong kinh *Địa Tạng Bồ-tát Bốn Nguyện* có giới thiệu, có nói rõ ông cai quản địa ngục). Ba đường ác là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Chúng sinh ở đây, ác nghiệp, tập khí rất nặng, thế nhưng họ có thể nghe được pháp môn này mà nhất tâm xưng niệm A-di-đà Phật, cầu sinh Tịnh độ, cũng có thể được vãng sinh.

Cho nên, pháp môn này chỉ cần đầy đủ ba điều kiện: tin có Phật A-di-đà, tin có thế giới Tây Phương Cực Lạc, tin niệm Phật nhất định được Phật A-di-đà đến tiếp dẫn vãng sinh. Lòng tin phải chân thật. Tin mà không nghi ngờ thì sẽ được như nguyện. Nếu thực sự muốn về Cực Lạc, ở nơi đây mọi thứ đều phải buông bỏ. Vừa muốn đi mà ở đây lại không buông bỏ thì không phải thật muốn đi. Nếu thật muốn đi, nhất định hết thấy đều buông, buông tất cả thân tâm thế giới, trong lòng không còn dính mắc nữa, chắc chắn sẽ được Phật A-di-đà tiếp dẫn. Chúng ta ở đây phát tâm, Phật A-di-đà liền biết được, khi duyên chín muồi hay khi thọ mạng hết, Phật liền đến tiếp dẫn. Sinh về Cực Lạc rồi, nhận được sự giáo hoá của Phật, thọ nhận giáo pháp của Ngài. Pháp chính là phương pháp giáo dục, đem ác nghiệp tập khí chuyển hoá thành công đức vô lượng, tức thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ-đề, là thành Phật.

Về đến Tây Phương Cực Lạc, tiếp nhận sự giáo hoá của Phật A-di-đà, nhất định thành Phật, cứu cánh viên mãn trong quá trình tu học, quyết định không còn đọa vào đường ác, cho dù những đời quá khứ còn những tập khí ác này. Nếu như không ở thế giới Cực Lạc thì việc tu học sẽ có tiên có thoái, nếu vừa thoái chuyển rất có thể sẽ vào ba đường ác. Những trường hợp này rất

nhiều. Đây chính là nói mười phương thế giới tu hành có khiếm khuyết, có thoái đọa. Thế giới Tây Phương thì không có thoái chuyển, không có thoái chuyển thì tuyệt đối sẽ không còn đọa vào đường ác. Chúng ta đã tạo tội nghiệp rất nặng, nếu được sinh về cõi Cực Lạc thật yên tâm. Nguyện này của Phật A-di-đà là lời bảo đảm, bảo đảm cho tất cả chúng sinh không còn rơi vào đường ác nữa.

“Được như vậy tôi mới làm Phật. Nếu không được như nguyện, thì không thành Vô Thượng Chánh Giác”. Ngài nói, nguyện này của tôi phải được hiển bày đầy đủ, tôi liền thành Phật. Nếu như nguyện của tôi không thể hiển bày đầy đủ, không thể viên mãn, tôi thì không thành Phật. Vậy thì Phật A-di-đà bây giờ ở thế giới Tây Phương đã được mười kiếp, những gì Ngài nguyện thấy đều hiển bày, thấy đều thực hiện được, mỗi một câu, mỗi một chữ đều chân thật, không giả dối. Như vậy, do đây có thể thấy nguyện vọng của Phật A-di-đà, tâm nguyện của Phật A-di-đà là hy vọng tất cả chúng sinh mau sớm thành Phật.

Nguyện này của Phật A-di-đà vượt hơn chư Phật. Hơn nữa, Ngài đã thực hiện được nguyện vọng này rồi. Vấn đề chính ở đây là chúng sinh có tin hay không, có chịu phát nguyện vãng sinh về cõi nước Cực Lạc của Ngài hay không? Không phải Phật A-di-đà không có năng lực đưa chúng ta về cõi nước của Ngài, vấn đề chúng ta có chịu đi hay không. Không chịu thì sao? Đó là chúng ta có chướng ngại. Bạn muốn hỏi điều gì làm chướng ngại? Không phát nguyện chính là chướng ngại. Phát nguyện rồi chướng ngại không còn. Ai chịu niệm Phật thì người đó vãng sinh. Pháp môn này là pháp môn bình đẳng. Không luận tạo ác hay làm thiện đều không hề gì, chỉ cần bạn hồi tâm chuyển ý, chân thật niệm Phật, cầu nguyện vãng sinh, ắt mỗi người đều được vãng sinh. Đây là công đức chân thật hiếm có, không thể nghĩ bàn.

Nguyện 3: Thân có sắc vàng ròng.

Nguyện 4: Có ba mươi hai tướng tốt.

Nguyện 5: Thân không sai biệt.

Âm: Ngã tác Phật thời, thập phương thế giới, sở hữu chúng sinh, linh sinh ngã sát, giai cụ tử ma chân kim sắt thân. Tam thập nhị chủng, đại trượng phu tướng; đoan chánh tịnh khiết, tất đồng nhất loại. Nhược hình mạo sai biệt, hữu hảo xú giả, bất thủ Chánh Giác.

Nghĩa: Khi tôi thành Phật, các chúng sinh ở mười phương thế giới sinh về cõi tôi, thân tướng sắc vàng ròng, đủ ba mươi hai tướng tốt, đủ tướng đại trượng phu, đoan nghiêm chánh trực, tất cả đồng một dung nhan. Nếu có tốt xấu, hình thể sai biệt, thì không thành Chánh Giác.

Giảng:

Trong đoạn này có ba lời nguyện. Nguyện thứ nhất: “*Khi tôi thành Phật, các chúng sinh ở mười phương thế giới sinh về cõi tôi, thân tướng sắc vàng ròng*”. Ở đây, chúng ta phải đặc biệt lưu ý. Ngài nói tất cả chúng sinh ở mười phương thế giới, không có sự phân biệt lựa chọn, vậy đương nhiên có cả chúng ta trong đó. Ngài không nói chúng sinh trên quả cầu ở thế giới Ta-bà là ngoại lệ, cũng không nói thế giới Hoa Tạng của Phật Tỳ-lô-giá-na là ngoại lệ. Vậy tất cả cõi nước chư Phật cũng đều ở trong lời nguyện của Ngài. Bồ-tát Văn Thù, Bồ-tát Phổ Hiền cũng được vãng sinh. Do vậy, từng chữ Ngài phát nguyện, chúng ta cần phải xét rõ ràng mới thấy được lời nguyện, chúng ta cần phải quán xét rõ ràng mới thấy được lời nguyện này đích thực vĩ đại.

Sinh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thân tướng đều bình đẳng, đều là thân sắc tử ma, có nghĩa là vàng ròng. Chữ “*ma*” chỉ cho sự thuần vàng, không hề có chút tạp chất nào trong đó. Hãy nhìn lại thân hiện nay của chúng ta, rất mong manh mềm yếu, khi trái gió trở trời liền bị đau bệnh. Người ở Tây Phương không như thế, vì họ có kim thân, thể chất của họ đều là vàng thật.

“*Đủ ba mươi hai tướng đại trượng phu*”: Trời người trong cõi nước ấy đều đủ những tướng tốt này. Vậy thì, sinh về thế giới Cực Lạc, tướng mạo chúng ta đều giống như Phật A-di-đà.

Theo *Tam Tạng Pháp Số*, ba mươi hai tướng tốt là:

Bàn chân bằng phẳng, lòng bàn chân không có chỗ nào lõm xuống.

Dưới chân có hình bánh xe ngàn căm.

Ngón tay thon dài.

Chân tay mềm mại.

Chân tay có màng lưới.

Gót chân đầy đặn.

Lưng bàn chân cao đầy, tròn trịa.

Bắp đùi tròn như bắp đùi Nai chúa.

Tay dài quá gối.

Mã âm tàng.

Thân to rộng.

Lỗ chân lông có sắc xanh.

Lông trên thân mượt đẹp.

Thân sắc vàng.

Thân có ánh sáng, chiếu xa một trượng.

Da mềm mại mượt mà.

Hai lòng bàn chân, hai lòng bàn tay, hai vai và đỉnh đầu đều bằng phẳng đầy đặn.

Hai nách đầy đặn.

Thân oai nghiêm như tướng sư tử.
Thân thể đoan chánh, ngay thẳng.
Vai tròn đầy.
Phật đủ 40 cái răng.
Răng trắng, khít, bằng.
Bốn răng nanh trắng sạch.
Hai gò má tròn đầy như tướng gò má sư tử.
Nước miếng trong họng có vị ngon ngọt nhất.
Lưỡi rộng dài.
Âm thanh thanh tịnh, nghe vang rất xa.
Mắt màu xanh biếc.
Lông mi như râu chúa.

Giữa hai chân mày có tướng Bạch hào.
Trên đỉnh có nhục kế (thịt gồ lên cao hình búi tóc).
Đại sư Vọng Tây nói: *“Do bởi nguyện ấy, các chúng sinh đã vãng sinh đều đủ các tướng, chẳng cần tu mà được”*.

Hỏi: Sau khi hoa nở hay là trước khi hoa nở được đầy đủ các tướng?

Đáp: Chẳng đợi đến khi hoa nở, hễ sinh về cõi ấy liền có.

Nguyện thứ ba: *“Đoan nghiêm chánh trực, trong sạch, tất cả đều đồng một dung nhan”*. Điều này cần phải ghi nhớ chắc thật trong tâm. Người ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, không có hai loại tướng mạo. Hãy xem trong đạo tràng hiện nay của chúng ta, mọi người cùng ngồi với nhau nhưng tướng mạo của mỗi người đều sai khác. Người của thế giới Tây Phương có nhiều hơn đi nữa, tướng mạo cũng như nhau, tuyệt nhiên không có hai tướng. Vậy thì việc này sẽ phiền phức rồi! Tướng mạo đều giống nhau, lúc nhận dạng một người chẳng lẽ nhận sai hay sao? Mọi người vóc dáng đều giống như Phật. Ai là Phật A-di-đà, ai là Bồ-tát Quan Thế Âm? Chúng ta khi vãng sinh, chẳng lẽ đều không nhận ra hay sao? Việc này có thể hoàn toàn yên tâm.

Sinh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, chúng ta đều có tha tâm thông. Quá khứ, hiện tại, vị lai của mỗi người đều rõ ràng, đều thấu hiểu, nhất định không thể nhận sai. Ý nghĩa hàm chứa trong đây rất sâu rộng. Đoạn trước đã nói qua, 48 lời nguyện của Ngài từ đâu mà có. Đều do nhìn thấy rất nhiều cõi chư Phật, ở ngay trong đó dốc lòng chọn lựa mà thành. Người của mười phương thế giới, tướng mạo không đồng, tướng tốt thì sinh kiêu ngạo; tướng không tốt, thô xấu thì tự ti mặc cảm, đây đều là những thứ phiền não. Ở thế giới Tây Phương, tướng mạo của mọi người đều như nhau, không có kiêu ngạo, cũng không có tự ti. Phật A-di-đà thật là sáng suốt. Ngài dùng phương pháp này làm tất cả phiền não đã có của bạn tự nhiên được tiêu trừ, đến đâu cũng đều không có. Phương cách tuyệt diệu hiển lộ ở thế giới này là pháp giới bình đẳng. Cho nên, ở tựa đề của quyển kinh là muốn đem phương pháp

bình đẳng này độ tất cả chúng sinh, khiến cho tất cả đều bình đẳng thành Phật, cùng với Phật A-di-đà không sai không khác.

Người của thế giới Tây Phương tướng mạo “*đoan nghiêm chánh trực*”, khiến cho người sinh tâm hoan hỷ, sinh tâm cung kính. Tướng mạo này so với tất cả cõi nước chư Phật thì không đâu có thể sánh bằng. Do đó, học trò của Phật A-di-đà không luận đi đến thế gian nào, (đây là việc rất bình thường mỗi ngày) đi đến mười phương thế giới cúng dường chư Phật, đi hoá độ chúng sinh..., đều nhận sự tôn kính đặc biệt của đại chúng nơi đó.

Ở thế gian này, có không ít người ngưỡng mộ Bồ-tát Di-lặc, ưa thích tương lai sinh tới Nội viện Đâu-suất, Tịnh độ của Bồ-tát Di-lặc. Vì tương lai Ngài hạ sinh thành Phật, mọi người sẽ cùng theo Ngài xuống nhân gian giáo hoá chúng sinh, cũng như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên là đệ tử của Thích-ca Mâu-ni cùng Phật Thích-ca thị hiện hoá độ chúng sinh. Họ có nguyện này, vậy nguyện này có tốt không? Rất tốt, rất đáng được ca ngợi. Thế nhưng muốn vãng sinh nội viện Đâu-suất không phải một việc dễ dàng. Tại sao vậy? Tiêu chuẩn thu nhận học trò của Bồ-tát Di-lặc rất cao. Tôi nghĩ lại, để đi đến nội viện đó, tiêu chuẩn của tôi không đủ, không cách gì đến được. Còn Phật A-di-đà, tiêu chuẩn lựa chọn này của Ngài rất thấp, có thể nói vô cùng thấp, tôi có thể nắm chắc đi được. Nếu như trên thế giới Cực Lạc rồi, muốn trở lại thế giới Ta-bà hay muốn đến Nội viện Đâu-suất rất dễ. Trong kinh có nói, mười vạn ức cõi nước Phật trong một sát-na liền quay về. Đến gặp Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát vừa nhìn thấy học trò của Phật A-di-đà còn đặc biệt xem trọng và hoan nghênh nữa, tốt hơn nhiều so với làm học trò của Ngài. Cũng như một bàn tính, chúng ta phải biết đánh, phải biết tính toán. Một khi sinh về Cực Lạc, chúng ta cũng có thể đến Đâu-suất Nội viện, cũng có thể thân cận Bồ-tát Di-lặc. So với học trò của Ngài thì chúng ta còn nhận được sự chiêu đãi đặc biệt hơn. Nếu như khi đó chúng ta đến nghe Bồ-tát Di-lặc giảng kinh, hàng ghế phía trước đặc biệt sẽ dành cho chúng ta, học trò của Ngài Di-lặc sẽ ngồi phía sau. Cho nên, đây đều là sự thật không thể nào không biết, là một con đường dễ dàng thân cận Bồ-tát Di-lặc.

Nguyện 6: Có túc mạng thông.

Nguyện 7: Có thiên nhãn thông.

Nguyện 8: Có thiên nhĩ thông.

Âm: Ngã tác Phật thời, sở hữu chúng sinh, sinh ngã quốc giả, tự tri vô lượng, kiếp thời túc mạng, sở tác thiện ác. Giai năng đồng thị, triệt chính, tri thập phương khứ lai, hiện tại chi sự. Bất đắc thị nguyện, bất thủ Chánh Giác.

Nghĩa: Khi tôi thành Phật, các chúng sinh sinh về cõi tôi, biết rõ vô lượng kiếp trước (túc mạng thông), thấy rõ những việc thiện ác đã làm

(thiên nhãn thông), nghe rõ sự việc khắp mười phương cả ba đời khứ, lai, hiện tại (thiên nhĩ thông). Nếu không được như nguyện, thì không thành Chánh Giác.

Giảng:

Trong đoạn này cũng bao gồm ba nguyện, nói về túc mạng, thiên nhãn, thiên nhĩ. Người thể tục thường hay gọi đây là thần thông. “*Thông*” là thông đạt, vô ngại; “*thần*” là thần kỳ, diệu đoán. Năng lực của người ở Tây Phương Cực Lạc đều đặc thù, ngày nay chúng ta gọi là công năng đặc dị. Cách gọi này rất hợp lý, công năng này siêu việt hơn người thường. Vậy thì thần thông từ đâu mà có? Phải có báo đức, tu đức. Nếu chúng ta được vãng sinh Cực Lạc đều được như vậy, đây gọi là báo đức, không phải tu đức. Báo đức này do bốn nguyện của Phật A-di-đà giúp đỡ. Nếu sinh đến nơi đó mà không có năng lực thì Phật A-di-đà không thành Phật, cho nên vừa sinh đến đó, năng lực này đều có đủ. Vậy năng lực thần thông này bao lớn? Nó vượt qua các vị A-la-hán. Năng lực túc mạng thông và tha tâm thông của A-la-hán chỉ có thể biết đến trong vòng 500 kiếp, còn hơn 500 kiếp về trước thì không thể biết được, cho nên 500 kiếp về sau cũng không biết. Cái biết còn có phạm vi, tuy nhiên phạm vi này không lớn. Thiên nhãn của Bồ-tát thì tùy theo cấp bậc địa vị của Bồ-tát đó. Năng lực thiên nhãn của Bồ-tát rộng hơn so với A-la-hán, nhưng cũng chỉ có thể nhìn thấy được một đại thiên thế giới, một ngàn đại thiên thế giới. Chỉ có thiên nhãn của Như Lai mới có thể nhìn tận hư không khắp pháp giới, bao gồm tất cả cõi nước chư Phật, không nơi nào không thấy.

Vậy thì người sinh về thế giới Cực Lạc, năng lực thần thông này của họ cũng như Phật A-di-đà, lợi ích này có được quá lớn. Tu các pháp môn khác phải đến bậc Bồ-tát Bát địa thì năng lực mới gần giống với Phật, nhưng phải tu đến ba A-tăng-kỳ kiếp. Còn chúng ta mới niệm Phật có vài năm, vãng sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, năng lực liền giống như Bát địa, Cửu địa, Thập địa Bồ-tát. Những vị Bồ-tát này khi nhìn thấy chúng ta ắt khó thể tin được, nhưng đây là sự thật. Khi đã thấu hiểu rồi không thể không bội phục. Các bạn quá gặp may rồi! Thật tuyệt vời! Tu chỉ mấy ngày mà đạt được, các Ngài đã tu ba A-tăng-kỳ kiếp, khổ nhọc đến như vậy mới đạt được. Vì sao chúng ta mới trong chốc lát mà đạt được? Hơn nữa, điều chúng ta được còn thù thắng hơn, siêu việt hơn các Ngài, làm sao các Ngài không bội phục chứ! Việc này, người thể tục thường nói, có người gặp may, có người không gặp may. Bồ-tát thì không gặp may, chúng ta thì rất may, trong chốc lát liền gặp được pháp niệm Phật này, liền được thành tựu. Cho nên, lời nguyện này chúng ta phải rất tỉ mỉ mà quán sát.

“*Các chúng sinh sinh về cõi nước tôi*”. Đây là pháp bình đẳng, tuyệt nhiên không có lựa chọn. Người sinh đến thế giới Hoa Tạng đương nhiên là Bồ-

tát, địa vị đó rất cao. Chúng ta là phàm phu, sao có thể so sánh được? Tất cả chúng sinh chính là bao gồm mười pháp giới mà nói, tất cả đều bao gồm trong đó. “*Biết rõ vô lượng kiếp trước*”, không giống các vị A-la-hán chỉ biết túc mạng trong 500 đời, còn những người sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc biết được túc mạng trong vô lượng kiếp. Cho nên, vừa sinh đến Tây Phương, cho dù hạ phẩm vãng sinh cũng được như vậy, vì trong lời nguyện của Ngài không có nói hạ phẩm là ngoại lệ, cũng không nói thượng phẩm thượng sinh có năng lực thần thông này. Vậy nói cách khác, hạ hạ phẩm vãng sinh cũng có năng lực này, đây mới là pháp bình đẳng.

Hiện tại, có rất nhiều người muốn biết đời trước của mình. Họ đi tìm những người có linh tánh, còn có một số thì dùng thuật thôi miên để biết việc đời trước, cũng chẳng qua chỉ biết được một đời, hai đời, đến đời thứ ba thì không biết nữa. Sinh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, đời quá khứ từ vô lượng kiếp đến nay, bạn đều biết được, hà tất phải tìm những phiền phức này. Huống chi trong xã hội ngày nay, những việc gạt người rất nhiều. Những người linh tánh đó nói với bạn việc đời trước chưa chắc thật, có lẽ tự mình đã lừa mà chính mình cũng không hề hay biết. Khi đến thế giới Tây Phương, tự mình có thể biết hết được mọi việc, đời đời kiếp kiếp việc thiện việc ác mà mình đã làm đều biết rõ, biết trong quá khứ luân hồi ở nơi nào, đã ở qua thế giới nào v.v..., quyền thuộc trong nhà của chính mình, mình đều nhớ hết, đều tường tận.

Thấy rõ là thiên nhân giống như Phật. Chỗ này Ngài nói không có giới hạn. Mười phương cõi nước, vô thượng vô biên thế giới, bạn đều xem thấy một cách tường tận, một cách thấu đáo. Chúng ta thật đáng thương. Như ở phía dưới lầu 4 đây có rất nhiều người đang nghe kinh, chúng ta không thể nhìn thấy, nếu là người của thế giới Cực Lạc liền thấu hiểu, liền thấy một cách tường tận. Chúng ta đang ngồi tại đây, trên địa cầu này, phía bên kia là nước Mỹ, người ta đang làm gì mình cũng không nhìn thấy được. Nơi thế giới Tây Phương, tất cả cõi nước chư Phật đều ở nơi trước mặt, chúng ta có khi trong lòng lo nghĩ, dính mắc đối với người thân của mình, người mình ưa thích thì niệm niệm không quên, hy vọng giúp đỡ họ. Chúng ta có tâm nguyện muốn giúp đỡ nhưng lại không có năng lực. Bạn nên biết, đến thế giới Cực Lạc liền có năng lực này, thân bằng quyến thuộc của chúng ta, cho dù họ sinh ở cõi nào ta đều nhìn thấy, họ nói gì ta đều nghe được, tình hình của họ ta đều biết được tường tận, mỗi giờ mỗi phút đều có thể thị hiện đi giúp họ. Thế nên, có trí tuệ chân thật, có năng lực rồi, tâm nguyện của chúng ta mới được xem là chân chánh, thực hiện trọn vẹn. Nếu không được vãng sinh, tâm nguyện của chúng ta xem như uổng mất, bạn sẽ không có được năng lực đó.

Nghe rõ là thiên nhĩ. Tất cả chúng sinh trong mười phương thế giới, họ nói những lời nói gì bạn cũng nghe được một cách rõ ràng, cho dù lời nói rất

nhỏ cũng nghe được tường tận, thật là thần thông rất lớn. Như trong truyện Tây Du Ký, Tôn Ngộ Không mà đem so với họ còn thua kém xa. Tôn Ngộ Không mới chỉ có 72 phép thần thông, khi cân đầu vôn qua 10 vạn dặm, phải dùng không biết bao nhiêu lần cân đầu vôn mới tới nơi được. Người ở Cực Lạc không như vậy, chỉ một niệm là đã tới chỗ mình muốn tới, năng lực của Tôn Ngộ Không không thể so sánh được.

Ở Tây Phương có năng lực thần thông như thế nên trợ giúp rất lớn trong việc tu hành. Người thế gian sao có tham sân phiền não? Vì sao khởi mê hoặc tạo nghiệp? Thật ra chính do mê lầm lẽ thật nhân quả, từ đó khởi lên những mê hoặc này nên mới tạo nghiệp. Nếu như chân tướng của sự thật này có thể thông đạt thấu suốt thì làm sao họ có thể sinh phiền não, làm sao có thể bị mê hoặc, làm sao có thể tạo nghiệp! Cho nên, Phật A-di-đà ở thế giới Tây Phương Cực Lạc có những cơ cấu giáo dục thực tại, tạo ra tác dụng rất lớn. Phiền não tập khí của chúng ta có từ vô thủy kiếp, chỉ cần đến Cực Lạc rồi đều được hoá giải. Tại sao vậy? Những việc trong quá khứ, hiện tại, vị lai, trong mười phương ba đời, tự mình biết được, đều nhìn thấy một cách tường tận, ở đây (so với chư Phật Như Lai ở nơi khác) giảm được thời gian giảng kinh nói pháp rất nhiều. Phương pháp này quả thật là sáng suốt tột cùng.

“Nếu không được như nguyện, thì không thành Chánh Giác”. Đức A-di-đà đã thành Phật rồi, chúng tỏ nguyện này đã được thành tựu. Ở thế gian, có một số người nói có thần thông. Bạn có thể nói với họ rằng, việc này chẳng gì ghê lắm, vài năm nữa anh hãy xem tôi đây, anh làm sao có thể so được, đích thực như vậy. Chúng ta biết được sự thật này, cho nên chăm chỉ niệm Phật vài năm vãng sinh liền có được, đó là đức năng thần thông của quả Địa thượng Như Lai, không phải Bồ-tát có thể so sánh được. Những người ở thế giới Cực Lạc đều có những năng lực này, năng lực thần thông, đức năng đều đầy đủ. Tuyệt đối không phải trong những kinh Đại thừa khác nói, hay là dùng thiên định, dùng các phương pháp tu mà có thể được giống như họ. Như đã nói, báo đức là Phật A-di-đà dùng ngàn ức tuổi tu học thành tựu viên mãn đã 5 kiếp, lấy đức năng này để giúp đỡ cho chúng ta. Lý thì vô cùng sâu rộng, sự thì kì diệu chẳng thể sánh, đạo lý phi thường vô kể, tuyệt nhiên không phải không có lý luận nương tựa. Chúng có lý luận nương tựa, chúng ta xem thấy đơn giản chỉ là thần thoại. Cho nên, pháp môn này là pháp môn khó tin, lý luận quá sâu. Ngay đến Bồ-tát Đẳng giác, nếu như không nhận được sự giúp đỡ của chư Phật Như Lai cũng chẳng thể hiểu được rõ ràng, cho nên có thể tin là việc không dễ dàng.

Trong kinh có nói, nếu có thể tin được là do thiện căn phước đức của vô lượng kiếp trong quá khứ đã huân tập. Nếu như không phải căn lành xưa của vô lượng kiếp chín muồi, hôm nay, cho dù bạn gặp được rồi cũng sẽ cho rằng tiêu thuyết để xem, xem lâu ngày bạn cũng không thể tin. Cho nên,

pháp môn này người thông thường không thể tin, không thể tiếp nhận. Tôi đã nói rất nhiều lần rồi, đó là chuyện rất bình thường. Nếu họ vừa nghe liền tin, liền tiếp nhận, đây là việc rất không bình thường, đây đều là sự thật. Cho nên, năng lực thần thông này của họ vượt qua tất cả Bồ-tát, còn Thanh văn, Duyên giác thì không cần phải nói.

Nguyện 9: Có tha tâm thông.

Âm: Ngã tác Phật thời, sở hữu chúng sinh, sinh ngã quốc giả, giai đắc tha tâm trí thông. Nhược bất tất tri, ức na-do-tha bá thiên Phật sát, chúng sinh tâm niệm giả, bất thủ Chánh Giác.

Nghĩa: Khi tôi thành Phật, nếu có chúng sinh sinh về cõi tôi đều được tha tâm trí thông, biết được tâm niệm của chúng sinh xa cách trăm ngàn vạn ức cõi Phật. Nếu không như vậy, thì không thành Chánh Giác.

Giảng:

“*Khi tôi thành Phật, nếu có chúng sinh*”. Đây là bình đẳng, không có chọn lựa, là chín pháp giới hữu tình chúng sinh thấy đều bình đẳng. “*Sinh về cõi tôi, đều được tha tâm trí thông*”. Tha tâm thông là gì? “*Tha*” là người khác. Trong tâm của người khác khởi lên động niệm, họ đều biết. Cho nên, các vị phải nên cẩn thận, đừng nên cho rằng ý nghĩ khởi lên trong tâm của mình không ai biết. Người của thế giới Cực Lạc đều biết được; nhất cử, nhất động, mọi việc làm của chúng ta họ đều nhìn thấy; bạn nói thầm với người khác họ cũng nghe được. Người của thế giới Cực Lạc rất nhiều, rất đông, đếm không thể hết, họ đều rõ tất cả. Đây là sự thật. Đây là điều phải nên nghĩ đến, là đức năng tương lai của chính chúng ta. Hiện tại, người ở cõi nước Cực Lạc đều đầy đủ đức năng thần thông này rồi.

Cho nên, tâm của người niệm Phật phải thanh tịnh, phải quang minh chánh đại, không làm một tí việc không phải với người khác. Người khác có lỗi với mình thì được, ta không thể có lỗi với người; người khác gạt mình thì được, ta không thể gạt người. Vì sao vậy? Việc họ tạo là nghiệp luân hồi, hôm nay việc mình làm là muốn sinh Tây Phương. Tất cả việc ta làm phải đúng tiêu chuẩn của thế giới Cực Lạc. Tiêu chuẩn của thế giới đó chính là 48 nguyện, chính là kinh *Vô Lượng Thọ*. Những gì trong kinh *Vô Lượng Thọ* đã nói, mình phải làm được, như vậy mới có thể vãng sinh Tây Phương, như vậy mới có thể tăng cao phẩm vị.

“*Biết được tâm niệm của chúng sinh xa cách trăm ngàn vạn ức cõi Phật*”. Bạn xem lời phát nguyện này thật rõ ràng. Ưc na-do-tha chính là vô lượng vô biên cõi nước chư Phật, bao gồm tất cả chúng sinh. Trong lòng họ muốn điều gì, nghĩ cái gì, người ở thế giới Cực Lạc thấy đều biết. Năng lực này rất xác thực, vượt qua Thanh văn, Duyên giác, quyền giáo Bồ-tát, cho

đến 41 vị pháp thân đại sĩ trong hội Hoa Nghiêm, số lượng nhiều như vậy cũng không thể so sánh với họ. Chân thật mà nói, năng lực này là từ Bồ-tát Bát địa trở lên mới có thể sánh bằng, từ Bát địa trở xuống đều chẳng thể so sánh. Cho nên, năng lực thần thông trí tuệ này của họ là siêu thắng, chân thật, đạt đến chỗ tốt nhất. Cũng bởi vì sự thật này nên tất cả chư Phật không thể không ca ngợi Phật A-di-đà, không thể không bội phục Phật A-di-đà, cũng không thể không đem học trò của mình giới thiệu cho Phật A-di-đà. Thế nên, hiện tại chư Phật độ khắp chúng sinh thật dễ dàng, đều khuyên họ đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, giao cho Phật A-di-đà độ họ. Hiện tại, tất cả chư Phật Như Lai ở mười phương thế giới đang chiêu sinh cho Phật A-di-đà. Nếu họ không nghe thì sao? Giảng cho họ nghe về nhị thừa tam thừa, còn như họ nghe thì đều bảo đi đến thế giới Cực Lạc, lập tức liền thành Phật. Từ sự thật này, chúng ta mới hiểu được rằng, các vị Bồ-tát hay những người ở thế giới Tây Phương Cực Lạc đều có năng lực như vậy, năng lực biết mình biết người. Họ có túc mạng thông là biết chính mình, có khả năng chính mình hiểu rõ mình, tự mình thông đạt từ vô lượng kiếp cho đến nay. Đây là tri nhân, biết người khác là tri kỉ. Biết người biết mình, giáo hoá chúng sinh mới khế cơ, mới dễ dàng độ được chúng sinh. Cho nên, mỗi ngày họ đến mười phương cõi nước chư Phật cúng dường, nghe pháp, tùy duyên cứu độ chúng sinh. Họ có năng lực như vậy, còn chúng ta sinh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, bao lâu mới có năng lực này? Chỗ này trong kinh không có nói, nghĩa là vừa sinh đến đó liền có năng lực này. Thấy Phật A-di-đà rồi, năng lực này như được hồi phục lại. Thực tế mà nói vẫn chưa được hồi phục, mà phải nhờ sự giúp đỡ của Phật, mãi đến khi chính chúng ta tu thành tựu ở thế giới Tây Phương. Quá trình tu tập ở đó rất nhanh, rất mau, nhất định không thoái chuyển, vì không phải chúng ta chỉ tiếp nhận một sự giáo hoá của Phật A-di-đà, mà mỗi ngày còn đi học hỏi tất cả chư Phật khắp mười phương. Bạn thử nghĩ xem, mỗi ngày bạn nghe được bao nhiêu pháp? Bao nhiêu Phật nói pháp cho bạn nghe? Cho nên, tu học ở Cực Lạc tiến bộ nhanh là điều đương nhiên rồi. Đến khi chính mình chân thật đạt được địa vị này, tự mình chân thật chứng được Thập địa, Phật A-di-đà vẫn giúp đỡ bạn, khiến cho đạo lực trí tuệ thần thông của bạn so với Thập địa Bồ-tát đồng nhau, nên đây là sự lựa chọn thông minh. Thế giới Tây Phương thù thắng không gì bằng. Vì sao chúng ta lại không muốn vãng sinh?

Trước đây thầy Lý có nói, nếu như người không chịu sinh về thế giới Cực Lạc; người này, nếu chẳng phải là người ngu thì là người cuồng vọng, hoặc nói cách khác là không bình thường. Người bình thường ai cũng tin tưởng, cũng muốn về thế giới Cực Lạc!

Nguyện 10: Được thần túc thông.

Nguyện 11: Khấp cúng dường chư Phật.

Âm: Ngã tác Phật thời, sở hữu chúng sinh, sinh ngã quốc giả, giai đắc thần thông tự tại, Ba-la-mật-đa. Ư nhất niệm khoảnh, bất năng siêu quá, ức na-do-tha bá thiên Phật sát, châu biến tuần lịch, cúng dường chư Phật giả, bất thủ Chánh Giác.

Nghĩa: Khi tôi thành Phật, nếu có chúng sinh sinh về cõi tôi, được thần thông tự tại Ba-la-mật-đa (thần túc thông). Trong khoảnh khắc nếu không đi khấp trăm ngàn vạn ức cõi Phật để cúng dường, thì không thành Chánh Giác.

Giảng:

Lời nguyện này nói về một số công năng đặc dị. Như đoạn trước đã nói qua, người của thế giới Tây Phương đều đầy đủ túc mạng thông, thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm trí thông. Đây chính là thần thông tự tại. Chỗ này chính là thần túc thông. “Túc” là viên mãn. Lời nguyện này là biến hoá tự tại. Đến bờ giác Niết-bàn cần phải có trí tuệ của Phật. Muốn được trí tuệ này cần phải phụng sự rất nhiều vị Phật mới có thể thành tựu. Nếu như chính mình không có thần túc thông thì khó làm được. Do đó, đối với người tu hành, thần túc thông vô cùng quan trọng. Thế giới vô lượng vô biên, chư Phật cũng vô lượng vô biên, nếu chúng ta thừa sự cúng dường mỗi một vị Phật, từng vị từng vị thứ tự mà đi đến, vậy thì vô lượng kiếp cũng cúng dường không biết hết. Do vậy, nhất định phải có bản lĩnh phân thân, cùng một lúc có thể phân ra trăm ngàn ức hoá thân, đồng thời đi cúng dường vô lượng vô biên chư Phật Như Lai như thế mới có thể làm xong được! Các đại chúng của thế giới Tây Phương đích thực có năng lực này.

Vậy, khi chúng ta sinh đến Cực Lạc, một phẩm phiền não cũng chưa phá được, làm gì có được năng lực thần thông này. Năng lực này không phải muốn mà có được, phải công phu tu hành. Thông thường, người tu hành đạt được thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông thì không khó; đạt đến túc mạng thông, tha tâm thì tương đối khó, cho đến đạt được biến hoá tự tại (thần túc thông) thì càng khó hơn. Cho nên, Tiểu thừa không có thần túc thông, phải là bậc Thánh A-la-hán mới có được. Sơ quả hay Nhị quả vẫn không có năng lực này. Sơ quả có thiên nhãn thông. Cho nên, để đạt được năng lực thần túc thông thì công phu phải rất sâu. Vậy khi chúng ta đến Tây Phương, lập tức năng lực này dường như gần bằng với Bồ-tát Thập địa. Đây hoàn toàn nương vào bốn nguyện của Phật trợ giúp cho chúng ta.

Sách *Hội Sớ* giảng chữ “*thần túc*” (cũng gọi là như ý túc) có ba loại:

- 1 - Vận thân hành: bay trên không giống chim bay.
- 2 - Thắng giải thông: chỗ xa xôi nhất, chỉ tác ý tư duy liền tới ngay.
- 3 - Ý thể thông: chỗ xa xôi nhất, tâm vừa nghĩ đến, thân đã ở đó.

Ngài Pháp Tạng nói, khi Ngài thành Phật (hiện tại thì Ngài đã thành Phật rồi, đã hơn 10 kiếp) “*nếu có chúng sinh sinh về cõi tôi*”. Chúng ta phải phân tích câu này cho tường tận, Ngài nói chúng sinh sinh về cõi Ngài, vậy chúng sinh đương nhiên là bao quát hết. Hạ hạ phẩm vãng sinh, Phạm Thánh Đồng Cư đều gồm trong đó. Chúng ta đương nhiên có phần. Sinh đến cõi đó đều được thần thông tự tại Ba-la-mật-đa, là thần thông tự tại như đã giảng ở phần trên, chính là thần túc thiên biến vạn hoá. “*Ba-la-mật-đa*”, câu này là Phạn ngữ, ý nghĩa là viên mãn, là thần thông tự tại viên mãn. Nếu như nghiêm khắc mà nói, Phật mới có được năng lực này. Năng lực này của Phật mới chân thật viên mãn. Bồ-tát tuy có nhưng vẫn chưa đầy đủ. Đây đều do oai thần của Phật A-di-đà giúp đỡ, thật không thể nghĩ bàn. Tiếp theo là ví dụ nói rõ năng lực cứu cánh tròn đầy này, một sự việc không thể nghĩ bàn, đó chính là cúng dường vô lượng vô biên chư Phật Như Lai. Sự cúng dường này là gì? Như vừa rồi đã nói, nhất định dùng thần lực phân thân biến hoá đồng thời đi cúng dường.

“*Trong khoảng một niệm*” đến nơi rồi, tốc độ rất nhanh, thật không thể nghĩ bàn. Thời gian một niệm là bao lâu? Trong kinh Phật nói, thời gian là cái khảy móng tay của một người rất khỏe, rất dũng mãnh. Một cái khảy móng tay của người sức khỏe kém thì chậm chạp, vậy một người sức khỏe tốt có sức mạnh khảy được nhanh. Một cái khảy móng tay này thời gian rất ngắn, có 60 sát-na; một sát-na có 900 lần khởi niệm. Có thể thấy niệm này rất nhỏ, thời gian rất ngắn. Chỗ này ý nói thời gian rất ngắn, trong lòng khởi niệm thì đã đến nơi.

Thế giới Cực Lạc cách xa thế giới Ta-bà này mười muôn ức cõi Phật. Thế nhưng, một niệm liền đến. Thật ra, cự ly này rất ngắn, không phải dài. Trong kinh *Hoa Nghiêm* nói Ta-bà và Cực Lạc đều ở trong biển thế giới Hoa Tạng. Thế giới Hoa Tạng có 20 tầng, Ta-bà và Cực Lạc đều ở tầng thứ 13, có thể thấy được đích thực là không xa. Như biển thế giới Hoa Tạng, Phật nói thế giới lớn như vậy ở ngay trong thái không này có vô lượng vô biên, vậy cự ly này không biết đến bao xa, nhưng cự ly có xa hơn cũng chỉ một niệm liền đến. Đây là ý gì? Thực tế mà nói, vô biên cõi nước cũng không ngoài tâm, đều là vật biến hiện từ tự tánh chân tâm, cho nên tâm này vừa khởi lên đã đến rồi. Vậy thì ngày nay chúng ta không có năng lực phân thân, chúng ta có khởi niệm nhưng không đến được. Người ở thế giới Tây Phương Cực Lạc có bản lãnh này, họ vừa khởi niệm, thân đã đến chỗ họ muốn. Đây là phân thân, là hoá thân.

“*Trong khoảng một niệm, nếu không đi khắp trăm năm ngàn vạn ức cõi Phật*”. Đây là nói có được năng lực này chỉ trong khoảng một niệm. Như trong *Đại Kinh* đã nói: “*Mười phương chẳng lìa cõi này, ba đời chẳng rời một niệm*”. Những lợi ích chân thật này, trong kinh *Đại thừa* đã nói. Vậy thì

đi đến mười phương cõi nước Phật để làm gì? Tuần tự cúng dường khắp cả chư Phật. Đây là nói các vị Bồ-tát đã đi qua nhiều cõi nước Phật. Như vậy, việc cúng dường, thừa sự chư Phật cũng rất nhiều. Bạn đi cúng dường Phật, Phật nhất định nói pháp cho bạn nghe. Một ngày, một vị Phật nói cho bạn nghe một câu pháp. Trong một ngày, bạn cúng dường vô lượng chư Phật thì nghe được vô lượng pháp. *Đại Tạng Kinh* của chúng ta không biết bao nhiêu ngàn lần, vạn lần v.v..., cũng chính là nói người ở nơi đó tiến độ tu tập rất nhanh.

Nguyện 12: Quyết định thành Chánh Giác.

Âm: Ngã tác Phật thời, sở hữu chúng sinh, sinh ngã quốc giả, viễn ly phân biệt, chư căn tịch tĩnh. Nhược bất quyết định, thành Đăng Chánh Giác, chứng đại Niết-bàn, bất thủ Chánh Giác.

Nghĩa: Khi tôi thành Phật, nếu có chúng sinh sinh về cõi nước tôi, xa lìa tâm phân biệt, các căn tịch tịnh. Nếu họ chẳng quyết định thành Đăng Chánh Giác, chứng đại Niết-bàn, thì không thành Chánh giác.

Giảng:

Nguyện này của Phật A-di-đà cũng như một lời xác nhận, một lời bảo đảm, một giấy chứng nhận thành Phật cho chúng sinh khi đến Tây Phương Cực Lạc. Lời nguyện này rất quan trọng, bao gồm tất cả chúng sinh và chúng ta trong đó. Người sinh đến thế giới Cực Lạc “*lìa xa tâm phân biệt*”, đây chính là trong giới có định. “*Các căn vắng lặng*”, do đây có thể biết ở thế giới Tây Phương, giới định huệ viên dung, một chính là ba, ba là một. Nếu nói một thì nhất định bao hàm hai loại kia trong đó, vì thế mà tu hành trọn vẹn, chứng đắc trọn vẹn. Cúng dường khắp chư Phật, được trí tuệ Phật, cho nên việc tu học đều được viên mãn.

Tất cả các pháp vốn lặng lẽ, cảm xúc hiện tại của chúng ta thì không vắng lặng. Thế nhưng, thực chất nó vẫn luôn lặng lẽ, nếu như không vắng lặng, vì sao chư Phật Như Lai lại thấy được cái tướng này, còn chúng ta không thấy? Vậy thì do đây có thể biết, chướng ngại này không phải ở cảnh giới bên ngoài, chính bản thân chúng ta sinh ra chướng ngại, chính chúng ta có vấn đề. Vấn đề là gì? Là do tâm loạn động. Tâm này vừa động thì tất cả các pháp đều đối lập, có sinh có diệt, có đến có đi, có phải có trái. Khi tâm vừa khởi niệm liền sinh ra những hiện tượng này. Những hiện tượng này vốn là không có. Trong luận Khởi Tín nói: “*Bốn giác vốn có, bất giác vốn không*”. Xưa nay không có cho nên gọi là một niệm bất giác nên có vô minh, vô minh chính là tướng động, vì động nên không được thanh tịnh, hoàn toàn trái ngược với tánh đức vốn có. Ở trong cảnh giới Nhất chân, hay còn gọi là cảnh giới chân thật thì mọi thứ đều chẳng có chẳng không, không có phân biệt, không có chấp trước. Nếu dùng lời để nói thì chính là các căn vắng lặng,

xa lìa mê lầm phân biệt. Người học Phật tu hành trong vô lượng kiếp chính là đem cái sai lầm, tập khí này tu sửa thay đổi, phục hồi để các căn được thanh tịnh.

Lặng lẽ đến trình độ tương đối thì bỗng nhiên khai ngộ, liền thấy được bản tánh. Kiến tánh rồi thành Phật. Cho nên, lời nguyện nói “*nếu chẳng quyết định thành Đẳng Chánh Giác, chứng đại Niết-bàn*”, đây là chứng được Phật quả tốt cùng, chúng ta gọi thành Phật. Giáo lý Thiên Thai tông nói có bốn loại Phật là Tạng, Thông, Biệt, Viên. Nơi đây, nghĩa là chứng được quả vị cứu cánh Viên giáo. Vậy thì vãng sinh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, ngay trong một đời nhất định thành Phật. Đây là đại nguyện không thể nghĩ bàn của Phật A-di-đà. Pháp môn này, người xưa gọi là Phật pháp ngay trong đời thành Phật. Ngoài pháp môn này ra, tu học bất cứ pháp môn nào cũng đều không thể trong một đời được thành tựu mà phải nhiều đời nhiều kiếp, trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp, cho đến vô lượng kiếp.

Có người nghi vấn: Vậy chúng ta chết rồi đến thế giới Cực Lạc mới thành tựu quả Phật. Câu nói này đã sai và bạn cũng đều thấy sai. Nếu như chết rồi thì thất bại, còn có thể thành tựu được sao! Chết rồi thì phải luân hồi. Chỗ này thành thật mà nói, nếu chết rồi thì rất thâm, không thể cứu được. Tu pháp môn này là pháp môn không chết. Thông thường, khi tuổi thọ hết phải chết, nhưng lại không chết, Phật A-di-đà đến tiếp dẫn chúng ta về thế giới Cực Lạc. Vì thế, các vị phải nên biết, vãng sinh là sống mà đi về Tây Phương chứ không phải chết rồi mới đi.

Khi lâm chung, nhìn thấy Phật đến tiếp dẫn liền theo Phật. Thân thể này không cần nữa bỏ đi. Do đó, bạn sống mà đi, chẳng phải chết mà đi. Việc này các vị phải hiểu rõ ràng thấu đáo. Pháp môn này chân thật chính là pháp môn không chết. Cái bị thối thối này không phải thứ tốt nên bỏ đi. Bình thường chúng ta không cách gì vứt bỏ. Khi Phật đến, nương vào Phật lực giúp đỡ mới có thể đem cái thân này buông bỏ mà cùng đi với Phật. Cho nên, người có phước báo lớn chẳng thể không tu phước. Phước báo rất quan trọng. Bình thường tôi khuyên khích các vị đồng tu phải tam phước, sáu pháp hòa, phải tu lục độ, đây đều là tu phước. Chúng ta tu phước nhưng không nên hưởng hết phước, phước báo giữ lại sau cùng hãy hưởng. sau cùng là thời khắc nào? Đó chính là thời khắc vãng sinh. Người chân thật có phước báo thì không bị bệnh, biết được ngày giờ ra đi, Phật đến tiếp dẫn, ngòai vãng sinh cũng được, đứng vãng sinh cũng được, thật tự tại biết bao! Đó gọi là có phước báo, phước báo cả đời luôn giữ lại đến lúc đó mà dùng. Việc này thật tự tại, tự tại để vãng sinh.

Lúc trước, ngay khi tôi đang thọ giới, Hòa thượng giới sư của chúng tôi là Pháp sư Đạo Nguyên có nói cho chúng tôi nghe một công án, nhà Phật gọi là công án, người thường gọi là kỳ tích, thế nhưng là sự thật, không phải giả

đổi. Về trước, có một người xuất gia, lúc vãng sinh, ông hỏi mọi người, các vị có thấy qua người ngồi vãng sinh chưa? Có người nói thấy. Ông nói còn có người đứng vãng sanh thì sao? Mọi người nói cũng có nghe qua. Kết quả ông đầu trút xuống đất, chân thẳng lên cao và hỏi: vãng sinh như vậy các vị có nghe nói qua chưa? Họ nói chưa nghe. Ngay đó ông liền vãng sinh. Đây thật có phước báo, đó là du hí nhân gian. Cho nên, nói chúng ta vãng sinh phải như vậy mới tự tại. Nằm bệnh liệt trên giường mà ra đi thì quá thua kém rồi, đó chính là nói không có phước báo. Vì vậy, việc này rất quan trọng, rất thiết yếu.

Đối với những người không có phước báo, khi bị bệnh rồi lâm chung vãng sinh. Chúng ta phải luôn giúp đỡ trợ niệm cho họ. Khi sắp ra đi, tướng mạo thay đổi rất tốt, cái cảm vẫn đang động đậy, thể nhưng không có âm thanh. Người niệm Phật chúng ta cho rằng họ đang ở cùng chúng ta niệm Phật. Thật ra không phải vậy, thật ra họ nói đang nhìn thấy Phật đến tiếp dẫn, họ muốn nói với mọi người, cùng chào tạm biệt mọi người nhưng không nói ra tiếng, thể lực của họ không đủ nói ra lời, đó là còn sống mà vãng sinh về với Phật, không thể nói chết. Cho nên, nói một cách rõ ràng, pháp môn này là pháp môn không chết. Bạn xem chúng tôi đang còn sống mà vãng sinh, sinh đến thế giới Cực Lạc một đời thành Phật, không cần trải qua đời thứ hai, nhất định thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đây chính là bản tâm, bản nguyện của Phật A-di-đà, duy chỉ có một kỳ vọng rộng độ vô biên chúng sinh, giúp đỡ mọi người trong một đời chúng đắc cứu cánh Niết-bàn. Các nguyện trên đều nói rõ sinh đến thế giới Cực Lạc được báo thân vi diệu chân thật bất khả tư nghì, không những đạo lực thần thông trí tuệ đầy đủ, hơn nữa Phật A-di-đà còn bảo đảm cho chúng ta một đời thành Phật viên mãn. Cho nên, khi đọc đến những lời nguyện này, làm sao mà không muốn vãng sinh chứ! Không có lý do nào không muốn về Tây Phương Cực Lạc.

Trong 48 nguyện, Đại sư Thiện Đạo gọi năm nguyện (nguyện 12: Quyết thành Chánh Giác; nguyện 13: Ánh sáng vô lượng; nguyện 15: Thọ mạng vô lượng; nguyện 17: Chư Phật khen ngợi; nguyện 18: Mười niệm được vãng sinh) đều là nguyện chân thật. Ngài xem đây là tâm yếu của 48 nguyện. Như vậy, nguyện này là tâm tủy của đại nguyện rộng lớn.

Bản hoài của Phật chỉ mong tất cả chúng sinh quyết thành Phật. Để thực hiện lời nguyện này, Ngài lại có nguyện lớn thù thắng “*mười niệm được vãng sinh*”. Chúng sinh chỉ nương theo đây mà tu hành. Thật giản dị bậc nhất, là đường tắt trọn vẹn tột cùng, nhanh chóng tột cùng. Niệm Phật được vãng sinh, quyết định sẽ thành Phật.

Nguyện 13: Ánh sáng vô lượng.

Nguyện 14: Chạm quang minh được an lạc.

Âm: Ngã tác Phật thời, quang minh vô lượng, phổ chiếu thập phương, tuyệt thắng chư Phật, thắng ư nhật nguyệt chi minh thiên vạn ức bội. Nhược hữu chúng sinh, kiến ngã quang minh, chiếu xúc thần kỳ thân, mặc bất an lạc, từ tâm tác thiện, lai sinh ngã quốc. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.

Nghĩa: Khi tôi thành Phật, có quang minh vô lượng chiếu khắp mười phương chư Phật, gấp ngàn vạn lần ánh sáng của nhật nguyệt. Nếu có chúng sinh nào thấy hay chạm được ánh sáng của tôi thì được an lạc, khởi từ tâm, làm điều lành, sau sinh về nước tôi. Nếu không được như vậy, thì không thành Chánh Giác.

Giảng:

Đây là nguyện ánh sáng vô lượng. Rất nhiều kinh luật đã nói, thông thường ánh sáng của chư Phật có năng lực lớn đều chiếu đến một hai trăm vạn thế giới. Ánh sáng của Phật A-di-đà là vô lượng. Do đâu mà ánh sáng của Ngài vô lượng? Chúng ta ở trong nhân địa của Phật A-di-đà mà thấy, Ngài tiếp nhận sự chỉ dạy của thầy ngàn ức năm. Thầy của Ngài vì Ngài mà giới thiệu tận hư không khắp pháp giới bao gồm tất cả cõi nước chư Phật, Ngài đều nhìn thấy. Các vị tướng tượng xem, duyên này quá thù thắng. Tất cả cõi nước chư Phật, ngài không bỏ sót một nơi nào, đều đã từng tham quan, thăm viếng học tập qua. Thế nên, Ngài thành Phật rồi ánh sáng của Ngài chiếu khắp, không phải mấy trăm, mấy ngàn thế giới Phật mà vô lượng vô biên cõi nước chư Phật, tất cả thấy đều chiếu khắp. Quá khứ có nhân duyên này, ngày nay có quả báo như vậy.

Tuyệt đối thù thắng hơn chư Phật. “Tuyệt” là tuyệt đối, “thắng” là siêu thắng, tất cả ánh sáng của chư Phật không hề so sánh với Phật A-di-đà, cho nên đức Phật Thích-ca Mâu-ni ca ngợi với Phật A-di-đà là ánh sáng tôn quý. Đây là lời nguyện quang trung cực tôn. “Vượt hơn ánh sáng nhật nguyệt”. Ánh sáng hiện tại của thế gian này chính là ánh sáng của mặt trời và mặt trăng, nhưng ánh sáng này cũng không thể so sánh với ánh sáng của Phật. Có lẽ, có người muốn hỏi, ánh sáng của Phật hơn mặt trời, mặt trăng, vậy tại sao chúng ta không nhìn thấy? Ánh sáng của Phật chiếu khắp, chúng ta không nhìn thấy được vì nhãn căn chúng ta đã bị chướng ngại.

Khoa học ngày nay đã chứng minh, đã tìm thấy trong vũ trụ có rất nhiều thứ ánh sáng, các tia sáng không giống nhau. Trong vô lượng ánh sáng, tia sáng đó, mắt thịt của chúng ta chỉ có thể nhìn thấy một đoạn nhỏ mà thôi, dài hơn so với đoạn nhỏ này chúng ta không nhìn thấy, ngắn hơn so với đoạn này cũng không nhìn thấy. Thế nhưng, nhờ có máy móc khoa học, chúng ta có thể nhìn thấy được, như tia X-quang, tia tử ngoại... các tia sáng này mắt thịt chúng ta không nhìn thấy được nhưng thực tế nó đang tồn tại, khoa học hiện tại có thể nhận thấy được rất nhiều tia sáng khác nhau.

Ánh sáng của Phật A-di-đà thì nơi đâu cũng chiếu đến, do nhãn căn của chúng ta có vấn đề nên không nhìn thấy được. Vấn đề này đã từ đâu mà có? Gốc bệnh của vấn đề này chính là vọng tưởng chấp trước mà Phật đã nói. Nếu như có thể đem vọng tưởng chấp trước bỏ đi, hồi phục lại tâm thanh tịnh, thì năng lực thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông... của ta liền hồi phục. Đây đều là bản năng có sẵn, khi đó chúng ta sẽ thấy được ánh sáng của Phật A-di-đà, ban ngày không cần ánh sáng của mặt trời, ban đêm cũng không cần ánh sáng đèn. Tại vì sao? Vì thế giới này là một mảng ánh sáng. Trong kinh Đại thừa thường nói “*kho tàng ánh sáng rộng lớn*”, thế giới của chúng ta cũng như vậy.

Nếu như bạn không tin, bạn có thể xem qua *Niên Phổ* của lão Hòa thượng Hư Vân. Trong *Niên Phổ* có ghi lại một đoạn công án. Một buổi chiều nọ, trên đường Hòa thượng trở về am tranh, đường tương đối xa. Giữa đường Ngài gặp hai người quen, cùng là người xuất gia đang cầm đèn lồng. Gặp được Hòa thượng, họ nói: “*Trời tối như vậy mà Ngài còn thấy đường à?*”. Họ vừa nói xong, trước mặt Hòa thượng là một mảng tối mịt, thì ra ngay lúc đó Hòa thượng thấy trời đang sáng, vì lúc đó Ngài không có tâm phân biệt, từ đầu đến cuối cùng không khởi niệm, cảnh giới đó luôn luôn giữ được như vậy. Người khác vừa nhắc tới trời tối thì Ngài liền khởi lên phân biệt nên trời liền tối. Nếu Hòa thượng giữ mãi được như thế, không khởi tâm phân biệt thì đến ngày thứ hai trời vẫn sáng. Đây chính là chân tướng sự thật không một chút giả dối. Phàm phu bị vọng tưởng phân biệt chấp trước tạo ra muôn ngàn chướng ngại nên không được như Ngài.

“*Nếu có chúng sinh nào thấy hay chạm được ánh sáng của tôi thì được an lạc, khởi từ tâm làm điều lành, sau sinh về nước tôi. Nếu không được như vậy, thế không thành Chánh Giác*”. Chúng sinh thấy được ánh sáng của Phật, hoặc là thiên nhãn của Bồ-tát, A-la-hán có thể nhìn thấy được, hoặc những người trong định thấy được. Người tu định đúng pháp, người được định; người niệm Phật đạt được Sự nhất tâm, Lý nhất tâm, thì trong định cũng thấy được. Còn có một loại do cơ duyên đặc biệt đó là cảm ứng mà thấy được.

Nhìn thấy ánh sáng của Phật, tội nghiệp liền tiêu. Năng lực tiêu tội rất lớn, ba độc phiền não tuy chưa thể đoạn cũng sẽ tắt hẳn, không khởi lên tác dụng. Nếu như người nghiệp chướng nhẹ, ánh sáng của Phật vừa bảo hộ thì phiền não tham sân si được đoạn dứt, đau khổ không còn nữa. Đau khổ bị tiêu diệt nên liền an vui. Phiền não nhẹ, trí tuệ tăng trưởng, người này nhất định sẽ sinh tâm từ bi, quyết định sẽ không làm ác, nhất định sẽ làm thiện. Tâm làm thiện này đều lưu xuất từ trong tự nhiên, không phải do người khác khuyên họ, cũng không phải do chính mình miễn cưỡng làm, là tự nhiên thôi. Mỗi ngày, ngoài việc này ra thì không có việc gì tốt hơn nữa. Đó chính là đem

tâm từ bi rộng lớn giúp đỡ cho tất cả chúng sinh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Nói cụ thể, đó là giúp đỡ mọi người nhận thức về Tịnh độ. Đây là tâm từ làm thiện đạt đến chân thật nhất, không gì có thể chân thật hơn điều này, đó chính là tương lai được sinh về Cực Lạc.

Nguyện 15: Thọ mạng vô lượng.

Nguyện 16: Thanh văn vô số.

Âm: Ngã tác Phật thời, thọ mạng vô lượng. Quốc trung Thanh văn, thiên nhân vô số, thọ mạng diệc giai vô lượng. Giả linh tam thiên đại thiên thế giới chúng sinh, tất thành Duyên giác, u bá thiên kiếp, tất cộng tế diệu; nhược năng tri kỳ lượng số giả, bắt thủ Chánh Giác.

Nghĩa: Khi tôi thành Phật sống lâu vô lượng. Vô số Thanh văn và trời người trong nước cũng có thọ mạng vô lượng. Nếu như chúng sinh ở ba ngàn thế giới thành bậc Duyên giác trải qua trăm ngàn kiếp để tính đếm, nếu biết được số lượng ấy, thì không thành Chánh Giác.

Giảng:

“*Khi tôi thành Phật sống lâu vô lượng*”. Nguyện này là thọ quang minh vô lượng, nguyện này là thọ mạng vô lượng. Thực tế mà nói thì Phật A-di-đà, tất cả đều vô lượng. Thế nhưng, Ngài ở trong pháp hội của Phật Thế Tự Tại Vương lại đưa ra một báo cáo là 48 lời nguyện, trong đó đặt biệt hai nguyện này: vô lượng quang, vô lượng thọ. Vì chúng sinh, đức Phật Thích-Ca nói kinh A-di-đà. Ngài giới thiệu cho chúng ta và cũng đặc biệt chỉ ra vô lượng quang, vô lượng thọ. Ở trong tất cả vô lượng thì hai thọ này ý nghĩa đầy đủ nhất. Quang minh tiêu biểu cho ánh sáng chiếu khắp mười phương, ngày nay gọi không gian; còn thọ mạng tiêu biểu cho quá khứ và hiện tại, vị lai, còn gọi là thời gian, hay gọi là thời không. Trong thời không bao gồm tất cả, không có gì vượt ra, cho nên vô lượng quang cùng vô lượng thọ là đại biểu thời không, rộng lớn không bờ mé. Ở đây, tất cả đều là vô lượng. Phật A-di-đà thấy đều đầy đủ, không có gì thiếu hụt. Thế nhưng, ở trong tất cả vô lượng, thọ mạng (tuổi thọ) quan trọng nhất, cho nên thọ mạng là đức thứ nhất trong tất cả vô lượng, quyền thuộc vô lượng... mà thọ mạng không có, vậy thì ai thọ dụng đây, không phải đều rỗng không sao? Mình có tuổi thọ vô lượng thì tất cả vô lượng khác mới có thể hưởng thụ được, mới không đến nỗi rỗng không, nên thọ mạng vô cùng quan trọng. Vì vậy, Phật A-di-đà ở thế giới Tây Phương thị hiện làm Phật có tuổi thọ vô lượng, nên gọi là Phật Vô Lượng Thọ. Căn bản của Cực Lạc chính ở lời nguyện này.

Sinh đến thế giới Cực Lạc có vô số tuổi, có Phật Vô Lượng Thọ. Vậy chúng ta vẫn sinh đến đó thì sao? Đoạn tiếp theo nói “*vô số Thanh văn và trời người trong nước cũng có thọ mạng vô lượng*”. Những ai sinh đến Tây

Phương, thọ mạng cũng giống như Phật A-di-đà. Nói chung, hễ sinh đến thế giới này đều là A-duy-việt-trí Bồ-tát (Bồ-tát Bất thoái chuyển). Chỗ này nói Thanh văn, trời người. Vì sao có Thanh văn, trời người vậy? Chúng ta sinh đến Tây Phương Cực Lạc, kiến, tư phiền não chưa đoạn dứt nên gọi là trời người, giống như trời người của sáu cõi thế giới phương khác. Kiến, tư phiền não hết rồi, vô minh chưa phá giống như Thanh văn của thế giới phương khác. Thật ra, đây chính là trình độ thực chất của chúng ta. Vậy khi đến thế giới Cực Lạc, chúng ta đều là Bồ-tát Bất thoái chuyển, đó đều do bản nguyện Phật A-di-đà giúp đỡ, không phải do chúng ta tu được. Còn chính chúng ta so với trời người thế giới phương khác không hề khác, đây là cách nói thứ nhất. Cách nói thứ hai là trước đây chúng ta chưa đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, nhưng từ cõi trời, từ cõi người mà đi. Có người chứng được Sơ quả, Nhị quả, tam quả, A-la-hán, niệm Phật mà vãng sinh, vậy họ thuộc về hàng Thanh văn. Những người như thế vãng sinh đến Tây Phương Cực Lạc nhiều vô số, số lượng không thể tính đếm.

“Mạng sống đều là vô lượng”. Câu này nói người mới vãng sinh thọ mạng cũng vô lượng, Phạm Thánh Đồng Cư, hạ hạ phẩm vãng sinh đều có tuổi thọ vô lượng, đây chính là nói rõ mỗi mỗi đều là vô lượng thọ. Nếu thọ mạng của Phật dài lâu, thường trụ ở thế gian, thì chúng sinh có chỗ nương tựa. Như thế giới này, chúng sinh phước mỏng. Phật Thích-ca Mâu-ni ở đời có 80 năm, sau khi Phật diệt độ, chúng sinh không chỗ tựa nương. Ngày nay, tuy rằng kinh điển lưu lại rất nhiều ở thế gian, mọi người có nhiều cơ hội tiếp xúc, nhưng như vậy vẫn là tu mù luyện quán, không biết mình cần học pháp môn nào, không biết căn tánh của chính mình. Tuy đã học Phật, nghi hoặc của chúng ta vẫn chưa dứt. Lòng nghi ngờ này chính là chướng ngại rất lớn. Phật nói, nghi là chướng ngại lớn nhất của Bồ-tát, hướng chỉ những người mới học. Bồ-tát nghi hoặc là đại chướng ngại. Câu này có ý rất sâu. Lúc trước chúng ta không hiểu rõ, nhưng nay hiểu được một chút. Bồ-tát nghi điều gì vậy? Đó là nghi ngờ Tịnh độ. Tuy gặp được kinh điển này, nghe Phật thuyết pháp nhưng không thể tiếp nhận, không tin tưởng. Năm xưa, trong hội Pháp Hoa, người rời bỏ chỗ ngồi rất nhiều, không thể tiếp nhận, còn pháp môn Tịnh độ này người chẳng thể tiếp nhận càng đông. Bồ-tát cần phải tu hành trong vô lượng kiếp, không thể ngay trong một đời thành tựu. Đây chính là chướng ngại của Bồ-tát. Cho nên, Phật ở mãi nơi đời mới có chỗ nương tựa.

Phật A-di-đà và thế giới của Ngài chân thật là Thật Báo Trang Nghiêm Độ, là đạo tràng tu hành của Phật và đại Bồ-tát. Phạm phu chúng ta có năm thừa khế nhập báo độ, đây là tổ sư thuở xưa đã nói. Năm thừa đó là: Nhân thừa, Thiên thừa, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, Bồ-tát thừa.

Đến thế giới Tây Phương Cực Lạc là bình đẳng, đều được vào báo độ của Phật A-di-đà, thật chẳng thể nghĩ bàn. Điều này, Bồ-tát thông thường không thể tin được, không thể tiếp nhận. Thế giới Tây Phương thực tế vô cùng đặc biệt, cùng với cõi nước chư Phật khác không giống nhau. Vị giáo chủ này là Phật Vô Lượng Thọ, là chân thật vô lượng. Vì vậy, người vãng sinh đến đó cũng vô lượng thọ. Thành thật mà nói cũng là chân thật vô lượng. Vì sao vậy? Ngay trong đời này, họ thấy đều thành Phật. Đã thành Phật rồi, vậy thọ mạng thì sao? Tự nhiên cũng là vô lượng. Cho nên chúng ta đến thế giới Cực Lạc là chân thật. Phật A-di-đà thị hiện hữu lượng trong vô lượng. Sau khi chúng ta đến cõi đó rồi liền biến thành chân thật vô lượng, Lý như vậy mà Sự cũng như vậy.

Ngài Trừng Hiền nói: *“Nhân dân thọ mạng vô lượng là đức tánh bậc nhất của Tịnh độ”*. Rồi giải thích như sau: *“Tu hành chỉ e sợ ma chết, vì sự gián đoạn giữa sống và chết chính là cội nguồn tạo duyên thoái thất. Gặp Phật, nghe pháp, gặp gỡ Thánh chúng, cúng dường chư Phật, thân cận bạn lành, vui vẻ tự nhiên, chẳng có các đường khổ... nếu thọ mạng ngắn ngủi, sự hối hận về sau khó tính nổi, khác nào chén ngọc không đầy. Lời nguyện này thật vô cùng quan trọng”*.

Sau đây, Phật A-di-đà đưa ra một ví dụ rất hay, chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới không biết có bao nhiêu, số lượng quá nhiều. Các vị nên biết, chúng sinh này chính là nói chúng sinh trong sáu đường, không phải chỉ nói loài người mà thôi. Loài người trên địa cầu không nhiều lắm, hiện tại vẫn chưa đến 5 ức, còn loài kiến thì có bao nhiêu, loài muỗi nữa..., những loài động vật này có bao nhiêu? Hiện tại không cách gì tính được, huống chi còn loài ngạ quỷ và chư thiên. Có thể thấy trong tam thiên đại thiên thế giới này, chúng sinh ở sáu đường quá nhiều.

Đức Phật đưa ra ví dụ: giả sử những người này lập tức chứng thành Duyên giác (trí tuệ, thần thông của bậc Duyên giác cao hơn một bậc so với A-la-hán), dùng trí tuệ, thần thông đạo lực trải qua trăm ngàn kiếp là thời gian rất dài, không phải một ngày hai ngày, không phải mười năm, hai mươi năm hay mấy trăm năm, mấy ngàn năm, để tính xem thọ mạng dài hay ngắn, nhưng tính đếm không được! Nếu tính đếm được thì Phật A-di-đà đã không thành Phật rồi! Thật tại mà nói, thọ mạng của người ở thế giới Cực Lạc, ngoài Phật ra, từ Đẳng giác Bồ-tát trở xuống đều không thể biết được, điều này chính là vô lượng chân thật.

Nguyện 17: Được chư Phật xưng tán.

Âm: Ngã tác Phật thời, thập phương thế giới, vô lượng sát trung, vô số chư Phật, nhược bất công xưng tán ngã danh, thuyết ngã công đức, quốc độ chi thiện giả, bất thủ Chánh Giác.

Nghĩa: Khi tôi thành Phật, vô số chư Phật trong vô lượng cõi ở mười phương thế giới, nếu không khen ngợi tên tôi, nói công đức tốt lành quốc độ của tôi, thì không thành Chánh Giác.

Giảng:

“Mười phương thế giới”, thường nói là tận hư không biến pháp giới, một thế giới cũng không ở ngoài. Vô số chư Phật, một vị Phật cũng không sót, không có thế giới nào mà Phật không nói ba kinh Tịnh độ, không vị Phật nào mà không khuyên người cầu sinh Tịnh độ. Ngoại trừ duyên của bạn chưa thành thực, giảng cho bạn nghe cũng không tin, không tin thì bạn sẽ phỉ báng Phật, như thế sẽ có tội, cho nên Phật không nói. Đức Phật rất từ bi, không để bạn phỉ báng, không để bạn tạo nghiệp nên không giảng nói cho bạn. Nguyện này của Ngài đã thành hiện thực! Mười phương tất cả Chư Phật đều ca ngợi Phật A-di-đà, đều ca ngợi thế giới Tây Phương Cực Lạc, bởi vì nói đến độ chúng sinh là độ đến rớt ráo rộng khắp, là hư không pháp giới, một chúng sinh cũng không bỏ sót. Phật A-di-đà độ chúng sinh trên từ Bồ-tát Đẳng giác dưới đến địa ngục A-tỳ đều bình đẳng, đây là phổ biến khắp. Hơn nữa, rớt ráo có thể khiến tất cả chúng sinh bình đẳng thành Phật. Điều này thì tất cả chư Phật không thể sánh được!

Chư Phật không thể sánh với Phật A-di-đà, vậy các vị Bồ-tát đương nhiên càng không thể. Người thế gian đều có cảm tưởng tình rất nặng. Có một số người cùng với một số vị Bồ-tát có duyên, họ không niệm Phật, muốn niệm Bồ-tát, cảm tình đó rất nặng không xả bỏ được. Thế nên, kinh này phải đọc tụng nhiều, phải thấu suốt rõ ràng. Tất cả chư Phật đều không thể sánh với Phật A-di-đà, vậy Bồ-tát đương nhiên không thể sánh. Vì sao bạn không niệm Phật A-di-đà mà vẫn cứ niệm Bồ-tát? Một là tình chấp quá nặng, hai là không hiểu rõ cho nên mới có ngộ nhận này. Có một số người thường niệm Bồ-tát, niệm được nhiều năm, cho rằng hiện tại nếu không niệm Bồ-tát mà niệm Phật thì dường như có lỗi với Bồ-tát, bị lương tâm dày vò. Có người hay tụng kinh như kinh *Kim Cang*, chú *Lăng-nghiêm*, niệm được rất nhiều năm, bây giờ bảo họ niệm Phật A-di-đà, tụng *Vô Lượng Thọ*, họ cũng không thể buông bỏ, cho rằng tôi đã niệm nhiều năm rồi, dường như trong lòng có sự áy náy, đây đều là vọng tưởng, nên buông xả.

Ngày nay, chúng ta hiểu rõ thọ mạng vô lượng, chúng ta biết được Phật A-di-đà, chuyển sang tụng kinh *Vô Lượng Thọ*, niệm Phật A-di-đà, là đem sự tu hành hướng lên cao mà thăng tiến. Cũng như việc lên lớp vậy. Lên lớp là một việc tốt, chẳng có học sinh nào học xong năm thứ nhất lại không muốn lên năm thứ hai, chỉ vì có cảm tình sâu với năm thứ nhất. Hiện tại, trong lòng các vị là như vậy. Thi đã đủ điểm rồi, phải lên lớp thì lại không nỡ đi; trường này cần phải tốt nghiệp lại không nỡ đi, muốn ở lại trường. Bạn nói

xem có phải đáng lo không? Điều này sai lầm thật lớn. Cho nên phải biết, có thể tụng kinh Vô Lượng Thọ, có thể niệm Phật A-di-đà, đây là chúng ta đang nâng cấp, nâng đến đỉnh điểm, không gì có thể cao hơn. Vì lợi ích chân thật của tất cả chúng sinh, hy vọng tất cả chúng sinh sớm ngày thành Phật, ở trên đạo Bồ-đề được thuận buồm xuôi gió, không có chướng ngại. Dùng phương pháp gì? Đó chính là giới thiệu thế giới Tây Phương Cực Lạc. Có thể vãng sinh Tịnh độ là thuận buồm xuôi gió, chướng ngại đều không còn. Các vị nghĩ xem, nếu như Phật A-di-đà không phát đại nguyện này, tất cả chư Phật không thúc đẩy, giới thiệu, không có chư Phật tuyên dương, thì chúng ta làm cách nào mà biết được Tây Phương Tịnh độ, chúng ta làm sao biết được Phật A-di-đà. Cho nên, vì chúng ta, Phật Thích-ca đã giới thiệu. Nói đến nguyện này thì mới biết Ngài cũng nhận được nguyện lực của Phật A-di-đà trợ giúp. Bỏn nguyện của Phật A-di-đà khiến tất cả chư Phật Như Lai đều ca ngợi, đều thúc đẩy giới thiệu, ân đức này thật quá lớn. Ân Phật khó đáp đền, đây là sự thật.

Nguyện 18: Nguyện mười niệm vãng sinh.

Âm: Ngã tác Phật thời, thập phương chúng sinh, văn ngã danh hiệu, chí tâm tín nhạo, sử hữu thiện căn, tâm tâm hồi hướng, nguyện sinh ngã quốc, nãi chí thập niệm, nhược bất sinh giả, bất thủ Chánh Giác. Duy trừ ngũ nghịch, phỉ báng chánh pháp.

Nghĩa: Khi tôi thành Phật, chúng sinh trong mười phương nghe danh hiệu tôi, hết lòng tin tưởng, nếu có điều lành nào, dốc lòng hồi hướng nguyện sinh về cõi nước tôi, cho đến mười niệm, nếu không được vãng sinh, thì không thành Chánh Giác. Ngoại trừ những kẻ phạm tội ngũ nghịch, phỉ báng chánh pháp.

Giảng:

Đây là nguyện thứ 18, tinh túy của đại nguyện. Người xưa đem tất cả kinh pháp mà Phật Thích-ca Mâu-ni đã nói trong 49 năm làm một sự so sánh. Trong chú giải kinh Vô Lượng Thọ của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói, vào thời Tùy Đường (Trung Quốc), Nhật Bản, Hàn Quốc, chư Đại đức đã làm một thống kê, thuyết minh rõ trong tất cả các kinh, *Hoa Nghiêm* là đệ nhất. Việc này dường như mọi người đều công nhận. Kinh *Hoa Nghiêm* cùng kinh *Vô Lượng Thọ* làm một sự so sánh, thì kinh *Vô Lượng Thọ* đệ nhất, kinh *Hoa Nghiêm* bị thụt xuống. Kinh *Hoa Nghiêm*, kinh *Pháp Hoa* đều không thể so với kinh *Vô Lượng Thọ*, là bộ kinh bậc nhất mà 49 năm Thế Tôn đã nói. Tại sao vậy? Trong kinh *Hoa Nghiêm*, cuối cùng mười đại nguyện vương của Bồ-tát Phổ Hiền đều dẫn về Cực Lạc. Khi đó kinh *Hoa Nghiêm* mới viên mãn, nếu như không dẫn về Cực Lạc thì kinh *Hoa Nghiêm* không thể đạt đỉnh cao nhất, không thể viên mãn.

Do đây có thể biết, kinh *Hoa Nghiêm* cuối cùng chính là quy về Cực Lạc. Kinh *Vô Lượng Thọ* là tổng kết của kinh *Hoa Nghiêm*. Vậy mới hiểu được vì sao kinh *Vô Lượng Thọ* là đệ nhất, chính là tinh hoa của kinh *Hoa Nghiêm*. Cho nên, người xưa nói kinh *Vô Lượng Thọ* là trung bản của kinh *Hoa Nghiêm*, đó chính là kinh *Hoa Nghiêm*. Kinh *Hoa Nghiêm* gồm tám mươi quyển, quá lớn quá nhiều. Kinh *Vô Lượng Thọ* thì phân lượng tương đối nhỏ nên gọi là trung bản. Nếu có trung bản, đương nhiên có tiểu bản; tiểu bản kinh *Hoa Nghiêm* chính là kinh A-di-đà. Văn tự tuy có rộng, có lượng; rộng chính là nhiều, lượng là ít không giống nhau, nhưng đạo lý bên trong không hề khác, hoàn toàn tương đồng. Cho nên, kinh *Vô Lượng Thọ*, kinh A-di-đà cùng kinh *Hoa Nghiêm* quan hệ rất mật thiết. Đọc trong kinh, chúng ta thấy nơi nơi đều nói đến hạnh Phổ Hiền, đạo Phổ Hiền. Đại sư Liên Trì chú giải tiểu bản kinh A-di-đà còn gọi là *Di-đà Sớ Sao*, Ngài dùng phương pháp gì để chú giải vậy? Gần như hoàn toàn dùng *Hoa Nghiêm*. Thế nên, chúng ta đọc kinh A-di-đà *Sớ Sao* gần như đã đọc toàn bộ kinh *Hoa Nghiêm*, nghĩa lý sâu rộng vô cùng. Điều này chứng minh kinh A-di-đà đích thực là tinh hoa của kinh *Hoa Nghiêm*, là tâm kinh của kinh *Hoa Nghiêm*. Như vậy, trong toàn bộ Phật pháp, chúng ta đã nhận rõ tính trọng yếu của kinh *Vô Lượng Thọ*.

Kinh *Vô Lượng Thọ* có 48 phẩm, phẩm nào quan trọng nhất? Phẩm thứ 6, nói về 48 đại nguyện. Bốn mươi tám đại nguyện là trung tâm của bộ kinh này.

Trong 48 nguyện, nguyện nào trọng yếu nhất? Bạc cao đức thuở xưa nói, chính là lời nguyện thứ 18: Mười niệm được vãng sinh. Điều này đã nói rõ công đức danh hiệu Phật chẳng thể nghĩ bàn, truy đến đỉnh điểm cao nhất chính là một câu “*Nam mô A-di-đà Phật*”.

Trước kia, chúng ta thường nghe nói công đức danh hiệu Phật chẳng thể nghĩ bàn. Tại sao lại như vậy? Vì toàn bộ Phật pháp đỉnh điểm là một câu danh hiệu Phật.

Cho nên, người niệm Nam mô A-di-đà Phật đã bao gồm niệm tất cả chư Phật Như Lai, niệm tất cả chư Bồ-tát, niệm tất cả kinh, bao gồm giáo hạ, Thiên tông, Mật tông. Thật dễ dàng biết bao! Một là tất cả, tất cả là một. Một chính là Nam mô A-di-đà Phật. Pháp sư Quán Đảnh nói: “*Chúng sinh tạo tội nghiệp rất nặng, bất cứ kinh gì, sám gì đều không thể tiêu trừ. Cuối cùng, chỉ một câu A-di-đà Phật làm tiêu sạch tội nghiệp*”. Vậy ngày nay, người niệm Phật rất nhiều, nhưng nghiệp chướng sao lại không tiêu? Thật ra, quý vị niệm Phật chỉ ở ngoài miệng, trong tâm lại không, vẫn còn phân biệt phải trái, ta người, tham sân si mạn, nên không thể tương ưng với Phật. Niệm Phật trong tâm phải có Phật, không phải chỉ ở nơi miệng. Miệng gọi là xung, còn niệm ở tâm, trong tâm phải thật có Phật mới gọi niệm Phật. Niệm Phật

mà trong lòng không có Phật thì nghiệp chướng không thể tiêu trừ. Cho nên, muốn tiêu tai khỏi nạn, trong tâm phải thật có Phật.

Niệm Phật có nhiều phương pháp. Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: Quán tưởng niệm Phật, Quán tượng niệm Phật, Trì danh niệm Phật. Mỗi câu đều có chữ “*niệm*”.

Quán tưởng là trong lòng thường nghĩ đức tướng Phật A-di-đà từ lúc còn tu nhân đến khi thành đạo, hoằng pháp rộng độ chúng sinh. Ngoài ra, còn nhớ tưởng thế giới Cực Lạc, y chánh trang nghiêm, chính là 16 pháp quán trong kinh đã nói rõ. Trong lòng chúng ta thật sự chỉ có thế giới Cực Lạc, có Phật A-di-đà, không có niệm nào khác. Đây gọi là nhất tâm niệm Phật, cho dù mình đọc kinh rất thông thạo nhưng trong lòng vẫn còn phải trái, ta người, tham sân si thì gọi là tạp loạn niệm Phật, đa tâm niệm Phật, loạn tâm niệm Phật. Vậy thì không thể thành tựu, không thể tiêu nghiệp chướng. Cho nên, phải nhất tâm niệm Phật. Đây là dùng phương pháp Quán tưởng.

Quán tưởng niệm Phật thì thực hành thế nào? Trong nhà có tượng Phật, nên cúng dường trang nghiêm. Tự mình có thời gian rảnh, không bận làm việc gì, đem tướng hảo Phật ghi lại sâu sắc trong lòng. Nhưng lúc rời khỏi nơi thờ Phật, môn công phu này liền bị gián đoạn, cho nên phải có chỗ thờ Phật trang nghiêm, bốn phía đều có hình Phật. Tại sao? Để nhìn hướng nào cũng thấy Phật, đây là Quán tưởng niệm Phật.

Phương pháp thứ ba là Trì danh, đây là phương pháp dễ thực hành nhất. “*Trì*” là giữ gìn không gián đoạn, danh hiệu Phật nhắc nhở chính mình trong tâm thật có Phật. Cho nên, người xưa chỉ dạy phương pháp Trì danh, trong tâm thường sinh khởi câu Phật hiệu, miệng niệm, tai nghe, lại quay trở vào tâm. Đây chính là người niệm Phật đúng pháp. Nếu chỉ niệm ở miệng, trong tâm không có danh hiệu Phật, tai cũng không nghe, niệm như vậy không có lợi ích chân thật. Người xưa nói: “*Đau mỏm, rát họng, chỉ uống công*”, dù mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu cũng chẳng ích lợi gì.

Thế nên, trong tâm nhất định phải có Phật, việc này rất quan trọng. Tôi khuyên người mới tu Phật phải từ đọc kinh mà vào. Trước tiên, nên đem kinh Vô Lượng Thọ đọc ba ngàn lần. Yêu cầu này của tôi cũng không quá đáng. Một ngày tụng ba bộ, ba năm sẽ đầy đủ. Mục đích là tu định. Đọc xong ba ngàn bộ rồi tâm sẽ định, không còn loạn động. Định ở một môn, ở một bộ kinh. Đọc xong ba ngàn bộ, nhất định sẽ lâu thông kinh này, có thể thuộc lòng. Nếu không thuộc lòng, không ghi nhớ, sẽ chẳng có ích lợi cho việc tu hành.

Thực tế có thể thuộc kinh Vô Lượng Thọ. Tôi đã thấy qua hai người, trong lòng rất bội phục, vì chính tôi cũng không có năng lực này. Ở Mỹ có một vị đồng tu tuổi trung niên, ông làm nghề buôn bán, công việc rất bận rộn, chỉ trong năm tháng ông có thể thuộc kinh này, chính ông cũng không ngờ đến.

Ông nói với tôi, chỉ đọc trong thời gian năm tháng có thể thuộc lòng. Tôi còn nghe nói có một vị, tôi đã gặp qua ông ấy một lần ở Đài Bắc. Ông đọc rất chuyên cần, chỉ một tuần là thuộc. Đại khái, việc này đều do có căn lành đời trước nên mới nhanh thuộc. Cho nên, hiện tại người đọc thuộc lòng rất nhiều, sau ba năm đọc xong ba ngàn bộ.

Ngoài ra, ý nghĩa trong kinh phải thông suốt tận. Đã thông hiểu tường tận rồi, phải y theo mà thực hành, như thế mới là thật tu. Đem đạo lý trong kinh biến thành tư tưởng hiểu biết của chính mình, lời dạy trong kinh trở thành hành vi sinh hoạt của mình. Ngay trong cuộc sống thường ngày, đối nhân xử thế, nhất định phải theo lời dạy trong kinh *Vô Lượng Thọ*, nhất định không làm trái, gọi là người chân thật tu hành. Thế thì, tâm của bạn giống như Phật A-di-đà, nguyện của bạn giống Phật A-di-đà. Bạn đem bốn nguyện của Phật biến thành bốn nguyện chính mình. Phật A-di-đà phát lời nguyện này, ta cũng phát lời nguyện này, tất cả thật có thể làm được. Ta chính là hoá thân của Phật. Mình không vãng sinh thì ai có thể vãng sinh? Đây gọi là chân thật niệm Phật. Cho nên, lúc niệm Phật phải ghi nhớ, không chỉ niệm ở miệng mà phải thật có trong tâm.

Khi xưa tôi mới học Phật, những người bạn cùng tu thường hay họp mặt bàn luận. Có một người nói: Trong Phật pháp nói, đức Phật có vạn đức vạn năng, tôi không thể tin. Đây chỉ là lời ca ngợi, không phải sự thật. Giống như vào thời đại phong kiến, thông thường chúng ta ca ngợi Hoàng đế là vạn tuế, thật ra Hoàng đế sống không đến vạn năm, có phải đó là lời giả dối không? Đây không phải thật. Vạn đức vạn năng cũng chỉ nói cho dễ nghe mà thôi, chỉ là lời ca ngợi. Tại sao? Ví như có người tạo tội nghiệp nặng, tội ngũ nghịch, thập ác, lập tức phải đọa địa ngục. Đức Phật có năng lực bảo hộ lập tức thành Phật không? Nếu có năng lực này thì vạn đức vạn năng chúng ta mới có thể tin. Nếu như không có, thì chỉ là lời ca ngợi suông mà thôi?

Lúc đó, rất nhiều bạn cùng tu nghe xong đều không có lời nào để giải đáp. Về sau, khi đọc đến kinh này, chúng tôi mới hiểu rõ. Nếu như lúc đó đã đọc qua kinh này, chúng tôi sẽ có lời đáp cho người bạn ấy rồi. Thật sự là một niệm đến mười niệm được vãng sinh, vừa sinh đến Tây Phương liền thành Phật. Từ đó, có thể thấy vạn đức vạn năng không phải lời ca ngợi suông, hoàn toàn chân thật. Vậy tại sao chúng sinh không thể thành Phật? Chỉ vì không chịu tu hành, chính mình nghiệp chướng nặng nề, không thể trách Phật. Thực tế, nếu nghiệp chướng có nặng đến đâu nhưng chịu làm theo lời Phật, đã không tin nên nghi ngờ, không chịu tu hành, thật hết cách.

Lời nguyện này thật không thể nghĩ bàn, là tổng cương lĩnh tất cả Phật pháp, đỉnh cao nhất trong Phật pháp. Có thể nói, tất cả chư Phật Như Lai trong mười phương ba đời rộng độ chúng sinh thành Phật đạo, pháp này là đỉnh điểm cao nhất. Cho nên, công đức danh hiệu là chân thật, không thể nghĩ

bàn. Chúng ta xem kỹ lời nguyện này. Trong đây, một chữ cũng không được bỏ sót. “*Khi tôi thành Phật, chúng sinh trong mười phương nghe danh hiệu tôi*”. “*Nghe*” đã bao gồm lòng tin chân thật, phát nguyện thiết tha. Nếu nghe mà không tin - nguyện, chính là nghe được mà không thấy được. Cho nên, tiếp theo Ngài nói “*chí tâm tín nhạo*” (hết lòng tin tưởng ưa thích), bốn chữ này là then chốt quan trọng. Chúng ta có thể vãng sinh hay không, quyết định ở bốn chữ này. “*Chí tâm*” là chân thành đến tột cùng, hay còn gọi là chân tâm. Chân thành tột cùng thì tâm trong sạch. Trong lòng còn một tạp niệm, không gọi là chí tâm. Thân tâm thế giới đều buông bỏ, chỉ có danh hiệu Phật ở nơi tâm mà thôi, đây mới thật chí tâm.

“*Tín*” là lòng tin chân thật, không có một chút hoài nghi. “*Ưa thích*” là hoan hỷ ưa thích Phật A-di-đà, ưa thích thế giới Cực Lạc, chân thật muốn sinh về. Như vậy mới được! “*Tất cả căn lành, tâm luôn hồi hướng*”. Ngay trong đời này, một chút ít việc thiện gì, tâm lành hạnh lành nào, đều hồi hướng trang nghiêm Tịnh độ, đều đem công đức này cầu sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Trong sách *Yếu Giải*, Đại sư Ngẫu Ích nói rằng: “*Được vãng sinh hay chẳng, đều do tín - nguyện có hay không; phẩm vị cao thấp đều do công phu trì danh sâu hay cạn*”. Đây đều căn cứ lời nguyện này, phẩm sen cao thấp là căn cứ theo công phu niệm Phật. Công phu trì danh sâu thì phẩm vị cao, công phu cạn thì phẩm vị thấp. Nên nhớ trì danh công phu cạn sâu, chớ không nói trì danh nhiều ít. Nhiều ít cùng công phu không giống nhau. Trì danh phải có công phu. Thế nào là công phu? Khi niệm Phật tâm phải thanh tịnh, không hoài nghi, không xen tạp. Nếu chúng ta nghi ngờ, lúc niệm Phật lại xen tạp thì không có công phu, như vậy không dễ gì được lợi ích. Cho nên, Bồ-tát Đại Thế Chí nói: “*Tịnh niệm liên tục*”. Niệm này phải thanh tịnh, như vậy mới có cảm ứng, mới có tương ứng. Chỗ này ý nói không phải niệm Phật nhiều ít.

“*Cho đến mười niệm*”. Người xưa giải thích “*mười niệm*” ở lúc bình thường mà niệm, hay niệm mười niệm lúc lâm chung? Thật ra, đây là mười niệm lúc lâm chung, nhưng mười niệm chỉ cho lúc bình thường cũng không sai. Pháp sư Từ Vân chỉ dạy pháp mười niệm dành cho người công việc bận rộn, không có thời gian hành trì sớm tối. Phương pháp chỉ là niệm hết một hơi là một niệm, trong một hơi này không câu nệ câu Phật hiệu nhiều ít. Có người hơi dài, có người hơi ngắn đều được! Thời gian niệm Phật này không dài. Sáng sớm thức dậy, sau khi súc miệng rửa mặt, nếu có tượng Phật thì chấp tay lễ Phật, sau đó niệm mười hơi, nếu không có tượng Phật thì hướng về phương Tây khởi niệm Phật hiệu mười hơi. Sáng sớm một lần, tối một lần, tập thành thói quen, thực hành cả đời, không từng bỏ sót. Đây cũng gọi là “*tịnh niệm liên tục*”. Mỗi ngày đến giờ thì niệm, không thiếu sót. Phương

pháp này rất hay, trong mấy trăm năm nay, có rất nhiều người dùng phương pháp này niệm Phật được thành tựu.

Tôi nhớ lại năm rồi, tại đây, tôi có truyền cho quý vị pháp mười niệm. Đây là một phương pháp mới, không giống với phương pháp của Đại sư Từ Vân, có phần đơn giản hơn, vì của Ngài phải niệm mười hơi thở, còn đây mỗi lần chỉ niệm mười câu A-di-đà Phật, tôi nghĩ chỉ một phút là đủ. Thế nhưng, một ngày phải niệm chín lần, như thế sẽ có rất nhiều lợi ích. Sáng sớm thức dậy niệm một lần, một ngày ăn ba bữa cơm, trước và sau mỗi bữa ăn niệm một lần. Thông thường, trước khi dùng cơm, đọc bài văn cúng dường chư Phật, ngày nay chúng ta niệm mười câu A-di-đà Phật, dùng tâm chân thành, tâm cung kính để niệm Phật, sau đó mới dùng cơm thì thân tâm thanh tịnh, thức ăn mới có thể hấp thụ, giúp cho việc tiêu hoá tốt, đây là sự thật. Buổi sáng trước khi vào làm việc niệm một lần. Một ngày tất cả chín lần, tập thành thói quen. Thời gian tu niệm tuy ngắn, nhưng cách nhau không bao lâu, một ngày huân tu chín lần, hiệu quả này rất lớn. Tôi đề xuất phương pháp này không lâu, chỉ hai tuần các vị đồng tu ở Malaysia điện thoại nói với tôi: chúng con niệm Phật có hiệu quả, rất cảm ơn Thầy!

Đây là phương pháp rất tốt. Người bận rộn công việc cũng có thể tu. Đối với công việc và đời sống, tuyệt đối không có chướng ngại. Vậy thì mọi người nên thực hành pháp mười niệm này.

“*Duy trừ ngũ nghịch, phỉ báng chánh pháp*”. Tội ngũ nghịch là tội rất nặng: giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá hòa hợp Tăng, làm thân Phật ra máu. Thế nhưng, trong kinh *Quán Vô Lượng Thọ* nói năm tội nghịch này, khi lâm chung niệm mười câu Phật hiệu vẫn có thể vãng sinh. Quan trọng ở câu sau cùng “*phỉ báng chánh pháp*”, vì họ vốn không tin tưởng, nên tất nhiên không chịu niệm Phật. Không phải chẳng cứu được họ, chỉ vì họ không chịu tiếp nhận. Trong câu nói này, hàm ý của Phật rất sâu, đa số người tạo tội cực trọng quay đầu rất khó, không dễ gì tin tưởng, đây là việc thật. Từ lời nguyện này, chúng ta biết được yếu quyết niệm Phật, căn bản của việc vãng sinh.

Niệm Phật càng nhiều càng tốt, chúng ta phải một lòng chuyên tu, đây là điều rất quan trọng. Các việc khác đều buông bỏ, mỗi ngày chuyên lễ Phật A-di-đà. Tâm nguyện, giải hành đều giống Phật. Đây chính là trong kinh *Quán Vô Lượng Thọ* nói: “*Tâm làm Phật*”. Tất cả pháp từ tâm tưởng sinh. Tâm của chúng ta chân thật làm Phật. Trong mười pháp giới, chúng ta tròn đầy pháp giới Phật, chính là “*tâm làm Phật*”. Một phương pháp tu học cụ thể nhất, tự nhiên hợp với đạo vi diệu, tự nhiên phù hợp với Phật.

Đại sư Thiện Đạo nói, trong 48 lời nguyện, từ nguyện thứ 12: Quyết định thành Chánh Giác; Nguyện thứ 13: Ánh sáng vô lượng; Nguyện thứ 15: Thọ mạng vô lượng; Nguyện thứ 17: Chư Phật ca ngợi; Nguyện thứ 18: Mười

niệm được sinh về. Năm nguyện này là trí tuệ chân thật, tinh hoa của 48 lời nguyện, trung tâm của 48 lời nguyện. Năm lời nguyện này rất xác thực, là tinh yếu, bốn hoài của Phật A-di-đà.

Ở đây, chúng ta có thể thấy một cách tường tận, hiểu thấu suốt, chính là Phật muốn chỉ dạy tất cả chúng sinh phương pháp mau chóng thành Phật, không cần trải qua nhiều kiếp tu hành, ngay trong hiện đời đem việc sinh tử giải quyết xong. Vậy để thực hiện điều này, nên mới có lời nguyện “*mười niệm được vãng sinh*”. Đây là nguyện vọng thù thắng. Chúng sinh niệm Phật nhất định thành Phật.

Năm xưa, tôi đọc kinh *Quán Vô Lượng Thọ* đến đoạn “*Tam phước*”, tôi biết được đó là cửa vào của việc tu hành, là nền tảng chân thật. Tôi rất xem trọng đoạn kinh này. Trong đó, điều cuối là “*phát tâm Bồ-đề, tin sâu nhân quả, đọc tụng kinh điển Đại thừa, khuyến tấn người tu hành*”. Thế nhưng, “*tin sâu nhân quả*”, tôi thắc mắc rất nhiều năm, không thể giải đáp, chẳng biết đó là ý gì. Tại sao tôi không hiểu lời nói này? Giả sử câu này nằm nơi câu thứ nhất, tôi không nghi ngờ, nhưng lại ở câu thứ ba nên nghi ngờ hoài. Vì điều phước thứ ba này dành cho bậc Bồ-tát, điều thứ nhất là hàng trời người, thứ hai là Tiểu thừa. Các bậc Bồ-tát cần phải tin sâu nhân quả, nhưng đây là nhân quả gì? Thông thường, chúng ta đều tin tưởng nhân quả nơi cõi trời, người. Làm thiện có quả báo thiện, làm ác có quả báo ác, lẽ nào Bồ-tát lại không tin hay sao? Cho nên, rốt cuộc là nhân quả gì? Tôi bỗng hoát nhiên rõ được! Chính là niệm Phật là nhân, thành Phật là quả, chính là pháp môn Tịnh độ. Thật tôi rất ngu, không hiểu ý nghĩa đoạn kinh này, trải qua nhiều năm mới hiểu được! Kinh này chỉ thẳng, niệm Phật là nhân chân thật, thành Phật là quả chân thật.

Đời Đường, Đại sư Thiện Đạo là vị Tổ thứ hai của tông Tịnh độ, có hai câu nổi tiếng: “*Như Lai sở dĩ hiện nơi đời, chỉ nói nguyện Di-đà rộng sâu*”. Ở trong truyện ký, có người nói Ngài là Phật A-di-đà trở lại. Trong lịch sử, có ba người là Phật A-di-đà tái sinh: đó là Đại sư Thiện Đạo, Đại sư Vĩnh Minh và Hòa thượng Phong Can ở chùa Quốc Thanh, núi Thiên Thai. Nếu là Phật A-di-đà trở lại, vậy thì hai câu trên chính là lời Ngài nói với chúng sinh một sự thật rằng, tất cả chư Phật Như Lai thị hiện ở thế gian vì chúng sinh nói pháp. Nói pháp gì? Nói biển nguyện rộng lớn của Phật A-di-đà. Ba kinh Tịnh độ đều nói về 48 đại nguyện của Phật A-di-đà. Kinh *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm* cũng nói bốn nguyện của Phật A-di-đà, cho đến đức Phật Thích-ca nói pháp 49 năm. Ngày nay chúng ta tập hợp toàn bộ thành *Đại Tạng Kinh*, cũng chính là nói 48 đại nguyện là tông cương lĩnh nói pháp của tất cả chư Phật. Nắm chắc điều này thì tất cả Phật pháp đều nắm được.

Vậy trong 48 lời nguyện, lời nguyện “*mười niệm được vãng sinh*” là cương lĩnh cao nhất của tất cả cương lĩnh. Một câu Phật hiệu đến chỗ này mới hiểu được rõ ràng. Nếu không nhận hiểu rõ ràng, không biết người biết của, thì làm sao cho là vật quý, làm sao chịu chăm chỉ tu học. Nếu người chân thật hiểu rõ, nhận rõ, thấu triệt, tự nhiên bạn sẽ xem là trân bảo, nhất định không bỏ rơi, nhất định không buông, sau đó mới có thể trung thực niệm Phật.

Trung thực niệm Phật không dễ! Thế nhưng, có một số người tuyệt nhiên không hiểu biết gì. Như có một số bà cụ có thể trung thực niệm Phật, lúc lâm chung đứng hoặc ngồi mà vãng sinh. Những bà cụ này điều gì cũng không biết, nhưng căn lành lại rất sâu, người khác không thể sánh bằng. Thiện căn phước đức họ đã tu nhiều đời nhiều kiếp, trong lòng của những cụ già này không có tạp niệm, từ sáng đến tối chỉ có một câu Phật hiệu. Còn mình từ sáng đến tối tạp loạn mê mờ, đây chính là thiện căn phước đức chẳng bằng người. Như vậy, chúng ta chỉ có một phương pháp làm sao cho rõ ràng, làm cho thấu đáo, quyết một lòng buông bỏ tạp niệm.

Phàm phu có thể trong một đời khế nhập Thật tướng, chính là rõ tâm thấy tánh, một đời viên mãn thành Phật. Thực tại mà nói, chỉ có lão thật niệm Phật. Ngoài một môn này ra, các vị thử nghiệm xem có phương pháp nào đem phải trái, nhân ngã, tham, sân, si, mạn trừ sạch hết không còn? Nếu nhận thấy không còn cách gì, nên mau chóng niệm Phật. Chỉ có niệm Phật là bậc nhất.

Nguyện 19: Nghe danh phát tâm.

Nguyện 20: Lâm chung tiếp dẫn.

Âm: Ngã tác Phật thời, thập phương chúng sinh, văn ngã danh hiệu, phát Bồ-đề tâm, tu chư công đức, phụng hành Lục Ba-la-mật, kiên cố bất thoái. Phục dĩ thiện căn hồi hướng, cố bất thoái. Phục dĩ thiện căn hồi hướng, nguyện sinh ngã quốc, nhất tâm niệm ngã, trú dạ bất đoạn. Lâm thọ chung thời, ngã dữ chư Bồ-tát chúng, nghinh hiện kỳ tiền, kinh tu du gian, tức sinh ngã sát, tác A-duy-việt-trí Bồ-tát. Bất đắc thị nguyện, bất thủ Chánh Giác.

Nghĩa: Khi tôi thành Phật, chúng sinh khắp mười phương nghe danh hiệu tôi, phát tâm Bồ-đề, tu các công hạnh, hành sáu Ba-la-mật, kiên cố không lui, lại đem các căn lành hồi hướng nguyện sinh về cõi nước tôi, một lòng nghĩ đến tôi ngày đêm không dứt. Đến khi mạng chung, tôi cùng Thánh chúng, Bồ-tát liền đến tiếp đón, khoảnh khắc sinh về cõi nước tôi, được Bất thối chuyển. Nếu không được như nguyện, thì không thành Chánh Giác.

Giảng:

Người xưa cũng rất xem trọng lời nguyện 19 này, bởi vì ba căn cơ đều được vãng sinh. Đức Thế Tôn nói, sinh về thế giới Cực Lạc, điều kiện quan trọng nhất là phải phát tâm Bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm. Nguyện thứ 18 là nói chuyên niệm, mười niệm được vãng sinh. Còn lời nguyện thứ 19 là phát tâm Bồ-đề. Có thể thấy hai lời nguyện này rất quan trọng! Trong lời nguyện thứ 19, chúng ta phải nhận rõ ràng chính là phát tâm Bồ-đề. “*Bồ-đề*” là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hoa là “*giác ngộ*”, giác ngộ chân chánh, chân thật giác ngộ. Trong kinh *Quán Vô Lượng Thọ*, đức Phật có nói ba tâm: tâm chí thành, tâm sâu xa, tâm hồi hướng phát nguyện. Đó chính là tâm Bồ-đề. Trong luận Khởi Tín, Bồ-tát Mã Minh cũng có nói: tâm ngay thẳng, tâm sâu xa, tâm đại bi. Ý nghĩa đều giống nhau.

Chư Đại đức thuở xưa đã giảng giải ba tâm này, thực tế rất khó thể hội. Không bằng Đại sư Ngẫu Ích trong kinh *A-di-đà Yếu Giải* nói rất rõ ràng, thấu đáo: “*Người chân chánh phát nguyện cầu sinh Tịnh độ, tâm phát nguyện này chính là tâm Bồ-đề Vô Thượng*”. Như vậy rất dễ hiểu. Hay nói cách khác, chúng ta một lòng một dạ hướng về Tịnh độ, cầu sinh Cực Lạc. Tâm này chính là tâm Bồ-đề Vô Thượng. Trước Đại sư Ngẫu Ích, chưa ai nói lời như thế, đây đều do Đại sư đề xướng. Thế nhưng, càng nghĩ càng thấy có đạo lý, rất xác thực, phù hợp với bốn nguyện độ sinh của đức Phật.

Trong các kinh Đại thừa có nói, tâm Bồ-đề bao gồm Tứ hoằng thệ nguyện. Vậy thì Tứ hoằng thệ nguyện là sự tu học cụ thể của tâm Bồ-đề, đây là điều rất quan trọng.

Thứ nhất phát nguyện lớn “*độ chúng sinh thành Phật đạo*”. Sau khi tâm nguyện này phát khởi liền có một sức mạnh không thể nghĩ, thúc đẩy mình tinh tấn, không giải đãi. Chúng ta học Phật, vì sao thường thôi chuyên? Vì khi học Phật chỉ muốn chính mình thành tựu, do vậy sinh giải đãi. Nếu như tâm của mình phát ra vì cứu độ chúng sinh, đây là sứ mạng nặng nề. Tôi thành Phật trễ một ngày thì chúng sinh chịu khổ thêm một ngày. Tôi thành Phật sớm một ngày thì chúng sinh bớt một ngày chịu khổ. Sức mạnh này rất lớn, không thể giải đãi, không thể lười biếng, không để chúng sinh phải vì ta chịu thêm nhiều đau khổ. Nhờ sức mạnh này thúc đẩy nên người tu nỗ lực đoạn dứt phiền não, siêng năng tu học pháp môn thành Phật, độ vô lượng vô biên chúng sinh thì nguyện này mới đạt đến tròn đầy. Vậy chúng ta đã hiểu vì sao chư Bồ-tát tu hành không hề mệt mỏi, tinh tấn không dừng nghỉ, chính là đạo lý này.

“*Tu các công đức*”. Sau khi đã phát tâm Bồ-đề, liền khởi tu hạnh lớn, thực hành sáu Ba-la-mật kiên cố bất thoái, được vậy chính nhờ có tâm Bồ-đề. “*Đem các căn lành hồi hướng*”, tất cả căn lành chúng ta tu tập, đều hồi hướng cầu sinh Tịnh độ. “*Nguyện sinh về cõi tôi, một lòng nghĩ đến tôi ngày đêm không dứt*”. Câu này cần phải hiểu rõ, nghĩa là nhất tâm niệm Phật

không gián đoạn. Việc niệm Phật này không chỉ ở ngoài miệng, mà phải thật có trong tâm. Trong tâm chân thật có Phật A-di-đà, duy chỉ có một niệm A-di-đà Phật. Nói cách khác, ngoài Phật ra, trong lòng không có một niệm nào khác, đây gọi là nhất tâm chuyên niệm. Tâm Phật A-di-đà ra sao, nguyện vọng của Ngài như thế nào... trong cuộc sống thường ngày, chúng ta niệm danh hiệu Ngài, thì phải học và làm theo như vậy.

Phật A-di-đà ở ngay trong cuộc sống thường ngày, dốc lòng dốc sức giúp tất cả chúng sinh phá mê khai ngộ, tín - nguyện - trì danh cầu sinh Tịnh độ. Vậy thì, việc này trở thành việc lớn nhất trong cả đời của chúng ta.

Pháp môn niệm Phật rất vi diệu, thù thắng, tuyệt đối không làm trở ngại pháp thế gian (công việc, việc làm ở thế gian). Ở nhà niệm Phật, không chướng ngại việc nhà; người kinh doanh buôn bán, từ ông chủ cho đến người làm công, nếu niệm Phật thì công việc sẽ trở nên nhẹ nhàng, thoải mái, không cảm thấy cực nhọc, mệt mỏi. Đây đều là chân thật.

Công đức lợi ích của niệm Phật rất rộng lớn. Cho nên, tuyệt đối không chướng ngại công việc; đối với việc làm chỉ có tốt đẹp không có điều xấu. Nếu phàm phu muốn rõ tâm thấy tánh, chứng tánh thành Phật thì một lòng chuyên niệm Phật cầu sinh Tịnh độ. Đây là con đường an ổn nhất. Cho nên, đức Phật nói: *“Một lòng nghĩ đến tôi, ngày đêm không dứt”* nghĩa là trong tâm luôn có Phật không chỉ ở ngoài miệng, đây gọi là xưng niệm, chính là nhân. Phát tâm Bồ-đề là chánh nhân niệm Phật, sau đó nói về quả đức: *“Đến lúc lâm chung”*.

Trong đời sống hiện tại này, tuổi thọ con người có giới hạn. Chúng ta có quả báo tốt, biết được pháp môn niệm Phật này là do nhân đời trước có tu hành. Ngay khi hết tuổi thọ rồi không còn luân hồi nữa, Phật A-di-đà sẽ đến tiếp dẫn. Người tuổi thọ dài lâu ở thế gian này có tốt hay không? Thực tế, sống thêm một ngày thì chịu thêm một ngày tội; vãng sinh sớm một ngày thì sớm một ngày thấy Phật, sớm một ngày chứng quả. Cho nên, người chân chánh giác ngộ nhất định không cầu trường thọ. Thế nhưng, có được tuổi thọ dài là để hướng dẫn chúng sinh cùng tu tập. Vì những ai có duyên, mình nói họ sẽ nghe theo, người khác khuyên họ chẳng nghe. Nhiều người có duyên như vậy thì cơ duyên được độ thoát của họ đã chín muồi. Như vậy, thọ mạng dù hết cũng phải sống thêm vài năm để giúp đỡ họ, đây là việc nên làm. Thế nên, người niệm Phật có tuổi thọ lâu dài, nhất định phải vì lợi ích chúng sinh, giúp đỡ cho nhiều người niệm Phật vãng sinh. Nếu không vì lý do đó, thì không còn lý nào để ở thế gian này thêm một ngày nào nữa.

“Đến khi mạng chung, tôi cùng Bồ-tát, Thánh chúng liền đến tiếp đón”. Lúc lâm chung, Phật hiện đến tiếp dẫn người niệm Phật. Lúc này, xét xem công phu niệm Phật, duyên phận niệm Phật của bạn ra sao? Nếu công phu tốt, nhân duyên thù thắng thì chư Bồ-tát theo Phật A-di-đà đến tiếp dẫn rất đông.

Nếu công phu niệm Phật cạn, bình thường không cùng người kết pháp duyên thì Phật A-di-đà đến tiếp dẫn, chư Bồ-tát cùng đến sẽ không nhiều. Việc này mọi người phải thông hiểu.

Thường ngày, nhất tâm xung niệm, rộng kết duyên Phật hay rộng kết duyên pháp, khi sinh về Tây Phương Cực Lạc, người hoan nghênh, tiếp đón sẽ rất nhiều. Những vị cùng theo Phật đến đều là đồng tu, bạn bè, thân nhân, quyến thuộc trong đời quá khứ. Trong quá khứ họ đã vãng sinh, hiện tại biết người ấy vãng sinh nên cùng theo Phật đến tiếp dẫn. Khi đó, nhờ oai thần bốn nguyện của Phật A-di-đà giúp đỡ, túc mạng thông của bạn liền hiện tiền. Những người này, từ đời quá khứ nhiều kiếp về trước, đời nào kiếp nào có mối quan hệ với ta ra sao đều nhận biết, cho nên chúng ta nhất định phải hiểu. Còn ở sáu nẻo luân hồi rất cô độc. Người vừa chết sẽ tiếp tục luân hồi, quyến thuộc chia lìa, muốn gặp mặt thật là việc chẳng dễ, hoàn toàn là cảnh giới xa lạ. Chỉ có đến thế giới Cực Lạc, thân bằng quyến thuộc rất nhiều rất đông, đều là người quen, một chút xa lạ cũng không có. Đây là sự thật ngàn vạn lần chuẩn xác.

Đại sư Nguyên Chiếu, đời Tống, nói: *“Nói chung người lâm chung không làm chủ thân thức, chẳng một thứ nghiệp chủng thiện hay ác nào lại không phát hiện: hoặc khởi niệm ác, hoặc khởi tà kiến, hoặc sinh quyến luyến, hoặc phát điên rồ, chẳng phải chỉ có một thứ ác tướng... đều là điên đảo”*. Rõ ràng là phạm phu nghiệp nặng, lúc lâm chung lắm nỗi điên đảo, lại bị tứ đại bức bách khổ sở, đau đớn khó tả nổi, làm sao chánh niệm trì danh được! Chẳng thể trì danh làm sao được vãng sinh?

Vì vậy, phạm phu vãng sinh chẳng phải do sức mình mà toàn nhờ vào sự trợ giúp của đại nguyện Phật A-di-đà giữ cho chẳng điên đảo nên mới được vãng sinh. Sách *Viên Trung Sao* nói: *“Chúng sinh cõi ta-bà tuy có thể niệm Phật nhưng kiến hoặc còn rối bời chưa thể đoạn trừ. Khi lâm chung, chẳng bị điên đảo vốn chẳng do sức mình làm chủ được, chỉ toàn nhờ Phật A-di-đà đến cứu giúp thôi. Tuy không có chánh niệm mà giữ được chánh niệm nên tâm chẳng điên đảo, liền được vãng sinh”*.

Kinh *A-di-đà* được dịch vào đời Đường mang tên *Xung Tán Tịnh Độ Phật Pháp Nhiếp Thọ Kinh*, có nói: *“Lúc lâm chung, Phật A-di-đà cùng vô lượng đệ tử Thanh văn, Bồ-tát của Ngài trước sau vây quanh, đến đứng trước mặt, từ bi gia hộ khiến tâm chẳng loạn”*. Như thế, rõ ràng phạm phu khi lâm chung tâm chẳng điên đảo và chẳng tán loạn, chánh niệm trì danh, đều nhờ sức Phật A-di-đà từ bi trợ giúp vậy.

“Khoảnh khắc sinh về cõi nước tôi”. Thời gian vãng sinh rất mau lẹ tuy thế giới Ta-bà cách thế giới Cực Lạc mười muôn ức cõi nước Phật, nhưng chỉ khoảng một niệm liền đến được, tốc độ vô cùng nhanh. Sau khi đến cõi đó, điều rất quan trọng là *“thành Bồ-tát A-duy-việt-trí”*. A-duy-việt-trí là tiếng

Phạn, nghĩa là Bồ-tát Bất thối chuyển, chứng trọn vẹn Tam bất thoái. Cho nên, người xưa nói đây là chỗ cột cùng của Phật A-di-đà. Tâm tánh, công đức này rộng lớn đến đỉnh điểm. Trì danh niệm Phật chứa nhóm công đức không thể nghĩ bàn, cũng là đại nguyện của Phật Di-đà làm cho người sinh đến thế giới Cực Lạc đều có thể chứng trọn vẹn Tam bất thoái. Thực tế, người này là Bồ-tát Viên giáo Thất địa trở lên.

Trong kinh *A-di-đà Yếu Giải*, nói về Tam bất thoái như sau:

- 1 - Vị bất thoái: vào dòng Thánh, chẳng đọa địa vị phạm phu sinh tử.
- 2 - Hạnh bất thoái: luôn luôn độ sinh, chẳng đọa địa vị Nhị thừa.
- 3 - Niệm bất thoái: tâm tâm lưu nhập biển Nhất thiết trí (thành Phật).

Trong ba loại bất thoái, cao nhất là Niệm bất thoái. Hành giả trong cõi này phải là bậc tu chứng thoái. Hành giả trong cõi này phải là bậc tu chứng Sơ Hoan Hỷ địa trong Biệt giáo, hay tu đến bậc Sơ phát tâm trụ trong Viên giáo mới phá được một phẩm vô minh, chứng một phân pháp thân, rồi mới có thể chứng nhập biển Nhất thiết trí (quả vị Phật). Như vậy phải lìa khỏi hai bên, hoàn toàn trở về trung đạo thì mới gọi là “*niệm niệm lưu nhập biển Nhất thiết trí*”. Vì thế, cõi Ta-bà này khó chứng được Niệm bất thoái. Nhưng trong nguyện này, Phật lại nói mười phương chúng sinh, nghe danh phát tâm, nhất tâm niệm danh hiệu Ngài, liền sinh trong cõi nước Ngài, thành bậc Bất thoái chuyển. Kinh *A-di-đà* cũng nói: “*Chúng sinh sinh về cõi nước Cực Lạc, đều là bậc Bất thoái chuyển*”.

Kinh *A-di-đà Yếu Giải* còn nói: “*Trong cõi Tịnh độ, hạng ngũ nghịch, thập ác, mười niệm thành tựu, mang nghiệp vãng sinh hạ hạ phẩm cũng đều được ba thứ Bất thoái*”. Người phạm hạ hạ mà cũng chứng ba thứ Bất thoái, trong một đời thành Phật thì thật là không nơi đâu được, chỉ mình Cực Lạc riêng có mà thôi. Siêu tuyệt lạ kỳ, đặc biệt đến như thế, dù suy nghĩ biện luận cũng chẳng thấu đạt nổi!

Thế nên, trong kinh *A-di-đà Yếu Giải*, Đại sư Ngẫu Ích nói: “*Nếu chẳng phải do tâm tánh đạt đến cùng cực, do sự un đức kỳ diệu của trì danh, do đại nguyện của Phật A-di-đà thì làm sao mà có được như vậy*”.

Hai lời nguyện 18 và 19 này là tinh túy trong 48 đại nguyện của Phật A-di-đà. Nguyện thứ 18 là tinh túy bậc nhất.

Nguyện 21: Sám hối được vãng sinh.

Âm: Ngã tác Phật thời, thập phương chúng sinh, văn ngã danh hiệu, hệ niệm ngã quốc, phát Bồ-đề-tâm, kiên cố bất thối. Thật chúng đức bản, chí tâm hồi hướng, dục sinh Cực Lạc, vô bất toại giả. Nhược hữu túc ác, văn ngã danh tự, tức tự hồi quá, vi đạo tác thiện, tiện trì kinh giới, nguyện sinh ngã sát, mạng chung bất phục, cánh tam ác đạo, tức sinh ngã quốc. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác

Nghĩa: Khi tôi thành Phật, chúng sinh trong mười phương nghe danh hiệu tôi, nhớ nghĩ nước tôi, phát tâm Bồ-đề kiên cố không thối lui, trồng các căn lành, hết lòng hồi hướng sinh về Cực Lạc, đều được toại ý. Nếu có ác nghiệp đời trước, nghe danh hiệu tôi, hết lòng sám hối, làm các việc lành, lại trì kinh giữ giới, nguyện sinh về nước tôi, lúc mạng chung không lạc vào ba đường ác, liền sinh về nước tôi. Nếu không được như vậy, thế không thành Chánh Giác.

Giảng:

Mười phương chúng sinh nhất định gồm cả chúng ta, thế nên phải tin sâu không nghi ngờ. “*Nhớ nghĩ*” chính là có nguyện, có hạnh; trong lòng rất ngưỡng vọng thế giới Cực Lạc, thường niệm danh hiệu Phật, niệm này là nhớ nghĩ. Chúng ta thường gọi nhớ niệm trong lòng, buộc chặt câu Phật hiệu. Người đời nhớ niệm nhiều việc, rồi cả ruột gan, những niệm đó đều là sáu cõi luân hồi. Nhớ niệm con cái, nhớ niệm cha mẹ, nhớ niệm thân bằng quyến thuộc, nhớ niệm tái sản, nhớ niệm chức quyền, tất cả đều không thoát khỏi sáu nẻo. Ngày nay, chúng ta giác ngộ, thấu hiểu, rồi đem những nhớ niệm đó đổi thành nhớ niệm Phật A-di-đà, những việc rồi bời của thế gian thảy đều buông, một lòng nhớ niệm danh hiệu Phật là chuẩn xác nhất.

“*Phát tâm Bồ-đề, kiên cố không lui, trồng các căn lành*”, gieo trồng nghĩa là thật có trong tâm. Căn lành chỉ cho Thánh hiệu của Phật A-di-đà, trong lòng thật có sáu chữ hồng danh. “*Một lòng hồi hướng sinh về Cực Lạc, đều được như ý*”. Nguyện này biểu thị mười phương chúng sinh muốn cầu sinh thế giới Cực Lạc, điều kiện rất dễ dàng. Phật A-di-đà đã tự mình mở ra, cho nên việc vãng sinh thật không khó. “*Nếu có ác nghiệp đời trước*”, đây chỉ là giả thiết, thực tế thì phạm phu đều có tội nghiệp. Chúng ta phải tự biết mình nghiệp chướng sâu dày, tội chướng rất nặng. “*Nghe danh hiệu tôi, hết lòng sám hối*” là sám hối vãng sinh, việc này rất quan trọng! Công đức sám hối rất lớn, bao gồm tất cả Phật pháp. Không luận một pháp môn nào, nếu nói về tu hành đều có tu pháp sám hối. Công đức của sám không thể nghĩ bàn.

Pháp niệm Phật này mang nghiệp vãng sinh, nên phải chú trọng việc sám hối. Thế thì dùng phương pháp gì? Niệm Phật! Oai đức danh hiệu Phật không thể nghĩ bàn, có thể tiêu trừ tội chướng của tất cả chúng sinh. Tội chướng dù rất nặng, niệm danh hiệu Phật có thể tiêu trừ. Pháp sư Từ Vân đã nói: “*Những người tạo tội rất nặng, tất cả kinh pháp, sám pháp, đều không thể tiêu trừ, chỉ cần niệm Nam mô A-di-đà Phật thì có thể tiêu trừ*”. Đây chính là nói rõ công đức của câu Phật hiệu, vượt qua tất cả sám pháp, kinh văn. Thật sự, người biết được việc này rất ít, nhận thấy tội nghiệp quá nặng, nhưng không biết niệm Phật, chỉ lạy Thủy Sám, Lương Hoàng Sám v.v... ắt khó thể tiêu trừ tội lỗi.

Riêng pháp môn niệm Phật không cần đợi đến lúc nghiệp hết, những người này vẫn có thể vãng sinh. Đây là công đức chân thật không thể nghĩ bàn. Cho nên, phải hiểu sám hối có cần hình thức không? Không cần thiết! Những năm đầu học Phật, trước khi xuất gia, tôi đã theo học với Đại sư Chương Gia. Đại sư vô cùng từ bi, dạy tôi pháp sám hối này. Pháp này rất quan trọng, đó là “*về sau không tạo nữa*”. Điều này rất thiết yếu. “*Biết lỗi liền sửa, về sau không tạo nữa*” gọi là chân thật sám hối, không phải trên hình thức. Còn hình thức sám hối phải thật trang nghiêm thành kính, nhằm dạy người khởi tâm tôn kính. Vậy chính mình muốn tiêu tội thì phải thật tâm sám hối. Trong văn này đã nói “*tự mình hết lòng sám hối*”, chú trọng ở chỗ tự mình.

“*Làm các việc lành*”, chính là định huệ. Chúng ta phải chú trọng tu giới - định - huệ. Định là tâm thanh tịnh, không bị tất cả danh lợi, sáu trần thế gian làm ô nhiễm. Huệ là đối với tất cả pháp có năng lực phân biệt chánh tà, không học sai pháp môn. Làm thiện là tu phước, như tôi đã nói phước đức rất quan trọng, không nên xem thường. Xét nghĩa, trong tam quy y, quy y Phật lưỡng túc tôn, nghĩa là về nương bậc phước tuệ tròn đầy. Như vậy, đức Phật có phước báo đầy đủ, nhưng phước từ đâu có? Đều do tu hành mà có, cho nên Phật dạy phải tu phước tuệ. Muốn độ chúng sinh phải có phước báo lớn. Có phước không có tuệ cũng không thể độ chúng sinh, phá mê khai ngộ, lia khổ được vui. Do đó, nhất định phải phước tuệ song tu.

Chúng ta một lòng xưng danh hiệu Phật, phát nguyện cầu sinh Tịnh độ, đây là tuệ. Còn thực hành Tam phước, Sáu pháp hòa, Lục độ, đây là phước. Trong phước có tuệ, trong tuệ có phước. Cho nên, nhất định phải hiểu việc hành thiện.

Trong kinh, mỗi niệm, Phật A-di-đà đều đang làm thiện, giáo hoá và giúp đỡ tất cả chúng sinh, đây là bố thí pháp. Kiến tạo thế giới Cực Lạc để chúng sinh về đó tu học là bố thí tài. Chúng sinh đến thế giới Cực Lạc, hưởng phước của Phật, không còn lo sợ sinh tử luân hồi nữa, đây là bố thí vô úy. Như vậy, đức Phật a-di-đà đã thực hiện đầy đủ ba pháp bố thí.

“*Trì kinh giữ giới*” chính là nói chúng ta nhất định phải đọc tụng kinh điển Đại thừa và khuyên bảo người khác. Ngày nay chúng ta đọc kinh Đại thừa, nên bắt đầu từ kinh *Vô Lượng Thọ*. Trước tiên học thuộc lòng bộ kinh này. Khi đã thông suốt rồi, chính mình sẽ nắm chắc phần vãng sinh, sau đó mới đọc qua các kinh điển Đại thừa khác. Nếu người không có thời gian đọc nhiều kinh, thì một lòng một dạ chuyên niệm Phật cầu vãng sinh, đều rất tốt. Tất cả kinh giáo, khi đến Tây Phương Cực Lạc, gặp Phật A-di-đà, sẽ tiếp tục học vô lượng pháp môn. Vãng sinh Cực Lạc, gặp Phật, bảo đảm không còn luân hồi, tuổi thọ vô lượng. Cho nên, đây là việc vô cùng trọng đại. Tôi

thường khuyên các bạn đồng tu, trong Tứ hoàng thế nguyện, hai nguyện sau là học các môn thành Phật đạo, khi về thế giới Cực Lạc mới thực hiện.

“Lúc mạng chung không lạc vào ba đường ác, liền sinh về cõi nước tôi”, chính là yêu chỉ của lời nguyện này. Nếu đời trước làm ác, có nghiệp, quyết định sau khi mạng chung ắt phải đọa vào ba đường ác (địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh). Nhưng đời này hối lỗi, tu đạo làm lành, tụng kinh giữ giới, phát tâm tín - nguyện, chuyên niệm danh hiệu Phật, chí tâm hồi hướng cầu sinh Tịnh độ... thì nhờ vào công đức lời nguyện của Phật A-di-đà, ngăn chặn nghiệp xưa, được Phật tiếp dẫn, chẳng đọa tam đồ, nhanh chóng sinh về Cực Lạc. Vì vậy, kinh nói: *“Không ai chẳng được toại nguyện”*. Chữ *“toại nguyện”* nghĩa là ý nghĩa sinh Cực Lạc được thỏa mãn trọn vẹn. Rõ ràng, người nghiệp xưa sâu nặng đều chẳng bị đọa vào ba đường ác, được mang nghiệp vãng sinh. Đại nguyện từ bi của Phật A-di-đà sâu thẳm, sức thâm nhân và cứu độ chúng sinh mênh mông rộng lớn, vượt trội mười phương.

Như thế, thuyết *“mang nghiệp vãng sinh”* căn cứ trên 48 đại nguyện của Phật, chẳng phải tự bịa đặt. Hơn nữa, nghiệp được mang theo chính là ác nghiệp thưở trước. Chúng ta xem trong kinh, Đề-bà-đạt-đa tạo tội ngũ nghịch phải đọa địa ngục, khi trả xong quả báo ở địa ngục mới thoát ra được. Người niệm Phật sinh về Tây Phương tuyệt đối không như thế, mà được mang nghiệp vãng sinh.

Nguyện 22: Trong nước không có người nữ.

Nguyện 23: Nhàm chán thân nữ, chuyển thành thân nam.

Nguyện 24: Hoá sinh nơi hoa sen.

Âm: Ngã tác Phật thời, quốc vô phụ nữ. Nhược hữu nữ nhân, văn ngã danh tự, đắc thanh tịnh tín, phát Bồ-đề tâm, yếm hoạn nữ thân, nguyện sinh ngã quốc, mạng chung tức hoá nam tử, lai ngã sát độ. Thập phương thế giới, chư chúng sinh loại, sinh ngã quốc giả, giai ư thất bảo trì, liên hoa trung hoá sinh. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.

Nghĩa: Khi tôi thành Phật, nước tôi không có phụ nữ. Nếu có người nữ nào nghe danh hiệu tôi, thanh tịnh tin tưởng, phát tâm Bồ-đề, chán ghét thân nữ, mạng chung liền hoá thành thân nam sinh về nước tôi. Các loại chúng sinh ở thế giới mười phương, sinh về nước tôi đều hoá sinh trong hoa sen bảy báu. Nếu không được như vậy, thì không thành Chánh Giác.

Giảng:

Thế giới Tây Phương là một thế giới bình đẳng, nếu có người nam người nữ là không bình đẳng. Đức Phật A-di-đà rất sáng suốt, Ngài đã xem qua nhiều thế giới khác đều có người nam có người nữ, mỗi ngày lộn xộn bất an. Do đó, Ngài nghĩ phải có thế giới hết thảy đều giống nhau, đều là người nam,

không có người nữ. Người nữ sinh về thế giới Cực Lạc đều trở thành nam, hơn nữa thân tướng như nhau, giống Phật A-di-đà. Việc này đều phát sinh từ lời nguyện này, thật là hiếm có bậc nhất!

Thế giới chư Phật trong mười phương không có điều này. Cho nên, Đại sư Thiện Đạo nói: *“Đều do oai thần bốn nguyện của Phật A-di-đà, nên người nữ trong mười phương niệm Phật, đến lúc lâm chung vãng sinh rồi, thấy đều là thân nam, giống thân tướng của Phật”*. Đức Phật đến tiếp dẫn, ánh sáng vừa chiếu đến thì hoá thân này lập tức hiện tiền, thân này xả bỏ liền được hoá thân mới, cùng với thân Phật như nhau. Cho nên, người ở Tây Phương Cực Lạc không như một đứa trẻ nhỏ dần dần lớn lên, nếu vậy đã có sinh có diệt rồi. Thế giới Cực Lạc không có sinh diệt, hoàn toàn là hoá thân, hình tướng lập tức giống như Phật A-di-đà.

“Các loại chúng sinh ở thế giới mười phương, sinh về nước tôi đều hoá sinh trong hoa sen bảy báu. Nếu không được như vậy thì không thành Chánh Giác”. Lời nguyện này là hoá sinh nơi hoa sen.

Cảnh quang ở thế giới Cực Lạc đều thường trụ, không sinh không diệt, vĩnh viễn không biến đổi, hoại diệt. Còn thế giới này biến hoại trong từng sát-na, không thể thường còn, tất cả vạn vật đều thay đổi, nên gọi là vô thường. Chúng ta nhìn xem giảng đường này, cũng là vô thường, nó đang thay đổi, tuy là rất chậm. Một giảng đường mới nếu để mấy ngàn năm cũng không còn! Hoặc trong một điều kiện nào đó, những việc ngoài ý muốn, nó liền biến thành hoá thạch; sau khi biến thành hoá thạch vẫn tiếp tục không ngừng biến đổi. Đây gọi là vô thường, không bền vững. Thế giới Cực Lạc bao gồm tất cả vạn vật, đều thường còn, không biến đổi; chỉ có hoa sen trong ao thất bảo có thay đổi. Trong thế giới ở mười phương, có người phát tâm chân thật niệm Phật cầu sinh Tây Phương thì ao thất niệm Phật cầu sinh Tây Phương thì ao thất bảo liền mọc lên một đóa sen. Nếu tâm người này chân thành niệm Phật, tha thiết niệm Phật, đóa sen đó dần dần phát triển lớn lên. Cho nên, hoa sen này lớn nhỏ không giống nhau, hoặc một do-tuần, mười do-tuần, hoặc một trăm do-tuần, một ngàn do-tuần. Đó là do công phu niệm Phật cạn sâu có sai khác.

Màu sắc của hoa cũng không giống nhau, dường như có sinh có diệt. Nếu người niệm Phật, vài năm sau không còn niệm nữa, thay đổi chủ ý, học Thiền, học Mật, đóa hoa này liền bị khô, rồi tiêu mất. Khi chúng ta vãng sinh, Phật A-di-đà cầm đóa hoa sen này tiếp dẫn. Do sức niệm Phật của chính mình và nguyện lực của Phật, hai sức mạnh ấy tạo nên hiện tượng này. Cho đến mọi thứ trang nghiêm của thế giới Cực Lạc đều do nguyện lực của Phật A-di-đà thành tựu, đều chân thật thường còn, không biến đổi. Còn hoa sen là do niệm lực của chúng ta và nguyện lực của Phật kết hợp. Vậy hoa sen ấy có chân thật thường còn không? Chúng ta niệm Phật, tâm này phải

hoàn toàn không thối chuyển. Đây là tịnh niệm liên tục thì hoa này cũng trở thành chân thật thường còn. Người vừa vãng sinh đến cõi đó cũng liền thành chân thường, hoá sinh nơi hoa sen.

Trong kinh *A-di-đà Sớ Sao*, Đại sư Liên Trì nói: “*Chúng sinh sáu nẻo nơi thân trung ấm tự cầu cha mẹ. Sinh về Tịnh độ thì trong khoảng khảy móng tay liền hoá sinh trong hoa sen. Hoa sen ấy là cung huyền diệu để thoát thân phàm, là nhà thần diệu để an huệ mạng, nghĩa là tất cả chúng sinh trong sáu nẻo, sau khi mạng chung, hiện thành thân trung ấm. Nơi thân trung ấm ấy, do nghiệp xưa nhân duyên của tự thân mà đi tìm cha mẹ trong thế gian, gieo vào bụng mẹ đầy phân như để kết thành thân trước nhiễm tội nghiệp. Như thế, sao bằng sinh về cõi Tịnh, lâm chung được Phật tiếp dẫn, trong khoảng khảy ngón tay, hoá sinh trong hoa sen, liền sinh cõi Cực Lạc. Hoa sen ấy chính là cung điện huyền diệu để thoát bỏ thân phàm, là căn nhà thần diệu để an dưỡng huệ mạng của chính mình*”. Mấy lời này đã hiển bày đại nguyện sâu xa của Phật A-di-đà, tâm từ bi tột cùng, đức vi diệu khó suy lường.

Vậy thì từ nguyện thứ 18: mười niệm được sinh về, đến lời nguyện này đã nói lên sự lợi ích thù thắng thượng thừa. Được lợi ích này là thù thắng nhất, chân thật nhất, hoá sinh nơi hoa sen.

Nguyện 25: Trời người lễ kính.

Nguyện 26: Nghe danh hiệu được phước.

Nguyện 27: Tu hạnh thù thắng.

Âm: Ngã tác Phật thời, thập phương chúng sinh, văn ngã danh tự, hoan hỷ tín nhạo, lễ bái quy mạng, dĩ thanh tịnh tâm, tu Bồ-tát hạnh, chư thiên thế nhân mạt nhân trí kính. Nhược văn ngã danh, thọ chung chi hậu, sinh tôn quý gia, chư căn vô khuyết, thường tu thù thắng vạn hạnh. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.

Nghĩa: Khi tôi thành Phật, chúng sinh khắp mười phương, nghe danh hiệu tôi vui mừng tin tưởng, lễ bái quy mạng, đem tâm thanh tịnh tu hạnh Bồ-tát, chư thiên và người đời hết lòng tôn kính. Nếu nghe danh hiệu tôi, sau khi mạng chung được sinh vào nhà tôn quý, các căn đầy đủ, thường tu phạm hạnh thù thắng. Nếu không được như vậy, thì không thành Chánh Giác.

Giảng:

“*Hoan hỷ tín nhạo*” là vui mừng tin tưởng, ưa thích. “*Văn*” là nghe, trong đó đã có lòng tin nhận công đức danh hiệu Phật, điều này biểu hiện ngay trong đời sống thường ngày là “*lễ bái quý mạng*”. Lễ bái không nhất định một ngày từ sớm đến tối lạy Phật bao nhiêu lạy, đương nhiên có người lạy phương pháp này để tu hành, mỗi ngày có thể lạy Phật ba ngàn lạy hoặc một

ngàn lay. Tuyệt nhiên, không cố định yêu cầu mỗi người đều như vậy. Lễ lay là trong lòng tôn kính Phật A-di-đà, mỗi niệm đều không quên, không luận lúc nào, mình cũng đều có lòng tôn kính đối với Phật, như vậy gọi là lễ lay.

Thế nhưng, hiện tại xã hội này, thời gian dành cho công việc rất nhiều, thiếu sự vận động, cho nên thường thường đề xướng việc vận động. Người học Phật, đem những thời gian này dùng vào các vận động khác, thật đáng tiếc. Vận động tốt nhất là lay Phật. Trong công việc, chúng ta đã ngồi quá lâu rồi, nên cần phải hoạt động. Hoạt động chính là lay Phật. Nơi tâm chân thành thanh tịnh, kết cấu thân thể này đều vận động đến mỗi bộ phận, tốt không gì hơn, đối với sức khỏe của thân thể có sự giúp đỡ rất lớn. Hiểu được nhiều lợi ích của việc lay Phật, vậy lay Phật nhiều ít tùy nơi mình, không hạn định. Nếu có thời gian thì lay nhiều, không có thời gian thì giảm bớt đi.

Một phương pháp nữa, đó là nhiều Phật. Nhiều Phật là tản bộ. Bên ngoài đi lại hoạt động, trong lòng thì niệm Phật, giống như đi kinh thành ở chánh điện. Tuy không ở chánh điện, khi đi khắp nơi đều như vậy.

“*Quy mạng*” là nương về, toàn tâm, toàn thân nương nơi Phật A-di-đà. Bộ kinh này chính là Phật A-di-đà, toàn tâm y theo đạo lý trong kinh chỉ dạy mà thực hành, đem tâm thanh tịnh bình đẳng từ bi tu hạnh Bồ-tát. Hạnh Bồ-tát chính là Tam học và Lục độ, chính là làm việc lành, lợi ích tất cả chúng sinh. “*Chư thiên và người đời hết lòng tôn kính*”. Ngày nay, chúng ta có được lợi ích, bản thân có thể tu hành như vậy, thì không kể là đi đến đâu cũng đều được mọi người cung kính, ủng hộ. Người này đạt được lợi ích ngay trong hiện tại.

“*Nghe danh hiệu tôi, sau khi mạng chung được sinh vào nhà tôn quý, các căn đầy đủ*”. Đối với thế gian, người niệm Phật vẫn còn lưu luyến không buông xả được để vãng sinh, đời sau người này được sinh vào nhà tôn quý, vừa sinh ra liền có nhiều phước báo để hưởng, thân thể đầy đủ, khỏe mạnh sống lâu. Đây là quả báo trong đời quá khứ niệm Phật, nhưng do không phát nguyện vãng sinh về Cực Lạc nên chỉ được phước báo thế thôi.

“*Thường tu phạm hạnh thù thắng*”. Phạm hạnh là hạnh trong sạch. Bởi vì, họ có căn lành sâu dày nên ở thế gian này vẫn tiếp tục học Phật, tiếp tục tu hành. Đây chính là oai thần bổn nguyện của Phật A-di-đà giúp đỡ bảo hộ, người này không mê mất chính mình. Chúng ta đều thuộc loại này, trong đời quá khứ niệm Phật nhưng không xả bỏ được thế gian nên chẳng thể vãng sinh, đời này lại gặp được Phật pháp, tiếp tục tu hành.

Trong đoạn kinh này bao gồm ba lời nguyện, đều nói rõ công đức nghe danh hiệu Phật. Bởi vì chúng sinh căn tánh không đồng, tuy nghe danh hiệu Phật, nhưng tâm phát nguyện vãng sinh chưa phát khởi. Miệng nói vãng sinh, trong lòng lại không xả bỏ được thế gian, thân bằng quyền thuộc trời buộc

nơi lòng, tín - nguyện không sâu, trì danh cũng không chuyên, cho nên với đại nguyện tiếp dẫn của Phật A-di-đà còn xa cách. Thế nhưng, tuy người này chưa thể vãng sinh, nhưng vẫn được phước báo nơi cõi trời người. Vậy thì, đây là biểu thị danh hiệu Phật A-di-đà, chỉ cần nghe được, không luận vãng sinh hay không vãng sinh, nhất định đều được lợi ích. Do đó, đối với việc hoằng truyền danh hiệu này, vì tất cả chúng sinh phổ biến sẽ được lợi ích rất lớn. Việc như thế chúng ta phải nên làm, cho dù họ tin hay không tin, đều phải mỗi giờ mỗi phút giữ vững tâm nguyện giúp đỡ tất cả chúng sinh, làm cho mọi người có cơ hội nghe được danh hiệu Phật. Nếu như được cơ hội đem kinh điển giới thiệu cho họ, công đức này sẽ lớn hơn.

Từ nguyện thứ 28 đến nguyện thứ 43, Phật vì chúng sinh nói rõ, sau khi vãng sinh đến thế giới Cực Lạc, hoàn cảnh sinh hoạt tu học nơi ấy rất tốt. Việc này quan hệ rất mật thiết với chúng ta, vì không bao lâu chúng ta đều đến thế giới đó, cho nên trước phải hiểu rõ, giúp cho lòng tin ngày càng lớn mạnh, càng thêm sâu chắc.

Nguyện 28: Cõi nước không có tên bất thiện.

Nguyện 29: Trụ chánh định tụ.

Nguyện 30: Được niềm vui như Tỳ-kheo dứt sạch các lậu.

Nguyện 31: Không tham chấp thân.

Âm: Ngã tác Phật thời, quốc trung vô bất thiện danh. Sở hữu chúng sinh, sinh ngã quốc giả, giai đồng nhất tâm, trụ u định tụ, vĩnh ly nhiệt não, tâm đắc thanh lương, sở thọ khoái lạc, do như Lậu tận Tỳ-kheo. Nhược khởi tưởng niệm, tham kế thân giả, bất thủ Chánh Giác.

Nghĩa: Khi tôi thành Phật, nước tôi không có tên bất thiện. Chúng sinh sinh vào nước tôi đều nhất tâm trụ vào chánh định, không còn nhiệt não, tâm được mát mẻ, hưởng thọ an lạc như Tỳ-kheo lậu tận. Nếu còn khởi tưởng niệm tham đắm thân sau, thì không thành Chánh Giác.

Giảng:

“*Khi tôi thành Phật, nước tôi không có tên bất thiện*”. Chúng ta nghĩ xem, thế giới này có quá nhiều việc bất thiện. Còn thế giới Cực Lạc không có những điều bất thiện, cũng không nghe thấy tham, sân, si, mạn, không hề nghe nói những phiền não ấy. Như vậy, chúng ta có thể hiểu được thế giới đó tốt đẹp đến mức độ nào.

“*Chúng sinh sinh vào nước tôi đều nhất tâm trụ vào chánh định*”. Câu nói này thật không thể nghĩ bàn. Thế giới Ta-bà của chúng ta, vì sao tạp loạn đến thế? Đều do tâm tất cả chúng sinh không giống nhau, nghĩ không giống nhau, tưởng không giống nhau, đều quá phức tạp. Người xưa nói: “*Tâm người bất đồng, các duyên sai khác*”. Vì sao con người lại chẳng giống

nhau? Trong lòng tư tưởng, kiến giải đều không giống nhau, thế nên diện mạo chẳng giống nhau.

Tướng mạo mỗi người ở thế giới Cực Lạc đều như nhau. Vì sao? Tâm họ đều niệm Phật A-di-đà. Mỗi người đều niệm Phật thì trong lòng mỗi người đều là Phật, cho nên biến thành thế giới của Phật A-di-đà, lúc vãng sinh về cõi nước đó thì đều là Phật A-di-đà. Việc này rất quang trọng.

“Trụ vào chánh định”. Trong Phật pháp có nói tam tụ, hết thảy chủng loại chúng sinh đều nằm trong ba tụ này:

1 - Chánh định tụ: người y theo phương pháp này tu hành nhất định thành Phật, đây gọi là Định tụ.

2 - Tà tụ: người y theo phương pháp này tu hành, không luận tinh tấn thế nào, nhất định không thành tựu.

3 - Bất định tụ: hiện nay, căn tánh của chúng ta thuộc Bất định tụ, khi gặp Định tụ tu hành theo liền thành tựu, khi gặp phải Tà tụ thì không thể thành tựu.

“Không còn phiền não”. Thế giới Cực Lạc vĩnh viễn không có phiền não, tâm địa đều mát mẻ tự tại. *“Tâm được mát mẻ”*, đối với tất cả pháp không phân biệt, không chấp trước, nên tâm được mát mẻ tự tại. Việc này, chúng ta phải nên học tập. Ở thế gian này, kiếp người rất ngắn, mấy mươi năm chớp mắt đã trôi qua. Chúng ta cùng ở với người, cùng sống với xã hội này, không nên tính toán hơn thua để rồi tự chuốc lấy khổ đau, bồng chốc đã qua đời khác. Cho nên, người thông minh phải tranh thủ niệm Phật làm lành. Thế giới Cực Lạc thường còn, chân thật không biến đổi, phải nguyện sinh về. Đây mới gọi là người thông minh chân chánh, giác ngộ chân chánh.

Ở cõi này, chúng ta như người khách qua đường, gặp nhau cùng ở trọ, vì sao lại tính toán? Ngày mai đều phải lên đường rồi, không nên xem nó là quê hương; quê hương chính là thế giới Cực Lạc. Nơi đây là quán trọ, chỉ ở tạm thôi. Người đối với mình tốt cũng được, không tốt cũng chẳng sao. Nếu được vậy, tâm mình rất tự tại và mát mẻ, trải qua tháng ngày rất vui vẻ, một chút phiền não cũng không có.

“Hưởng thọ an lạc như Tỳ-kheo lậu tận”. Lậu tận Tỳ kheo là A-la-hán, đây là thí dụ, trên thực tế vượt hơn A-la-hán. A-la-hán tuy đoạn sạch phiền não nhưng trí tuệ chưa viên mãn. Người ở thế giới Cực Lạc, không những dứt sạch phiền não mà trí tuệ còn viên mãn. Như thế, bậc A-la-hán chẳng thể so sánh.

“Nếu còn khởi tưởng niệm tham đắm thân sau, thì không thành Chánh giác”. Có một số người nghi ngờ, khi đến thế giới Cực Lạc rồi còn chấp ngã, còn chấp pháp không, còn khởi những suy nghĩ riêng về mình nữa không? Tất cả hoàn toàn không có. Được sự giúp đỡ bảo hộ bởi bản nguyện của Phật A-di-đà, chúng ta sẽ chẳng còn thói chuyền. Nếu như nói còn niệm

tham thì còn chấp trước thân này, còn thói chuyể; nhưng ở cõi đó không còn thói chuyể nữa.

Nguyện 32: Được thân Na-la-diên.

Nguyện 33: Quang minh trí tuệ biện tài.

Nguyện 34: Khéo nói pháp thiết yếu.

Âm: Ngã tác Phật thời, sinh ngã quốc giả, thiện căn vô lượng, giai đắc Kim cang Na-la-diên thân, kiên cố chi lực. Thân đẳng giai hữu, quang minh chiếu diệu, thành tựu nhất thiết trí tuệ, hoạch đắc vô biên biện tài. Thiện đàm chư pháp bí yếu, thuyết kinh hành đạo, ngữ như chung thính. Nhượt bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.

Nghĩa: Khi tôi thành Phật, chúng sinh sinh vào nước tôi, được vô lượng căn lành, thân thể vững chắc như kim cang bất hoại. Thân mình đều có hào quang chiếu sáng, thành tựu hết thảy trí tuệ, biện tài không cùng tận, rộng nói các pháp bí yếu, giảng kinh, hành đạo tiếng như chuông vang. Nếu không được như vậy, thì không thành Chánh Giác.

Giảng:

“Khi tôi thành Phật, chúng sinh sinh vào nước tôi, được vô lượng căn lành, thân thể vững chắc như kim cang bất hoại”. Phần trước nói về nhân là *“thiện căn vô lượng”*. Bởi vì mỗi người đều niệm Phật, tu thiện tích đức, khi đến thế giới Cực Lạc mới là thiện căn vô lượng. Huống chi, bạn đã tích lũy thiện căn lại sợ không đủ, Phật A-di-đà có oai thần sẽ ủng hộ bạn, giúp đỡ khiến cho thiện căn nhỏ bé của bạn trở thành rộng lớn. Còn tu học pháp môn khác, không được sự giúp đỡ của Phật. Khi tu học pháp niệm Phật này, từ thiện căn nhỏ sẽ được thiện căn lớn, thế nên, chẳng lo rằng chính mình không có thiện căn, không có phước đức. Chỉ cần chăm chỉ tu học, đây là nhân, còn quả báo sẽ là thân kim cang bất hoại. Đức Phật đặc biệt đã vì chúng sinh chỉ rõ ra.

“Được thân Kim cang Na-la-diên vững chắc”, đây là lời nguyện *“được thân kiên cố”*. Sách *Đại Tạng Pháp Số*, quyển 41, nói: *“Kim cang là thứ vật báu từ vàng sinh ra, màu như tử anh, đem nung trăm lần cũng chẳng tiêu hủy, cứng nhất, bền nhất, cắt được cả ngọc, rất hiếm trên đời, nên được xem là quý”*. Kim cang còn là tên của vị thần dũng mãnh, tay cầm kim cang xử, gọi là thần Chấp Kim Cang.

Cho nên, Kim cang Na-la-diên biểu thị sự tròn đầy rộng lớn, vững chắc của thân tâm Phật. Vì vậy, đức Phật phát nguyện chúng sinh trong cõi nước Cực Lạc ba nghiệp trang nghiêm, thân cứng chắc như Kim cang, sức mạnh mẽ như Na-la-diên (dịch là thắng lực), đều cùng được thân nghiệp thù thắng.

Trong Mật giáo, Chấp Kim Cang, Kim Cang Thủ, Kim Cang Tát Đỏa v.v..., chỉ là những cách dịch khác nhau, nhưng cùng một tên, đều là hoá thân của

Bồ-tát Phổ Hiền. Bồ-tát Phổ Hiền vốn là căn bản của Mật tông. Khi sinh về thế giới Cực Lạc ắt thành tựu sự tròn đầy rộng lớn trong Mật tông. Chúng ta hiểu đạo lý này, chỉ cần thành thật niệm Phật, đâu cần phải học Mật tông, vì đây chính là pháp bí mật tối cao không gì hơn. Ý nghĩa này thật hay!

“Thân mình đều có hào quang chiếu sáng, thành tựu hết thảy trí tuệ, biện tài không cùng tận”. Đến đây mới có năng lực giáo hoá cứu độ chúng sinh. Trong đó, *“biện tài”* rất cần thiết, vì tất cả chúng sinh nói pháp. Mỗi người lúc sinh về Cực Lạc đều giống Phật, trên thân và đỉnh đầu đều có ánh sáng. Nhưng ánh sáng này so với Phật thì kém yếu hơn. Đây là *“ánh sáng nói pháp vi diệu”*. Trong ánh sáng cũng biểu lộ pháp chính là quang minh, quang minh chính là pháp, không lìa ánh sáng này mà nói pháp. *“Thành tựu tất cả trí tuệ”*. Đây là trí tuệ viên mãn tròn đầy của tất cả trí. Trí tuệ thành tựu, tất nhiên liền được biện tài, sự vô ngại biện tài, cùng với quả vị Như Lai giống nhau. Biện tài của Bồ-tát được là pháp chân thật thiết yếu sâu xa, tất cả pháp thế gian và xuất thế gian hết thảy đều thông đạt, *“rộng nói”* những lời phù hợp, đúng lý, khéo cơ.

“Giảng kinh, hành đạo”. Thuyết kinh là sự giáo hoá bằng lời nói. Hành đạo là sự giáo hoá bằng việc làm nơi thân. Họ chính là những tấm gương để chúng ta noi theo. Ở nghề nghiệp nào thì làm gương mẫu của nghề nghiệp đó. Trong kinh *Hoa Nghiêm*, *Đồng tử Thiện Tài* 53 lần cầu học nơi 53 vị thiện tri thức. Năm mươi ba vị này đều tu hạnh Phổ Hiền. Trong số đó, nam nữ già trẻ, các ngành nghề không giống nhau, nghề nghiệp nào họ cũng thực hành hạnh Bồ-tát. Chúng ta phải ngay đây mà học tập. Cho nên, hành đạo bao gồm ý nghĩa rất rộng, chính là đem từ bi, trí tuệ, sự tu trì của mình ứng dụng ngay trong đời sống thường ngày, ứng dụng ngay trong sự nghiệp của chính mình, đời sống và sự nghiệp của chúng ta chính là rộng độ chúng sinh. Trong bất cứ nghề nghiệp nào cũng đều có Bồ-tát, nơi nào cũng là đạo tràng của Bồ-tát hoá độ chúng sinh, không nhất định ở chùa. Nếu chúng ta cho rằng, chùa là đạo tràng duy nhất của Bồ-tát là sai lầm. Bồ-tát ở trong gia đình, gia đình chính là đạo tràng; Bồ-tát ở trong trường học, trường học chính là đạo tràng. Không nơi nào chẳng phải là đạo tràng của Bồ-tát.

“Tiếng như chuông vang”, ý nói âm thanh của Bồ-tát thuyết pháp tiếng như hồng chung trong trống, thánh thót, hùng hồn, liên tục vang xa, xua tan đêm dài, đánh thức những kẻ đang mê làm khiến họ phát sinh tâm lành, dừng các khổ đau. Âm thanh có công đức như tiếng chuông, trong đó hàm chứa vô biên nghĩa vi diệu.

Nguyện 35: Nhất sinh bổ xứ.

Nguyện 36: Giáo hoá tùy ý.

Âm: Ngã tác Phật thời, sở hữu chúng sinh, sinh ngã quốc giả, cứu cánh tất chí, Nhất sinh bồ xứ. Trừ kỳ bốn nguyện, vị chúng sinh cố, bị hoàng thế khải, giáo hoá nhất thiết hữu tình; giai phát tín tâm, tu Bồ-đề hạnh, hành Phổ Hiền đạo. Tuy sinh tha phương thế giới, vĩnh ly ác thú, hoặc nhạo thính pháp, hoặc hiện thần túc, tùy ý tu tập, vô bất viên mãn. Nhứt bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.

Nghĩa: Khi tôi thành Phật, chúng sinh sinh vào nước tôi, quyết chắc đến bậc Nhất sinh bồ xứ (quả vị Đẳng giác), trừ khi phát nguyện rộng lớn trở lại độ sinh, giáo hoá hữu tình, khuyến phát tín tâm, tu hạnh Bồ-tát, hành nguyện Phổ Hiền. Tuy sinh vào thế giới khác hằng lia đường ác, hoặc thích thuyết pháp, nghe pháp, hay hiện thần túc, tùy ý tu tập thầy đều viên mãn. Nếu không được như vậy, thề không thành Chánh Giác.

Giảng:

Đây là lời nguyện của một đời bồ xứ thành Phật. Lời nguyện này rất cụ thể. Phật vì chúng sinh nói ra điều bảo đảm thành tựu quả vị Phật. Phía trước, Phật đã có lời nguyện: Người sinh về Cực Lạc đều thành bậc Chánh Giác, nhất định chúng được Vô Thượng Bồ-đề. Lời nguyện này nói một đời nhất định chúng được Nhất sinh bồ xứ. Đây là quả vị của Bồ-tát Đẳng giác, đời sau sẽ thành Phật.

Đại chúng nơi thế giới Cực Lạc đều là Bồ-tát, đều là bậc hiểu biết trọn vẹn, tu hành trọn vẹn, so với sự tu học của chúng ta thật không giống nhau. Họ tu rất viên dung “*một tu, tất cả đều tu*”, cho nên đều được Bất thối, vượt qua ngôi thứ. Còn sự tu hành của thế giới phương khác, Bồ-tát đều có ngôi thứ: Thập tín, Thập trụ, Thập hồi hướng, mỗi mỗi đều là quả vị riêng biệt, giống như việc đi học có sai khác, là năm thứ nhất, năm thứ nhì, năm thứ ba, dần dần lên cao.

Thế giới Cực Lạc không như vậy, tu một pháp là tu tất cả các pháp. Ví như người học tiểu học của năm thứ nhất, đã gồm giáo trình của năm thứ hai, giáo trình của Trung học và Đại học, cũng gồm giáo trình của học Tiến sĩ. Vậy thì không luận ở ngôi thứ nào, luôn là hiểu biết trọn vẹn, tu hành trọn vẹn. Cõi ấy vi diệu tốt bậc, cho nên họ chứng được bậc Bồ xứ.

“*Quyết chắc đạt đến*” là khẳng định một chút mê làm đều không còn. Nghĩa là khi sinh về Tây Phương Cực Lạc, chúng ta rất nhanh chóng được thành Phật.

“*Trừ khi phát nguyện rộng lớn trở lại độ sinh, giáo hoá hữu tình, khuyến phát tín tâm, tu hạnh Bồ-tát, hành nguyện Phổ Hiền*”. Câu nói “*Phổ Hiền đạo*”, chúng ta phải hiểu Tây Phương Cực Lạc là pháp giới của Bồ-tát Phổ Hiền, bao gồm những người vãng sinh đều tu hạnh Phổ Hiền.

Các vị Bồ-tát đều có bốn nguyện sai khác. Có những vị hy vọng mau chóng thành Phật, sau khi thành Phật rộng độ chúng sinh. Có những vị thấy chúng

sinh quá khổ, nên không chịu thành Phật, muốn cứu độ chúng sinh trước. Nguyên này rất quý, nhưng nên biết rằng, muốn cứu độ chúng sinh phải có bản lãnh, không có bản lãnh thì chỉ là lời nguyện suông. Cũng như muốn cứu người sắp chết đuối, chính mình lại chẳng biết bơi. Khi muốn cứu người sắp chết chìm, trước mình phải học bơi cho giỏi, sau đó mới cứu giúp mọi người.

Hiện tại có rất nhiều người phát tâm, tôi rất bội phục, nhưng phiền não chưa đoạn thì vẫn còn sinh tử luân hồi. Họ không nguyện vãng sinh, chỉ nguyện đời sau tiếp tục làm pháp sư giảng kinh nói pháp. Thế nhưng, khi chuyển sinh có thân sau thì việc đời trước đều quên hết. Họ có nhiệt tâm, nhưng trí tuệ chưa đủ. Chúng ta phải nhất định sinh về thế giới Cực Lạc, như vậy mới tuyệt đối chính xác.

Có người hỏi: Khi sinh về Cực Lạc, đến bao lâu mới rời khỏi cõi đó để cứu độ chúng sinh? Bồ-nhệ của Phật A-di-đà và các kinh Tịnh độ, đều không nói hạn định phải ở thế giới Tây Phương Cực Lạc là bao lâu. Như vậy thật dễ dàng, khi đến Tây Phương, chúng ta gặp Phật, cúi đầu ba lần: “*A-di-đà Phật! Con muốn được đi cứu độ chúng sinh?*”, Phật nhất định đồng ý. Chúng ta có nguyện độ chúng sinh, Phật sẽ giúp đỡ, khi chúng ta đến thế giới Ta-bà, không còn bị thôi chuyển mê hoặc. Người như vậy mới sáng suốt. Đây là phương pháp chính xác. So với người luân hồi chuyển thế, thời gian ngắn hơn, vừa gặp Phật A-di-đà liền có thể trở lại. Người có tâm nguyện trước độ chúng sinh, sau thành Phật đạo. Nhưng nên nhớ chúng ta phải có bản lãnh, Phật A-di-đà sẽ ủng hộ giúp đỡ.

“*Giáo hoá tất cả hữu tình, đều phát tín tâm*”. Việc giáo hoá tùy ý, phải chân thật có hiệu quả. Làm thế nào đạt được hiệu quả trong việc giáo hoá? Nhất định phải biết rõ chúng sinh này đối với Phật A-di-đà và cõi Tịnh độ có lòng tin sâu sắc, tha thiết phát nguyện, chân thật niệm Phật tu hành. Bồ-tát giảng kinh nói pháp giới thiệu, đây là Bồ-tát chính mình phát nguyện hoằng dương, sẽ được Phật A-di-đà trợ giúp, người nghe cũng được sự ủng hộ của Phật. Nếu Phật không trợ giúp, chúng ta nghe kinh sao có thể sinh tâm hoan hỷ? Nếu khi nghe pháp môn này, trong lòng thấy rất vui mừng. Không phải tôi giảng hay, việc này chẳng liên quan đến tôi, đều do oai thần bồ-nhệ của Phật A-di-đà đang trợ giúp bạn cho nên nghe rất thông suốt, so với tôi giảng càng tường tận hơn. Từ đó, những người nghe đều phát tâm niệm Phật, thực hành đạo Phổ Hiền, huân tu mười nguyện lớn của Bồ-tát Phổ Hiền. Đây là việc tu hành đạt đến đỉnh cao nhất.

“*Tuy sinh vào thế giới khác, hằng lia đường ác*”. Không luận bạn đến nơi nào thuyết pháp, hoàn cảnh thế giới có xấu hơn cũng không bị đọa lạc. Đây đều là Phật gia hộ cho bạn, thường chăm sóc bạn, không thể để bạn đọa lạc.

“Hoặc thích thuyết pháp, nghe pháp hay hiện thân túc”. Ở đây nêu ra mấy ví dụ, hoặc thích giảng kinh nói pháp, họ đều là Bồ-tát ở Cực Lạc thị ở hiện trở lại, hoặc thích nghe pháp, họ cũng là Bồ-tát, vì đại chúng làm người cô vũ. Những người này trong xã hội nhất định có thân phận, có địa vị đạo đức, được mọi người kính trọng. Mỗi khi pháp sư nói pháp, họ đều đến nghe, để người khác xem thấy vị thầy này giảng không tệ.

Lúc tôi đến Đài Nam học Phật, hay ở ngoài giảng kinh. Lão Cư sĩ Châu Quang Dẫn (là thầy giáo tại gia của tôi, lúc tôi học ở Quế châu, ông làm hiệu trưởng) mỗi ngày đều đến nghe, hơn nữa còn ngồi ở hàng đầu. Mỗi lần nghe, ông còn ghi chép lại cẩn thận, chúng tôi nhìn thấy rất cung kính. Còn thầy Lý, tôi thường đem ông ra làm tấm gương. Bạn xem thầy tôi có học vấn đạo đức, làm không ít sự nghiệp, tuổi tác đã lớn, nghe kinh còn chăm chú như vậy. Không luận người nào giảng kinh, người sơ học giảng, ông cũng cẩn thận ghi chép lại. Hơn 90 tuổi ông mới vãng sinh.

“Hoặc hiện thân túc”, là thị hiện thân thông, biến hiện tự tại, nhưng thầy đều vì tiếp dẫn tất cả chúng sinh tin sâu Tịnh độ, phát nguyện cầu vãng sinh. Nếu như hiện thân thông mà dạy người đừng niệm Phật là ma thị hiện. Còn Bồ-tát từ Cực Lạc đến thị hiện nhất định khuyên bạn niệm Phật A-di-đà, đối với pháp môn Tịnh độ tin sâu không nghi, phát nguyện cầu vãng sinh là đúng. Việc này tương ứng với kinh dạy. Người này chính là Bồ-tát ở Tây Phương tái sinh.

“Tùy ý tu tập, thầy đều viên mãn”. Tùy ý tu học đều vì độ chúng sinh, thành tựu chúng sinh, tiếp nhận lời chỉ dạy của Phật A-di-đà và tất cả chư Phật, đều vui thích niệm Phật cầu sinh Tịnh độ.

Nguyện 37: Y thực tự đến.

Nguyện 38: Tùy niệm cúng dường.

Âm: Ngã tác Phật thời, sinh ngã quốc giả, sở tu ẩm thực, y phục, chủng chủng cúng cụ, tùy ý tức chí, vô bất mãn nguyện. Thập phương chư Phật, ứng niệm thọ kỳ cúng dường. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.

Nghĩa: Khi tôi thành Phật, chúng sinh sinh vào nước tôi, nếu muốn ăn uống, y phục hay các đồ cần dùng, nghĩ đến liền có, không điều gì chẳng được như ý. Nếu khởi niệm cúng dường chư Phật mười phương, liền được mãn nguyện. Nếu không được như vậy, thì không thành Chánh Giác.

Giảng:

“Khi tôi thành Phật, chúng sinh sinh vào nước tôi, nếu muốn ăn uống, y phục hay các đồ cần dùng, nghĩ đến liền có, không điều gì chẳng được như ý”. Lời nguyện này, đối với chúng sinh trong mười phương thế giới, quan hệ

rất lớn. Chúng sinh trong sáu cõi, cõi trời tốt hơn một chút, vì phước báo lớn không còn lo lắng đời sống vật chất. Thế nhưng, từ cõi người trở xuống, đời sống đều tương đối khó khăn, cuộc sống mưu sinh không dễ dàng. Cho nên, người xưa thường nói: “*Pháp luân dị chuyển, thực luân tiên*”, nghĩa là trước hết phải ăn no mặc ấm, rồi mới có thể học Phật. Nếu như ba bữa chẳng no lòng, còn tâm đầu mà học Phật. Như vậy có thể nhận thấy, cuộc sống này mang nhiều gánh nặng, cho nên đức Phật Thích-ca đã vì chúng sinh giới thiệu đời sống vật chất ở Tây Phương tùy ý hiện ra, không cần phải lo lắng, không cần phải kinh doanh; quần áo, thức ăn, tự nhiên hoá hiện.

Người mới đến Tây Phương Cực Lạc, thói quen ăn uống vẫn chưa hết, lúc khởi ý niệm muốn ăn thì thức ăn liền bày ra trước mặt, không cần phải chế biến mà cũng đủ trăm món, giống như bậc Đế vương lúc ăn có đủ trăm món, dù ăn hay không ăn cũng vậy. Lúc thức ăn hiện ra, họ lại khởi nghĩ mình hiện tại chẳng còn phạm phu, việc ăn uống không cần thiết nữa, ngay đó thức ăn liền biến mất, không tốn công thu dọn chén bát.

Từ đó biết được, thế giới Cực Lạc rất tốt đẹp. Tùy theo ý niệm mà hoá hiện, thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Cung điện để ở sạch sẽ, bóng láng không một hạt bụi, ngăn nắp gọn gàng, một chút tạp vật cũng không có. Khi có khách đến thăm, những chỗ ngồi lập tức hiện ra, khách ra về thì biến mất rỗng không, chẳng cần dọn dẹp, sửa sang, tùy tâm mình muốn mọi thứ đều biến hiện. Ở Tây Phương, mỗi người đều có khả năng này, đều có thần thông này, đây đều do bốn nguyện của Phật A-di-đà giúp đỡ.

“*Nếu khởi niệm cúng dường chư Phật mười phương, liền được mãn nguyện. Nếu không được như vậy, thế không thành Chánh Giác*”. Việc cúng Phật đối với người ở Cực Lạc rất quan trọng. Hằng ngày, họ không cần làm việc, đời sống rất tự tại, vàng bạc cũng như mọi thứ muốn bao nhiêu có bấy nhiêu, tùy ý hiện ra không cùng tận, đời sống vật chất rất phong phú. Bởi vì họ có thể tùy theo ý niệm mà hiện ra. Trong tâm muốn cúng dường vật gì, cho đức Phật nào thì Phật cảm ứng đạo giao liền tiếp nhận sự cúng dường ấy (điều này ở thế giới phương khác không có).

Cúng Phật là việc tu phước rộng lớn. Cúng Phật nhất định sẽ được nghe pháp, nghe pháp sẽ thành tựu trí tuệ lớn. Ngay đây, chúng ta biết rõ, đời sống sinh hoạt của người ở Tây phương tự tại biết bao, mỗi ngày đều cúng dường Phật. Bồ-tát thì đi hoá độ những chúng sinh có duyên. Phạm vi hoạt động là tận hư không pháp giới, không riêng ở thế giới Cực Lạc. Khi muốn đến thế giới nào, khởi niệm liền đến, huông chi người ở cõi đó, ai nấy đều có thần túc thông. Thần túc thông là có thể phân thân, hoá thân giống như Phật, hoá thân ngàn trăm ức tức là thân hoá hiện tùy theo tâm chúng sinh. Hai câu này là tùy loại hoá thân, chúng sinh muốn hình thể như thế nào, họ hiện ra hình thể như thế đó, được đại tự tại.

Nguyện 39: Trang nghiêm vô tận.

Âm: Ngã tác Phật thời, quốc trung vạn vật, nghiêm tịnh, quang lệ, hình sắc thù đặc, cùng vi cực diệu, vô năng xứng lượng. Kỳ chư chúng sinh, tuy cụ Thiên nhân, hữu năng biện kỳ hình sắc, quang tướng, danh số, cập tông tuyên thuyết giả, bất thủ Chánh Giác.

Nghĩa: Khi tôi thành Phật, vạn vật trong cõi nước tôi đều trang nghiêm, thanh tịnh sáng chói, hình sắc vi diệu thù thắng không thể tả xiết, dù có Thiên nhân cũng chẳng thể diễn tả hết vẻ đẹp về hình sắc, hình tướng lộng lẫy và số lượng chúng sinh ở đó v.v... Nếu không được như vậy, thì không thành Chánh Giác.

Giảng:

“Khi tôi thành Phật, vạn vật trong cõi nước tôi đều trang nghiêm, thanh tịnh sáng chói, hình sắc vi diệu thù thắng không thể tả xiết”. Đoạn này nói về tình hình, hoàn cảnh ở thế giới Cực Lạc. Đức Phật chỉ giới thiệu sơ lược vài việc, từ đó chúng ta có thể biết được hoàn cảnh nơi cõi nước đó tốt đẹp như thế nào.

Nói chung, vạn vật trong cõi đều trang nghiêm thanh tịnh, bởi vì thể chất đều là trân bảo tạo thành. Diện tích ở Tây Phương so với địa cầu này, rộng lớn chẳng biết bao nhiêu lần, chẳng thể tính đếm được. Đất ở cõi này đều là cát đá, không trong sạch; đất ở Cực Lạc bằng lưu ly. Lưu ly là thứ gì? Người đời thường gọi là ngọc bích hay phi thúy. Loại này rất quý hiếm, nếu có 1 ít để làm thành miếng ngọc xỏ dây đeo trên người, dùng làm trang sức rất đẹp. Nhưng phi thúy, pha lê trong suốt đó lại là đất đai ở Tây Phương Cực Lạc. Cho nên, từ trên mặt đất có thể thấy dưới lòng đất. Vậy, đất ở cõi đó còn tốt hơn cả phi thúy ở cõi này, vì phi thúy ở đây còn có tạp chất, không hoàn toàn trong suốt. Trong kinh còn nói, vàng ròng làm đất, làm đường đi. Ở trên đất phi thúy lại đắp đường toàn bằng vàng ròng. Vàng ròng dùng để đắp đường. Chúng ta ở đây lại đeo trên mình cho là quý, người thế giới Tây Phương nhìn chúng ta thật không chịu nổi!

“Quang lệ” là sáng chói xinh đẹp. Đó là quang minh hoa lệ. Hình sắc rất lạ thường, không phải thế gian có được. *“Vi diệu thù thắng”*, vì tất cả vạn vật đều từ tánh chân như biến hiện ra. Chúng loại số lượng quá nhiều *“không thể tả xiết”* chẳng thể nói được.

“Dù có Thiên nhân cũng chẳng thể diễn tả hết vẻ đẹp về hình sắc, hình tướng lộng lẫy và số lượng chúng sinh ở đó v.v... Nếu không được như vậy thì không thành Chánh Giác”. Đây là nói rõ Bồ-tát ở Tây Phương Cực Lạc, rất nhiều, đều được oai thần của Phật A-di-đà giúp đỡ, nhưng chính các vị Bồ-tát này cũng chẳng thể biết được số lượng chúng sinh ở cõi nước đó. Chỉ

có Phật với Phật mới rõ biết, còn từ Bồ-tát Đẳng giác trở xuống đều chẳng thể biết được

Trên đây đã nói chung về hoàn cảnh vật chất xinh đẹp thù thắng của thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Nguyện 40: Có vô lượng cây sắc báu.

Nguyện 41: Cây hiện các cõi Phật.

Âm: Ngã tác Phật thời, quốc trung vô lượng sắc thụ, cao hoặc bá thiên do-tuần. Đạo tràng thụ cao, tứ bá vạn lý. Chư Bồ-tát trung, tuy hữu thiện căn liệt giả, diệc năng liễu tri; dục kiến chư Phật, tịnh Quốc trang nghiêm, tất ư bảo thọ gian kiến, do như minh kính, đồ kỳ diện tượng. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.

Nghĩa: Khi tôi thành Phật, vô lượng cây cảnh trong cõi nước có vô lượng màu sắc, cao trăm ngàn do-tuần. Cây làm đạo tràng cao bốn trăm vạn dặm. Trong các Bồ-tát, dù kẻ căn lành thấp kém cũng có thể biết rõ. Nếu muốn thấy các cõi thanh tịnh trang nghiêm của chư Phật, tuy ở nơi cây báu cũng được thấy rõ vạn tượng như xem trong gương. Nếu không được như vậy, thì không thành Chánh Giác.

Giảng:

“*Khi tôi thành Phật, vô lượng cây cảnh trong cõi nước có vô lượng màu sắc*”. Ở trong tất cả hình tướng vật chất, Phật lấy thí dụ về cây cối. Trong trí tưởng tượng của chúng ta thì hoa cỏ cây cối là thứ rất ưa thích nên Phật mới nêu ra thí dụ này. Ở cõi Cực Lạc, cây có vô lượng màu sắc rực rỡ, vì đều do bảy báu hợp thành, mọc thành hàng ngay thẳng, thân cây ngang nhau. Chiều cao của cây là trăm ngàn do-tuần. Do tuần là đơn vị đo chiều dài của Ấn Độ thuở xưa. Trong do tuần có đại, trung, tiểu. Đại do-tuần bằng 80 dặm của Trung Quốc, trung do-tuần bằng 60 dặm, tiểu do-tuần bằng 40 dặm. Dặm theo thời xưa, so với ngày nay ngắn hơn.

Đại sư Hoảng Nhất phân luật học làm 31 loại, trong đó có một thiên Châu Xích Khảo. Ngài có khảo sát, khảo chứng về thước đo của thời nhà Châu. Một thước vào thời đó so với thước hiện tại của chúng ta chỉ có sáu tấc. Cho nên trong kinh nói người thuở xưa thân cao 2 thước, chúng ta hiểu rõ việc này thì không thấy kỳ lạ. Chiều cao thân cây ở Cực Lạc rất cao, nếu đem số trăm ngàn do-tuần để tính thì đọt cây cao tới mặt trăng. Tại sao cây cao đến như vậy? Vì người ở nước đó, thân cũng rất cao lớn. Thân của chúng ta ở thế giới này so với thân người ở Tây Phương Cực Lạc chỉ bằng 1 con kiến. Bởi vì chúng ta quá ít phước báo, nên thân hình nhỏ bé.

Trong bài ca ngợi Phật A-di-đà nói: “*Non năm toà xoay chuyển bạch hào. Nước bốn biển trong ngần mắt biếc*”. Thân tướng Phật cao lớn như vậy, mỗi người ở Cực Lạc cũng đều có thân giống như Phật. Vì thế phải nên hiểu,

chiều cao của cây cối ở Tây Phương đều phải tương xứng với thân người ở cõi nước đó.

“*Cây làm đạo tràng cao bốn trăm vạn dặm*”. Phần nói về thành tựu sở nguyện của Kinh Vô Lượng Thọ nói: “*Lại do thấy được cây ấy nên tự nhiên đạt được ba thứ nhãn, một là Âm hưởng nhãn, hai là Nhu thuận nhãn, ba là Vô sinh pháp nhãn*”. Cây Bồ-đề ấy có thể làm cho người trông thấy tự nhiên ngộ đạo, chứng nhập Vô sinh pháp nhãn. Công đức cây ấy thật hiếm có tột bậc, vi diệu khó nghĩ tưởng. Vì vậy, cây ấy chính là do tâm trang nghiêm sâu xa của bốn nguyện Phật A-di-đà hoá hiện ra.

Đạo tràng là nơi Phật nói pháp, giảng kinh, nơi ấy rất nhiều, mỗi nơi đều có hoá thân Phật. Vậy ở đây phải hiểu là nơi báo thân Phật nói pháp. Thế nhưng, ở Tây Phương, Pháp thân, Báo thân, Hoá thân đều hợp lại, cho đến bốn độ cũng hợp với nhau. Do vậy, Phật nói pháp ở mọi nơi, chỗ nào cũng có thể thấy được.

“*Nếu muốn thấy các cõi thanh tịnh trang nghiêm của chư Phật, tuy ở nơi cây báu cũng được thấy rõ vạn tượng như xem trong gương*”. Việc này rất hy hữu, khi đến Cực Lạc, chúng ta nhớ nghĩ về thế giới Ta-bà, muốn biết tình hình nơi đó như thế nào, thì lập tức cảnh tượng Ta-bà hiện ra nơi các hàng cây giống như xem truyền hình, xem thấy rất rõ ràng không thiếu sót, chẳng cần dùng thiên nhãn. Thật thù thắng biết bao! Muốn xem cõi nước nào thì tướng trạng cõi đó hiển hiện.

Nguyện 42: Chiếu suốt mười phương.

Âm: Ngã tác Phật thời, sở cư Phật sát, quảng bác nghiêm tịnh, quang oánh như kính, khả tư nghi, chư Phật thể giới. Chúng sinh đồ giả, sinh hy hữu tâm. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác

Nghĩa: Khi tôi thành Phật, cõi nước rộng rãi nghiêm tịnh. Sáng chói như gương, chiếu khắp vô lượng vô số bất khả tư nghi thể giới chư Phật khắp mười phương, chúng sinh thấy rồi sinh tâm hy hữu. Nếu không được như vậy, thì không thành Chánh Giác.

Giảng:

“*Cõi nước rộng rãi nghiêm tịnh, sáng chói như gương*”, bởi vì thế giới Cực Lạc đều từ các chất báu hợp thành, trong sạch không nhiễm bụi trần, đều phóng ánh sáng, cho nên thế giới này cũng gọi là thế giới ánh sáng. Ở thế giới Cực Lạc, ánh sáng của Phật không những chiếu khắp cõi nước đó mà còn phóng ánh sáng chiếu khắp tất cả mười phương cõi nước Phật.

“*Chúng sinh thấy rồi sinh tâm hy hữu*”. Nếu chúng sinh hoặc dùng thiên nhãn nhìn thấy, hoặc trong định nhìn thấy, hoặc do nhân duyên cảm ứng đặc biệt nhìn thấy ánh sáng của Phật, cảnh trí cõi Cực Lạc, nhất định sinh khởi tâm hy hữu ngưỡng mộ.

Nguyện 43: Hương báu xông khắp.

Âm: Ngã tác Phật thời, hạ tùng địa tế, thượng chí hư không, cung điện lâu quán, trì lưu hoa thụ, quốc độ sở hữu, nhất thiết vạn vật, giai dĩ vô lượng, bảo hương hiệp thành. Kỳ hương phổ huân, thập phương thế giới. Chúng sinh văn giả, giai tu Phật hạnh. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.

Nghĩa: Khi tôi thành Phật, cùng tốt dưới đất, trên đến hư không, tất cả vạn vật, cung điện lâu các, ao nước, hoa cây v.v... trong nước đều do vô lượng bảo hương hiệp thành, hương thơm xông khắp mười phương thế giới, chúng sinh nghe được đều tu hạnh Phật, nếu không được như vậy, thì không thành Chánh Giác.

Giảng:

“*Khi tôi thành Phật, cùng tốt dưới đất, trên đến hư không, tất cả vạn vật, cung điện lâu các*”. Chỗ này nói rõ chính là cung điện. Đức Phật nói kinh này đã ba ngàn năm trước tại Ấn Độ, thời đó cung điện có kiểu dáng khác với Trung Quốc, hoàn toàn chẳng giống nhau. Nghe nói cung điện liền nghĩ đến hình dáng mái cong là sai rồi. Cho nên phải hiểu, “*cung*” là nhà ở của tu nhân; “*điện*” là nơi giảng kinh nói pháp, nơi để làm việc cộng đồng.

Vậy thì chúng sinh khắp mười phương sinh đến Tây Phương Cực Lạc, chỗ họ ở muốn kiểu dáng thế nào liền hiện ra kiểu dáng đó, tuyệt nhiên chẳng phải tương đồng, vì ý thích mọi người chẳng giống nhau. Việc này mọi người nhất định phải hiểu. Nhà từ hai tầng trở lên gọi là lâu các.

“*Hương thơm*”, là nói trong ao thất bảo, “*hoa cây v.v... trong nước đều do vô lượng bảo hương hiệp thành*”. Thực tế mà nói, đây là bảo hương. Trong chân như bản tánh, bảo hương vốn đầy đủ, chẳng phải từ bên ngoài đến, tất cả vạn vật đều phát mùi hương. Loại hương này đã xông khắp mười phương. Người được định, được thần thông, có thể ngửi thấy. Người không có định, không có thần thông, nhưng có nhân duyên đặc biệt cũng có thể ngửi được.

Tôi nghĩ, ngay trong những người cùng tu, khi đang niệm Phật hoặc đang tịnh tọa, khi có cảm ứng sẽ ngửi được mùi hương kỳ lạ. Mùi hương này chẳng có ở nhân gian, từ trước đến giờ chưa từng ngửi qua. Riêng tôi đã có kinh nghiệm này. Tôi còn nghe nói có mấy người tu, ban đêm ra vườn hóng mát, thảo luận Phật pháp, chợt có làn hương rất nồng, rất lâu, khoảng ba bốn phút bay đến, đây là mùi hương rất lạ, mọi người chưa hề ngửi qua. Về sau, họ đến hỏi tôi, chẳng phải một người mà 5, 6 người đều ngửi thấy. Do đó, biết được việc này chẳng phải giả dối, do nhân duyên đặc biệt, nhờ Phật lực giúp đỡ làm tăng trưởng lòng tin của bạn.

Thực tại, hương đức trùm khắp pháp giới. “*Chúng sinh nghĩ được đều tu hành Phật*”. Có được cảm ứng này, lòng tin sẽ tăng trưởng, tâm nguyện thêm lớn. Đây không phải giả dối, người ấy tự mình sẽ có kinh nghiệm này.

Tóm lại, hai nguyện trên là “*Hương quang trang nghiêm*”. Phật đem ánh sáng và mùi hương thâm nhận khắp cả chúng sinh mười pháp giới. Đem hoàn cảnh sinh hoạt ở Tây Phương Cực Lạc vì chúng sinh mà giới thiệu.

Đoạn tiếp theo, Phật A-di-đà lại rất từ bi, Ngài đặc biệt vì Bồ-tát phương khác mà phát ra. Bồ-tát phương khác nghe được danh hiệu của Phật A-di-đà, trong lòng rất hoan hỷ, rất cung kính. Tuy những Bồ-tát đó không phát nguyện sinh về Tây Phương, nhưng đức Phật A-di-đà cũng trợ giúp họ. Tại sao? Vì Bồ-tát này tuyên dương Tịnh độ, khuyến mọi người vãng sinh.

Nguyện 44: Phổ đẳng Tam-muội.

Nguyện 45: Trong định cúng Phật.

Âm: Ngã tác Phật thời, thập phương Phật sát, chư Bồ-tát chúng, văn ngã danh dĩ, giai tất dĩ đắc, thanh tịnh, giải thoát, Phổ đẳng Tam-muội, chư thâm tổng trì; trụ Tam-ma-địa, chí ư thành Phật. Định trung thường cúng, vô lượng vô biên, nhất thiết chư Phật, bất thất định ý. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.

Nghĩa: Khi tôi thành Phật, các bậc Bồ-tát trong mười phương cõi Phật, nghe danh tôi rồi đều được thanh tịnh giải thoát, Phổ đẳng Tam-muội, các môn Tổng trì, vào Tam-ma-địa cho đến thành Phật. Tuy ở trong định, thường cúng dường vô lượng vô biên chư Phật vẫn không mất định ý (tâm chánh định). Nếu không được như vậy, thì không thành Chánh Giác.

Giảng:

Lời nguyện này, trình bày lợi ích của chư Bồ-tát mười phương khi nghe danh hiệu Phật A-di-đà. Tâm từ bi của Phật vô cùng rộng lớn, không bến bờ, ba căn cơ thượng trung hạ đều được vãng sinh, cõi nước thanh tịnh của Phật A-di-đà hoàn toàn không giới hạn, cho nên chúng ta nhất định phải niệm Phật, phải tụng kinh *Vô Lượng Thọ*, kinh *A-di-đà*.

Trong kinh nói: Người tu học Đại thừa, chẳng luận pháp môn nào, chỉ cần đầy đủ tín - nguyện, chí tâm hồi hướng cầu sinh Tịnh độ, như thế, tất cả đều được vãng sinh. Cho nên, dù người tụng kinh gì, trì chú gì, hoặc niệm danh hiệu Phật, Bồ-tát nào, chỉ cần chính mình phát nguyện cầu sinh Tịnh độ thì đều được sinh về. Pháp môn niệm Phật thật rộng lớn vô lượng vô biên.

“*Khi tôi thành Phật, các bậc Bồ-tát trong mười phương cõi Phật, nghe danh tôi rồi đều được thanh tịnh giải thoát, Phổ đẳng Tam-muội, các môn Tổng trì*”. Đoạn văn này nói về hàng Bồ-tát trong cõi Phật khắp mười phương, chẳng phải là những chúng sinh thông thường. Chư Bồ-tát này cũng phải có

đầy đủ thiện căn, phước đức, nhân duyên, mới có thể nghe được sáu chữ hồng danh này.

Trong kinh đã nói rất nhiều lần, công đức nghe danh hiệu Phật chẳng thể nghĩ bàn. Từ đó chư Bồ-tát mới có thể nghe và tiếp nhận kinh *Vô Lượng Thọ*. Nếu Bồ-tát chưa có tâm phát nguyện vãng sinh, thì phải ở trong vô lượng thế giới rộng độ chúng sinh. Các Ngài dùng phương pháp gì để cứu độ? Chính là khuyên mọi người niệm Phật cầu sinh Tịnh độ, do đó nên được oai thần bốn nguyện của Phật A-di-đà trợ giúp. Bốn nguyện này là lời nguyện sau cùng của Phật. Đức Phật A-di-đà phải trợ giúp những Bồ-tát này, khiến cho các Ngài ở trong mọi hoàn cảnh vật chất và nhân sự cõi nước đều giữ được thân tâm thanh tịnh, không hề bị hoàn cảnh bên ngoài làm ô nhiễm. Đây là Phật A-di-đà bảo hộ, bởi vì Bồ-tát vẫn là chúng sinh hữu tình, nhất định không khởi vọng tưởng chấp trước, tham sân si, được giải thoát tự tại.

“*Phổ đẳng*” là phổ biến bình đẳng. Tâm của các vị Bồ-tát cùng với tâm Phật giống nhau. “*Tam-muội*” là niệm Phật Tam-muội vô cùng thù thắng. Các Bồ-tát khác không biết, những Bồ-tát này đều biết rõ. Việc này phải nhận thức thấu đáo. Vậy pháp môn này, tất cả chư Phật phổ biến hoằng dương, vì sao lại có những Bồ-tát không biết đến? Thật ra, những Bồ-tát không biết pháp môn này rất nhiều. Cũng như nơi thế giới này, chúng ta đọc sách hoằng dương phổ biến Tịnh tông, làm cho rất nhiều người, kể cả người không niệm Phật, các tôn giáo bạn như Thiên chúa giáo cũng đều biết đến Phật A-di-đà. Tuy có biết nhưng họ không tin tưởng, chẳng có tâm nguyện thì biết cũng như không biết. Cho nên, rất nhiều Bồ-tát cũng giống với tình huống này, gọi là chẳng nghe chẳng thấy. Ý nghĩa này là mắt nhìn mà chẳng thấy, tai nghe nhưng chẳng nghe, vì không có tín - nguyện.

“*Các môn tổng trì*”. Tổng trì tiếng Phạn gọi là Đà-la-ni. “*Tổng*” tất cả các pháp, “*trì*” tất cả các ý, cũng như cương lĩnh mà hiện tại hay nói đến. Nghĩa là cương lĩnh của tất cả Phật pháp. Trong hành môn nói, điều thiện tuyệt đối chẳng thể mất. Chúng ta biết được tu thiện, phải có hạnh thiện, phải có nguyện thiện, và còn phải có cơ hội để thực hành. Nếu không có cơ hội, dù muôn tu thiện cũng chẳng thành tựu. Mỗi một cơ hội, Bồ-tát đều có thể nắm lấy, không để mất đi. Điều này rất khó! Việc ác, lời nói ác, ý nghĩ ác, chẳng để phát sinh. Trong hành môn, đây là cương lĩnh vô cùng quan trọng.

“*Vào Tam-ma-địa*”. Trong kinh *Lăng-nghiêm* có nói đến Tam-ma-địa, đều là tên gọi của Thiền định. Vậy chỗ này ý nói an trú trong định, được thành Chánh Giác. Các vị Bồ-tát này nghe danh hiệu Phật được lợi ích vô cùng thù thắng.

“*Tuy ở trong định, thường cúng dường vô lượng vô biên chư Phật vẫn không mất định ý (tâm chánh định)*”. Loại lợi ích thù thắng này, phần trước chúng ta đã nhận thấy. Có những Bồ-tát nghe danh hiệu Phật A-di-đà, nhưng

không nguyện sinh đến Tây Phương, có được những lợi ích này không? Tất cả đều được lợi ích. Bậc địa thượng Bồ-tát, hoặc là Bồ-tát bất thoái chuyển, những vị từ Thất địa trở lên, không được sự giúp đỡ của Phật, cũng có năng lực này. Thế nhưng, từ Thất địa trở xuống thì không có năng lực như trên, trí tuệ, thần thông, đạo lực đều không rộng lớn đến thế. Nếu được oai thần Phật A-di-đà giúp đỡ, năng lực của Bồ-tát sẽ được nâng cao, giống như bậc Bồ-tát Thất địa, Bát địa, Cửu địa. Họ có thể ở trong một niệm cúng dường rộng khắp mười phương vô lượng vô biên chư Phật. Vậy thì, cùng với người sinh về Tây Phương không hề khác nhau, lợi ích này tương đồng. Cho nên, tâm Phật A-di-đà là bình đẳng, tuyệt đối chẳng có phân biệt, thật sự thanh tịnh bình đẳng. Chúng ta phải nên học theo tâm Phật. Học như thế nào?

Ngày nay, trong Phật giáo có rất nhiều tông phái. Ngoài Tịnh tông còn có Thiền tông, Mật tông, Thiên Thai tông v.v... Người theo học tông Thiên Thai cũng không ít, có người lại theo Pháp tướng Duy thức. Chúng ta chẳng nên có thái độ cho rằng Tịnh độ là bậc nhất, các pháp môn khác đều chẳng sánh bằng. Như vậy đã khởi lên phân biệt chấp trước, cống cao ngã mạn, vậy thì không thể tương ưng với Phật A-di-đà. Đối với mọi người, đức Phật đều bình đẳng. Đối với mọi người, chúng ta nhất định cũng phải bình đẳng, chẳng hề gì. Bất luận người ấy tu pháp môn nào, mình nhất định phải vui mừng ca ngợi, không nên tự khen mình chê người. Trong Bồ-tát giới, việc này thuộc giới trọng thứ nhất. Bởi vì tất cả Phật pháp đều do Phật nói. Nếu chúng ta tự ca ngợi pháp tu của chính mình, lại hủy báng pháp tu của người khác thì chính mình hủy báng Phật, Pháp, Tăng.

Thế nên, mọi người phải học giống như Phật, dùng tâm bình đẳng đối đãi. Người đối với pháp môn niệm Phật có thể tin và hiểu, là căn lành đã chín muồi từ vô lượng kiếp. Có người nghe mà không tin, chẳng phát nguyện vãng sinh, lại còn chê bai, do căn lành người này chưa chín muồi, chẳng nên trách họ. Pháp môn này gọi là pháp khó tin, vậy nên tâm mình phải giữ gìn cho thanh tịnh. Đây là trong định có thể cúng Phật, mà không mất tâm chánh định, chính là chẳng bị ngoại cảnh xoay chuyển.

Nguyện 46: Được môn tổng trì (Đà-la-ni).

Nguyện 47: Nghe danh được pháp nhãn.

Nguyện 48: Hiện tại chứng được quá bất thối.

Âm: Ngã tác Phật thời, tha phương thế giới, chư Bồ-tát chúng, văn ngã danh giả, chứng ly sinh pháp, hoạch Đà-la-ni. Thanh tịnh hoan hỷ, đắc bình đẳng trụ, tu Bồ-tát hạnh, cụ túc đức bốn, ứng thời bất hoạch, nhất nhị tam nhãn, u chư Phật pháp, bất năng hiện chứng, Bất thối chuyển giả, bất thủ Chánh Giác.

Nghĩa: Khi tôi thành Phật, các Bồ-tát ở thế giới khác nghe danh hiệu tôi, chứng được Ly sinh pháp, được các môn Đà-la-ni, thanh tịnh hoan hỷ, an trụ trong thế tướng bình đẳng, tu hạnh Bồ-tát, đầy đủ trí đức mà không chứng được ba pháp nhẫn, nơi Phật pháp mà không chứng được bậc Bất thoái chuyển, thế không thành Chánh Giác.

Giảng:

Đoạn trước nói, chúng Bồ-tát trong cõi Phật khắp mười phương, đoạn này nói chúng Bồ-tát ở thế giới phương khác, ý nghĩa tương đồng. Các hàng Bồ-tát này chẳng phải ở thế giới Cực Lạc.

“*Nghe danh hiệu tôi*”. Nghe đã bao gồm tín - giải, hỷ lạc, ưa thích, đối với Phật A-di-đà sinh tâm cung kính, thế nhưng không nguyện vãng sinh. Bồ-tát này có thể đem pháp môn này giáo hoá chúng sinh, nhất định được Phật trợ giúp.

“*Chứng Ly sinh pháp, được các môn Đà-la-ni*”. “*Sinh*” tức là sinh tử. Có hai loại: Phân đoạn sinh tử và Biến dịch sinh tử. Chúng ta là phàm phu đều đầy đủ hai loại sinh tử này.

Phân đoạn là từng giai đoạn, từ lúc sinh cho đến chết là một giai đoạn, sau khi chết rồi đi đầu thai, sinh rồi lại chết. Do đó đức Phật nói, sinh tử mết mỏi, không hề dừng nghỉ, mắt Phật nhìn thấy chúng sinh thật đáng thương xót. Chúng sinh không có cách gì vượt thoát sáu nẻo luân hồi.

Biến dịch là sự biến đổi. Việc này rất nhỏ nhiệm, nhưng vẫn có thể quán sát được. Như nói năm sau già hơn năm trước, đây chính là biến dịch. Thật ra, có phải năm sau già hơn năm trước không? Thật vậy, tháng sau già hơn tháng trước, tuần này già hơn tuần trước, ngày hôm nay già hơn hôm qua. Tôi nghĩ, việc này mọi người đều đồng ý.

Nếu vi tế hơn, giây phút này già hơn giây phút trước. Đây gọi là Biến dịch sinh tử. Như bậc A-la-hán trở lên đều đã vượt qua Phân đoạn sinh tử, chính là câu nói “*liễu sinh tử, siêu thoát luân hồi*”. Tuy Phân đoạn sinh tử không còn, nhưng Biến dịch sinh tử này. Bồ-tát Đẳng giác vẫn còn một phẩm sinh tướng vô minh chưa trừ, vẫn còn một lần Biến dịch cuối cùng.

“*Chứng Ly sinh pháp*” là nói rõ hai loại sinh tử hoàn toàn không còn, đây là cảnh giới Bồ-tát Địa thượng. Phật A-di-đà đã giúp đỡ các Bồ-tát này chứng Ly sinh pháp. Nói dễ hiểu hơn, là vĩnh viễn thoát ly Tam giới. Nói theo chiều sâu, được Phật lực bảo hộ, Bồ-tát này đều vượt thoát hai loại sinh tử này.

“*Được các môn Đà-la-ni*”. Đà-la-ni chính là sáu chữ hồng danh. Bồ-tát ở phương khác nghe danh hiệu Phật, tâm liền an trụ với sáu chữ hồng danh.

Có người hỏi: Bồ-tát niệm Phật, vì sao không cầu vãng sinh?

Mỗi Bồ-tát đều có nguyện lực không giống nhau. Có những Bồ-tát nghe pháp môn Tịnh độ, liền niệm Phật nguyện vãng sinh để mau chóng thành Phật, sau khi thành Phật mới rộng độ chúng sinh.

Lại có những Bồ-tát chỉ mong sức Phật bảo hộ, độ khắp chúng sinh, đến khi chúng sinh thành Phật rồi sau tôi mới thành Phật.

Thế nhưng, nên biết Bồ-tát đích thực phải vượt khỏi ba cõi, có bản lĩnh này mới giúp đỡ chúng sinh. Ngày nay chúng ta đã thọ giới Bồ-tát, học theo nguyện của Bồ-tát Địa Tạng thì không được đâu, vì chúng ta không có bản lĩnh này, phiền não chưa dứt sạch thì phải chịu sinh tử luân hồi. Vậy chúng ta có tâm nguyện rộng độ chúng sinh mà chẳng thực hiện được, chỉ là nguyện suông mà thôi. Do đó, nhất định phải sinh về Tây Phương Cực Lạc, nếu không thì ít nhất phải dứt sạch kiến, tư phiền não mới không bị trói buộc trong sinh tử luân hồi.

Bồ-tát niệm Phật, được sức mạnh của Phật giúp đỡ, Bồ-tát ấy tự tại rộng độ chúng sinh thì chẳng cần nhau gấp vãng sinh. Thế nên lời nguyện này của Phật là nói với những Bồ-tát này. Thực tế, chẳng phải vì chúng ta mà nói, vì mình chưa phải là Bồ-tát. Mọi người không nên hiểu lầm đã thọ giới Bồ-tát thì làm Bồ-tát liền. Đó là Bồ-tát danh tự, Bồ-tát bằng đất mà thôi, chẳng phải thật. Việc này chính mình phải nhận hiểu rõ ràng.

“Thanh tịnh hoan hỷ, an trụ trong thể tướng bình đẳng”. Nghe danh hiệu Phật, sinh khởi lòng tin, hiểu suốt đạo lý, tâm niệm vui thích, an trú ở nơi công đức bình đẳng, an trụ ở nơi pháp môn bình đẳng. Pháp môn bình đẳng chính là danh hiệu Phật và kinh *Vô Lượng Thọ*. Bình đẳng chính là thể tướng của tất cả pháp, vậy tại sao mọi người nơi tâm chưa bình đẳng, vì nguyên nhân gì? Chính vì mọi người có tâm phân biệt, vọng tưởng. Tâm này hư dối, không bình đẳng, nên nhìn thấy cảnh giới bên ngoài cũng chẳng bình đẳng. Chúng ta đem cảnh giới Nhất chân xem thành mười pháp giới. Việc này từ trên cương lĩnh quy nạp mà nói, thật sự pháp giới vô lượng vô biên.

Căn tánh chúng sinh tốt đều có thể tu Bồ-tát hạnh, cũng có thể học Bồ-tát đạo, cũng có thể bình đẳng trụ. Vậy, chúng ta đối với Phật A-di-đà, đối với kinh điển của Tịnh độ tông, đều đã thấy tướng nghe danh. Nhờ Phật giúp đỡ bảo hộ, đều có thể nhận công đức lợi ích thù thắng. Tâm bình đẳng, như thế mới có thể được pháp bình đẳng.

Trong quá trình tu học, câu Phật hiệu này chính là toàn thể pháp giới, đặc biệt ở nguyện thứ 18. Các Đại đức thuở xưa đem tất cả kinh so sánh, cuối cùng mới thể hội được công đức danh hiệu Phật không thể nghĩ bàn. Danh hiệu Phật là tất cả pháp, tất cả pháp đều trở về danh hiệu Phật. Đến chỗ này là bình đẳng chân thật, bao gồm tất cả pháp môn, cuối cùng đều trở về một câu danh hiệu này, thật thù thắng, không gì sánh bằng.

Chỗ dụng công tu, then chốt là chánh niệm liên tục, đến khi công phu thành tựu, niệm mà không niệm, không niệm mà niệm. Đây là được bình đẳng trụ. Việc hành trì như vậy là hạnh chân thật Bồ-tát.

“*Tu Bồ-tát hạnh, đầy đủ trí đức*”. Chỗ này đầy đủ trí đức, đặc biệt chú trọng ở sự lợi ích chúng sinh. Chúng ta dốc lòng dốc sức đem pháp môn này phổ biến. Vì hiện tại mình thấu suốt rõ ràng, chỉ có pháp môn này mới có thể làm cho chúng sinh ngay trong đời này được độ thoát. Đó là hạnh Bồ-tát hạnh.

Trong Thiền tông, Lục Tổ nói đối tượng Ngài độ là bậc thượng căn. Tại sao? Được Sơ thiền trong Sắc giới đã lìa khỏi dục, tức là năm sự ham muốn (tiền tài, sắc đẹp, danh tiếng, ăn uống, ngủ nghỉ) không còn nữa. Chúng ta thử nghĩ, mình còn động tâm đối với năm thứ này không? Nếu còn động tâm, tức nhiên vẫn còn ở Dục giới, không có phần nơi Sơ thiền. Từ đó biết được, chẳng phải việc dễ dàng!

Tôi đã từng giảng kinh *Kim Cang*, *Pháp Bảo Đàn*, *Chứng Đạo Ca* của Thiền sư Vĩnh Gia. Có người hỏi: Sao thầy không tu thiền. Tôi nói thành thật, năm sự ham muốn tôi vẫn chưa dứt hết được. Còn tu Tịnh độ, chưa đoạn dứt năm sự ham muốn này vẫn được vãng sinh. Pháp môn này nhờ sức mạnh của Phật tiếp dẫn, mang nghiệp vãng sinh, chỉ cần chế phục nó là tốt rồi, không cần đoạn.

Từ xưa đến nay, người tu niệm Phật được vãng sinh chẳng thể tính kể. Trong *Tịnh Độ Thánh Hiền Lục*, *Truyện Vãng Sinh*, ghi chép lại đều do nghe được. Còn rất nhiều người vãng sinh nhưng không biết được số lượng là bao nhiêu. Thế mới biết sự thù thắng của pháp môn này. Đại sư Vĩnh Minh nói: “*Muôn người tu, muôn người vãng sinh*”.

“*Ba nhãn*”, đây là nghe danh hiệu Phật được ba pháp nhãn, cũng đều nhờ Phật A-di-đà giúp đỡ. Ba thứ nhãn là: Âm hưởng nhãn, Nhu thuận nhãn, Vô sinh pháp nhãn.

Trong sách *Quán Vô Lượng Thọ Kinh Diệu Tông Sao*, quyển 5, giảng như sau:

- 1 - Âm hưởng nhãn: do âm thanh, tiếng vang mà ngộ giải chân lý.
- 2 - Nhu thuận nhãn: huệ tâm nhu nhuyễn, thuận theo chân lý.
- 3 - Vô sinh pháp nhãn: chứng được thật tánh không sinh không diệt của các pháp. Đây là chỗ cao tột nhất trong việc ngộ đạo.

Kinh *Nhân Vương Bát-nhã* nói có năm thứ nhãn: Phục nhãn, Tín nhãn, Thuận nhãn, Vô sinh pháp nhãn và Tịch diệt nhãn.

Sách *Nhân Vương Tư Ký* nói: “*Sơ địa, Nhị địa, Tam địa, chứng đắc vô lậu tín, gọi là Tín nhãn; Tứ địa, Ngũ địa, Lục địa hướng đến Vô sinh nên gọi là Thuận nhãn; Thất địa, Bát địa, Cửu địa chẳng sinh vọng niệm nên gọi là Vô sinh pháp nhãn; Thập địa, Diệu giác được quả Bồ-đề nên gọi là Tịch diệt nhãn*”.

Phân định ba thứ nhãn trong đại nguyện này là:

1 - Âm hưởng nhãn: gồm Bồ-tát Sơ địa, Nhị địa, Tam địa.

2 - Tùy thuận nhãn: gồm Bồ-tát Tứ địa, Ngũ địa, Lục địa.

3 - Vô sinh pháp nhãn: gồm Bồ-tát Thất địa, Bát địa, Cửu địa

Ý chính của đại nguyện này nói, Bồ-tát chưa đăng địa còn ở bậc Tam Hiền, nhưng được Phật A-di-đà bảo hộ giúp đỡ liền được nâng cao địa vị đến Thượng địa Bồ-tát.

“*Nơi Phật pháp mà không chứng được bậc Bất thối chuyển, thì không thành Chánh Giác*”. Nói rõ các hàng Bồ-tát ở thế giới phương khác hiện tại giống như Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc, chúng được trọn vẹn ba thứ Bất thối. Từ đây có thể hiểu, ba thứ Nhãn chính là bậc Địa thượng Bồ-tát. Việc này chính là Phật A-di-đà đối với công đức lợi ích nghe danh hiệu Phật của chư Bồ-tát mười phương, Ngài đều giúp đỡ.

Chúng tôi đã giảng giải xong **48 đại nguyện của Phật A-di-đà**.

---o0o---

Phần Phụ: Lá Thư Gửi Khấp Của Đại Sư Ấn Quang

(Trích: Ấn Quang Văn Sao của Đại Sư Ấn Quang)

Lời văn tuy quê thật, nhưng nghĩa lý vẫn căn cứ trong kinh. Nếu có ai y theo đây mà làm, sự lợi ích sẽ rộng lớn vô cùng!

Ấn Quang Pháp Sư

1. Pháp môn Tịnh độ trùm khắp cả ba căn, gom thấu hàng lợi độn, là đại Pháp của Đức Như Lai, để mở phương tiện cho tất cả Thánh phàm đều được giải thoát sinh tử, lên ngôi Bất thối ngay trong hiện đời. Với pháp môn nhiệm đặc biệt này mà không tin không tu, thật là đáng thương, đáng tiếc!

Pháp môn Tịnh độ lấy tín - nguyện - hạnh làm tông chỉ.

Tín là ta phải tin cõi Ta-bà có vô lượng sự khổ; tin cõi Cực Lạc có vô lượng điều vui; tin ta là phàm phu đầy nghiệp lực, quyết không thể nương cậy vào sức mình để dứt hoặc chứng thân, thoát sinh tử ngay trong hiện đời; tin Phật A-di-đà có lời thề nguyện rộng lớn, nếu chúng sinh nào niệm danh hiệu Ngài, cầu về nước Ngài, khi mạng chung sẽ được Ngài tiếp dẫn vãng sinh Cực Lạc.

Nguyện là ta nên nguyện mau ra khỏi thế giới này, nguyện sớm sinh về cõi vui kia.

Hạnh là ta phải chí thành, khẩn thiết niệm câu Nam mô A-di-đà Phật, mỗi thời mỗi khắc đừng để tạm quên, tùy hoàn cảnh gấp hoãn lập một khoá trình,

sớm tối lễ bái trì tụng trước bàn Phật. Ngoài thời khoá tụng, những khi đi đứng nằm ngồi và làm những công việc không dụng tâm, đều nên niệm Phật. Lúc ngủ nghỉ phải niệm thầm, không nên ra tiếng và chỉ niệm bốn chữ A-di-đà Phật để dễ nhiếp tâm. Lại, những khi y phục không chỉnh tề, hoặc giặt rửa, tắm gội, đại tiểu tiện, cho đến lúc đi ngang qua chỗ không sạch sẽ, cũng đều phải niệm thầm. Chí tâm niệm thầm, công đức cũng đồng như niệm ra tiếng. Trong những lúc ấy, nếu niệm ra tiếng thì chẳng hợp với nghi thức và có lỗi không cung kính. Không luận niệm lớn tiếng, nhỏ tiếng, niệm Kim Cang hoặc niệm thầm, đều phải trong tâm ghi nhớ rành rẽ rõ ràng. Niệm như thế thì tâm không còn rong ruổi theo cảnh ngoài, vọng tưởng lần dứt, cầu niệm Phật lần thuần, công đức rất lớn.

2. Người niệm Phật phải hiếu dưỡng với cha mẹ, phụng thờ sư trưởng, tâm từ bi không giết hại, tu mười nghiệp lành (thân không sát sinh, trộm cắp, tà dâm; miệng không nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều, nói hung ác; ý không tham dục, giận hờn, ngu si, tà kiến). Lại cần phải: cha lành, con thảo, anh em thương kính, vợ chồng thuận hòa, chủ nhân, tớ trung, mỗi người đều giữ tròn bổn phận. Ta chỉ nên làm hết nhiệm vụ mình, đừng so đo phiên trách người khác đối với mình có trọn cùng không. Nếu người nào đối với gia đình, xã hội làm tròn thiên chức, đó là người lành. Người lành mà niệm Phật thì dễ có cơ cảm, quyết định khi lâm chung được Phật tiếp dẫn sinh về Tây Phương, vì tâm hạnh hợp với Phật. Trái lại, những ai miệng tuy niệm Phật, song lòng không nhiếp đạo, đối với cha mẹ, anh em, vợ chồng, con cái, bạn bè làng xóm không tròn bổn phận thì tâm hạnh trái với Phật, khó được vãng sinh. Tại sao thế? Bởi người ấy tâm không điềm tịnh thuần hòa, tự sinh ra mỗi nào phiền chướng ngại, nên khó được cảm thông với Phật, đó cũng là lẽ tất nhiên.

3. Người niệm Phật nên khuyên thân bằng quyến thuộc và tất cả đồng nhân đều niệm Nam mô A-di-đà Phật và Nam mô Quán Thế Âm Bồ-tát. (Mỗi ngày như niệm Phật 1.000 câu thì niệm Quán Âm 500 câu, niệm Phật 10.000 câu thì niệm Quán Âm 5.000 câu. Niệm nhiều ít so theo đây mà gia giảm). Ta đã tìm được con đường giải thoát yên ổn, lại nỡ nào để cho đáng sinh thành, người quyến thuộc cùng tất cả đồng nhân mất sự lợi ích lớn, chìm trong biển khổ ư? Huống chi giữa cõi đời nhiều hoạn nạn, khó tránh sự hiểm nguy như hiện nay, nếu có thể thường niệm Phật và Quán Âm, tất sẽ được lượng từ bi ủng hộ, gặp dữ hoá lành. Giả sử không tai nạn mà chí tâm trì niệm, cũng sẽ được nghiệp tiêu trí sáng, chướng hết phước nhiều. Hơn nữa, khuyên người niệm Phật cầu sinh Tây Phương, tức là thành tựu kẻ phạm phu làm Phật, công đức rất lớn, đem công đức ấy hồi hướng vãng sinh tất sẽ mãn nguyện.

4. Người niệm Phật khi tụng kinh, trì chú, lễ bái, sám hối, cứu tai nạn, giúp kẻ nghèo, tất cả công đức lành đều phải hồi hướng vãng sinh Tây Phương, không nên cầu hưởng phước báo ở cõi trời, cõi người, trong hiện tại hoặc đời sau. Nếu có tâm niệm ấy thì mất phần vãng sinh và phải bị chìm đắm trong biển luân hồi khổ não. Nên biết, hưởng phước càng nhiều tất gây nghiệp càng lớn, qua một đời sau nữa quyết khó khỏi đọa vào đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Chừng ấy muốn trở lại làm thân người, được nghe pháp hiện đời giải thoát của pháp môn Tịnh độ, còn khó hơn lên trời. Phật dạy chúng sinh niệm Phật cầu về Tây Phương, là vì chúng sinh mà giải quyết vấn đề sinh tử ngay trong hiện kiếp. Nếu chỉ cầu đời sau hưởng phước báo ở cõi nhân thiên, tức là trái với lời Phật dạy, như đem hạt bảo châu vô giá đổi lấy một thẻ đường để ăn, há chẳng đáng tiếc lắm ư? Kẻ tôi tâm niệm Phật không cầu vãng sinh mà cầu hưởng phước báo, cũng như đây không khác.

5. Người niệm Phật không nên tập theo lối tham cứu của nhà tu thiền. Vì kẻ tu thiền hầu hết đều không chú trọng về tín - nguyện vãng sinh. Dù có niệm Phật, họ chỉ chú trọng vào câu: “*Niệm Phật đó là ai?*” đề cầu khai ngộ mà thôi. Ta chỉ nên niệm Phật cầu sinh Tây Phương, khi được thấy đức A-di-đà lo gì không khai ngộ? Nếu ở cõi này tu thiền, như hoặc nghiệp dứt hết thì có thể thoát sinh tử; hay như hoặc nghiệp chưa dứt thì đã không thể cậy vào sức mình để giải thoát, lại vì không tín - nguyện nên không được nương nhờ sức Phật ra khỏi luân hồi. Hai bên tự lực và Phật lực đều không thể nhờ cậy được, người ấy đâu thể nào thoát khỏi trần lao? Nên biết bậc Pháp thân Bồ-tát khi chưa thành Phật đều phải nhờ oai lực của Phật, huống chi ta là phàm phu đầy nghiệp chướng mà ưa luận về sức mình, không cầu sức Phật ư? Lời ấy tuy cao, song xét lại hành vi thật là thấp kém! Sự hơn kém của Phật lực và tự lực khác xa nhau như trời vực, nguyện đồng nhân nên thể nhận nghĩa này!

6. Người niệm Phật không nên bắt chước kẻ ngu tối, làm những việc hoàn thọ sinh, gởi kho. Bởi sự hoàn thọ sinh, trong kinh Phật không có nói, do người sau bày đặt ra. Còn gởi kho là muốn cho mình khi chết rồi thành quý, nên mới sắm trước tiên của, đồ vật cho thân quý dùng. Đã có tâm niệm muốn làm quý thì khó được vãng sinh. Như người nào chưa làm thì thôi, nếu đã làm, phải bạch rõ trước bàn Phật như vậy: “*Đệ tử là... chỉ cầu vãng sinh, những đồ mình khó đã gởi khi trước, xin đem chân tế cho cô hồn*”. Như thế mới mới không chướng ngại cho sự sinh về cõi Phật.

Lại những thứ kinh: *Thọ Sinh, Huyết Bôn, Thái Dương, Thái Âm, Nhân Quang, Táo Vương, Thai Cốt, Phân Châu, Diệu Sa...* đều là kinh giả tạo, không phải kinh của Phật nói, không nên trì tụng. Những kẻ què tối, không chịu tụng kinh Đại thừa (Như các kinh: *A-di-đà, Vô Lượng Thọ, Quán Vô*

Lượng Thọ, Tâm Kinh, Kim Cang, Pháp Hoa, Dược Sư, Lăng-nghiêm, Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm, v.v...) mà chỉ tin các thứ kinh nguy tạo ấy, muốn làm những việc hoàn thọ sinh, phá địa ngục, phá huyết hồ mới yên tâm. Nếu có người hiểu Phật pháp khuyên bảo nói đó là những kinh nguy tạo, họ cũng không nghe lời. Nên biết, làm các Phật sự, chỉ có niệm Phật là công đức rộng lớn, nên đem số tiền hoàn thọ sinh, phá địa ngục, phá huyết hồ ấy, thỉnh các vị Tăng chân chánh niệm Phật cho, thì được lợi ích rất nhiều.

7. Người niệm Phật nên ăn chay trường, như chưa được thế, thì giữ lục trai hoặc thập trai, để dần dần bỏ hẳn các thứ thịt của chúng sinh, mới là hợp lý. Lục trai là các ngày mùng 8, 14, 15, 23, 29, 30; nếu thêm vào đó mấy ngày mùng 1, 18, 24, 28 thì thành ngày thập trai. Những tháng thiếu nên ăn trước một ngày. Lại, tháng giêng, tháng năm, tháng chín, là ba trai nguyệt, nên ăn chay trường và làm các việc công đức. Dù chưa ăn chay được, cũng nên mua thịt cá đã làm sẵn, chớ sát sinh trong nhà. Nếu mỗi ngày sát sinh thì cái nhà ấy đã thành lò sát sinh, là chỗ oan quỷ tụ hội, không được an lành. Cho nên, sát sinh trong nhà là điều rất cấm kỵ.

8. Người niệm Phật nên khuyên cha mẹ niệm Phật cầu sinh Tây Phương. Muốn cho cha mẹ khi lâm chung quyết định được vãng sinh, thì phải dặn trước người quyền thuộc về cách trợ niệm và chớ nên khóc lóc cùng bày vẽ những điều vô ích. Lại, lúc bình thời phải vì cha mẹ giảng rõ sự lợi ích của pháp môn niệm Phật khiến cho song thân thường niệm không quên. Thế thì chẳng những cha mẹ được lợi ích, mà quyền thuộc hiện tại và con cháu đời sau cũng được ảnh hưởng giải thoát an lành. Về phương pháp trợ niệm khi lâm chung, không luận già trẻ, đều phải làm đúng như thế.

9. Người nữ khi sắp sinh thường bị đau khổ không kham, có khi vài ngày sinh không được, hoặc chết vì sản nạn. Có người tuy sinh được nhưng bị huyết băng và nhiều bệnh nguy hiểm. Đứa con sinh ra thì bị các chứng cấp nạn, kinh phong v.v... Cho nên, người nữ lúc sinh sản, nên chí thành khẩn thiết niệm Nam mô Quán Thế Âm Bồ-tát. Khi niệm cần phải to tiếng, không nên niệm thầm, vì niệm thầm do tâm lực kém nên sức cảm ứng cũng kém. Lại trong lúc ấy sản phụ đang dùng sức sinh đứa bé ra, nếu niệm thầm thì nín ép hơi phải mang bệnh. Nếu chí thành, khẩn thiết mà niệm, quyết không có sự đau đớn, khó sinh, huyết băng, đứa con sẽ khỏi bệnh kinh phong, và các chứng nguy hiểm khác. Dù gặp trường hợp khó sinh, có nguy hiểm đến tánh mạng, sản phụ cùng những kẻ hộ sinh cũng phải đồng to tiếng niệm Quán Âm. Người quyền thuộc tuy ở nơi khác, đều phải vì sản phụ niệm giúp. Như thế, không đầy giây phút, sản phụ liền được yên ổn mà sinh. Kẻ ngoại đạo không rõ lý này, chấp nhất một việc cung kính, chẳng biết căn cứ theo sự mà luận lý, khiến cho mấy bà lão niệm Phật xem sinh sản là việc

đáng sợ, cho đến dâu con của mình sinh cũng không dám qua săn sóc, huống chi là niệm Quán Âm? Nên biết, Bồ-tát lấy sự cứu khổ làm lòng, lúc sinh sản, tuy lỏa lồ không sạch, nhưng đó là việc dĩ nhiên, không phải mình tự ý buông lung, nên niệm đã không có tội lỗi, mà lại khiến cho mẹ con sản phụ gieo trồng căn lành. Nghĩa này trong kinh Dược Sư đã có nói, không phải tự tôi đưa ra điều ước kiến. Ấn Quang này chỉ là người đề xướng mà thôi.

10. Người nữ từ mười hai, mười ba tuổi đến bốn mươi tám tuổi, bốn mươi chín tuổi, đều có nguyệt kinh. Có kẻ bảo: trong lúc nguyệt kinh, chẳng nên lễ bái trì tụng. Lời này rất không hợp tình lý. Thời kỳ có kinh, mau thì hai ba ngày, lâu đến sáu bảy ngày mới dứt; người tu trì cần phải niệm Phật không xen hở, đâu nên vì một chút bệnh nhỏ thiên nhiên mà bỏ lãng thời tu niệm ư? Khi có nguyệt kinh chỉ nên lễ bái ít (lễ bái ít chứ chẳng phải tuyệt nhiên không lay), còn sự tụng kinh niệm Phật đều chiếu theo lệ thường. Nên thường thay giặt vải dơ, phải rửa tay cho sạch sẽ, đừng dùng tay dơ mà lần chuỗi, lật kinh và đốt hương. Trong Phật pháp, pháp pháp được viên thông, hàng ngoại đạo chỉ chấp một bên lý, người đời phần nhiều lại ưa tin người ngoại đạo, không rõ chánh lý Phật giáo, nên không được thắm nhuần pháp lợi.

11. Quán Thế Âm Bồ-tát thế nguyện rộng sâu, tìm tiếng cứu khổ, khi gặp những tai nạn: Dao binh, nước lửa, đói kém, cào cào, ôn dịch, khô hạn, cướp bóc, oan gia, thú dữ, rắn độc, ác quỷ, yêu mị, nghiệp binh, kẻ tiểu nhân hãm hại v.v... Nếu phát tâm sửa lỗi làm lành, lợi mình lợi người, chí thành khẩn thiết niệm Quán Thế Âm không xen hở, thì quyết định sẽ được nhờ sức từ bi ủng hộ tránh khỏi tai nguy. Nếu còn giữ lòng bất thiện, dù có xưng niệm, chẳng qua là gieo chút căn lành về sau, không được sự cảm ứng hiện tại, vì chur Phật, Bồ-tát thành tựu niệm lành cho người, tuyệt không thành tựu niệm ác cho người. Như không phát tâm sửa lỗi làm lành, làm lạc muốn đem công đức niệm Phật, Bồ-tát, đề cầu cho việc ác của mình thành tựu thì quyết không được cảm ứng. Rất không nên phát tâm điên đảo ấy.

Đã niệm Phật, cần phải giữ trọn nhân luân, gìn lòng thành kính, dứt các điều dữ, làm các việc lành, giữ lòng tốt, nói lời tốt, làm việc tốt. Việc nào mình làm được thì thiết thực mà làm, như không làm được cũng nên phát lòng lành ấy, hoặc khuyên người có thể lực làm, hoặc thấy người làm sinh tâm vui đẹp. Thốt lời khen ngợi việc lành cũng thuộc về công đức của tâm và miệng. Nếu việc mình không thể làm, khi thấy người khác làm được mà sinh lòng ganh ghét, đó là tâm hạnh của kẻ tiểu nhân. Như thế, quyết định phải bị mất phước tổn thọ, không được kết quả tốt, cần đề ý răn chừa. Rất không nên giả mặt hiền lương để mua danh chuốc lợi, tâm hạnh ấy quý thần đều ghét. Có thì mau cải, không thì nên cố gắng làm lành.

12. Có nhiều người nữ vì không rõ chánh lý, hoặc bất hiếu với cha mẹ chồng, khi dễ chồng, quá cưng yêu chiều chuộng con, ngược đãi tôi tớ, hoặc là mẹ ghê hiếp đáp hành hạ con riêng của chồng. Những người ấy đâu biết rằng: hiếu thảo với cha mẹ chồng, kính trọng chồng, dạy dỗ con cái, ra ân huệ cùng hàng tôi tớ, an ủi nuôi dạy con riêng của chồng, chính là đạo Thánh Hiền ở thế gian mà cũng là phép tắc đầu tiên của đạo Phật. Nếu có đủ công đức ấy mà tu Tịnh độ, thì quyết định danh dự thêm nhiều, phước thọ bền vững, khi mạng chung được Phật tiếp dẫn về chín phẩm sen. Nên biết đã có nhân phải có quả, nếu ta gieo nhân hiếu kính từ ái, tự nhiên sẽ được quả hiếu kính từ ái. Vì người tức là vì mình, hại người còn quá hơn hại mình, cho nên mỗi người đều phải làm tròn bổn phận, Phật trời tất sẽ chứng tri.

13. Trẻ con khi vừa khôn lớn, phải dạy cho chúng biết đạo lý hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si và việc ba đời nhân quả, sáu nẻo luân hồi. Như thế là làm cho chúng hiểu tâm của mình cùng tâm chư Phật, Bồ-tát, trời đất, quỷ thần, mỗi hơi thở thông nhau. Nếu khởi một niệm bất chánh, làm một việc không phải, thì các vị ấy thấy đều biết, như đối với trước gương sáng, hình ảnh tốt xấu hiện ra rõ ràng, không che giấu được. Đã hiểu như thế, tất nhiên chúng sẽ sợ hãi, gắng sức làm lành. Chẳng luận người nào, dù là con cái, tôi tớ trong nhà cũng không nên đánh đập mắng chửi thô tháo. Phải tìm cách khuyên hoá, khiến cho chúng biết thờ phụng bậc trên, nhường thuận kẻ dưới, kính trọng giấy chữ, chẳng xài phá cơm gạo, quần áo, của tiền, yêu tiếc sinh mạng loài trùng kiến, không ăn vật vạnh để khỏi mang bệnh. Nếu dạy được như thế, thì một ngày kia quyết định chúng sẽ thành người lương thiện. Trái lại, lúc con cháu còn thơ ấu, cha mẹ chẳng chịu dạy dỗ, để mặc cho chúng buông lung, khi lớn lên nếu chúng nó không là kẻ dung ngu, cũng là hàng phi loại. Chừng ấy, dù có ăn năn cũng vô ích. Lời xưa nói: “Giáo phụ sơ lai, giáo tử anh hài”. (Dạy con dạy thuở còn thơ, dạy vợ dạy lúc ban sơ mới về). Tánh tình phần lớn là do ảnh hưởng của tập quán, cho nên phải cẩn thận từ bước đầu tiên. Cá nhân là phần tử của xã hội, trong thiên hạ bình yên hay loạn lạc, cội nguồn đều do sự hiền lương hoặc bạo ác của con người. Vậy, những điều trên đây quan hệ, thiết yếu, không phải tôi bàn luận chuyện vô ích, xa vời.

---o0o---

Khuyên Khắp Mọi Người Tránh Việc Ăn Thịt Cúng Sinh

(Trích: Hương Sen Vạn Đức của HT. Trí Tịnh)

Lúc 10 tuổi, tôi thấy cảnh người ta đem con chim đồng dộc còn đang sống nhổ lông làm thịt. Từ đó trở đi, tự ăn chay một mình, trong khi mọi người trong nhà đều ăn mặn. Có người hỏi tại sao không ăn thịt? Tôi chỉ trả lời: “Không ăn được! Vậy thôi!” Bởi vì, khi thấy đồ mặn là thấy cái khổ chết hiện lên. Cá thì bị đập đầu, xẻ bụng, đánh vảy; gà vịt thì bị cắt cổ, nhổ lông. Từ khi ăn chay thì tâm mình thay đổi hẳn, thấy con gà, con vịt liền khởi lòng thương. Khi thấy nó bệnh hay bị thương nơi đâu thì để tâm chăm sóc.

Lúc trước chưa biết ăn chay, thấy mấy đứa bạn trong xóm cùng trang lứa như mình, khoảng 7 đến 10 tuổi, sắm giàng thun bắn chim thì mình cũng sắm, dù chưa bắn con gì. Đến khi ăn chay rồi thì bỏ giàng thun, thấy con vật thì lại thương. Và khi mấy đứa bạn bắn chim thì tôi liền tìm đất đá liệng làm động để nó bay đi. Thậm chí, thấy người ta rình bắt chó làm thịt thì cũng cố tìm cách đuổi nó chạy đi, không sợ họ rầy, họ giận. Vì mình thương chúng nên tự phát ra hành động như vậy để bảo vệ sinh mạng chúng, không nỡ nhìn chúng bị cắt cổ mổ bụng.

Do vậy, ăn chay rất tốt. Lúc trước nghĩ những con vật là món ăn nên đâu có thương. Từ khi biết ăn chay rồi thì tình thương phát sinh. Chính tình thương này là tình thương của từ bi, của các bậc Hiền Thánh.

Có người cho rằng: ăn chay suy dinh dưỡng. Như tôi ăn chay từ lúc nhỏ, cho đến bây giờ sống đến 94 tuổi. Điều này chứng minh ăn chay không suy dinh dưỡng. Nhớ lại lúc tôi vào bệnh viện chữa bệnh mắt, bác sĩ bảo tôi ăn chay nên bệnh. Tôi nói: Bốn năm người nằm chung phòng có ai ăn chay không? Cả bệnh viện này, bao nhiêu bệnh nhân có mấy người ăn chay? Như vậy, ăn chay bị bệnh là thiểu số, còn ăn thịt bị bệnh là đa số. Sao không nói bệnh do ăn mặn mà ra? Nói đúng hơn, họ bệnh vực chuyện ăn thịt cá, che đậy lỗi mình. Những lời nói ấy đều bắt nguồn từ sự thiếu hiểu biết sai lầm.

Đức Phật nói sát sinh là nghiệp nhân chính, nặng nhất tạo ra quả sinh tử luân hồi khổ của chúng sinh. Trong pháp Phật dạy: không sát sinh đứng đầu, còn muốn ăn thịt phải tránh ba điều:

1. Không thấy giết.
2. Không nghe giết.
3. Không nghi giết.

Không nghi giết khó lắm! Đĩa cá, đĩa thịt để trước mặt, lại bảo không nghi người ta giết, điều đó không thể có được. Bởi vì, mình muốn ăn nên họ nấu, trước khi nấu phải ra chợ mua, rồi người đi bắt, đi giết để cung cấp cá thịt cho người mua, chỉ có thịt mà con thú ăn còn dư, mình đi dọc đường thấy đem về thì mới được.

Lúc ban đầu, Phật chỉ dạy không sát sinh chớ không cấm việc ăn thịt, vì cấm thì họ không dám đến, không dám đến thì không thể giáo hoá được. Nhưng về sau Phật cấm dứt hẳn, như trong kinh Phạm Võng nói: “Luận về người ăn

thịt thì mất lòng từ bi, đứt giống Phật tánh. Người ăn thịt mắc vô lượng tội”. Kinh Lăng-nghiêm nói: “Người chết làm dê, dê chết làm người, xoay vần vay trả không dừng nghỉ”.

Thế nên, chúng ta phải ăn chay, phóng sinh để cho nghiệp sát bớt đi. Có người nói: Tôi không ăn, nhưng họ cũng bán đầy ngoài chợ! Nhưng nếu ngày nay, được nhiều người không ăn thịt cá thì ngày mai họ ít giết, vì bán ế. Còn ngày nay, nếu thêm nhiều người ăn thịt cá thì họ sẽ giết thêm; vì ngày nay họ bán đắt, thiếu thịt để bán. Tất cả những lời nói đó đều là tà kiến, nói chỉ bênh vực cái lỗi ham thích ăn thịt chúng sinh mà thôi.

Biên soạn xong 17/03/2010 tại chùa Huệ Viễn.

*

---o0o---

HẾT